



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT SÀI GÒN

Trụ sở chính

06 Hai Bà Trưng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP.HCM

Văn phòng Giao dịch

72 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP.HCM

(84-8) 3829 4083

(84-8) 3829 6856

www.sabeco.com.vn

www.biasaigon.com.vn

Quét mã QR



xem phiên bản online



DẤU ẤN THÀNH CÔNG

SABECO • BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2016 • DẤU ẤN THÀNH CÔNG

**BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN 2016**



MỤC LỤC



SABECO NĂM 2016

Thông tin chung	2
Tầm nhìn - Sứ mệnh - Giá trị cốt lõi	3
Thông điệp của Chủ tịch HĐQT	4
Tóm tắt kết quả hoạt động năm 2016	6
Các chỉ số nổi bật năm 2016	7
Sự kiện và hoạt động tiêu biểu	8
Danh hiệu và giải thưởng	9

GIỚI THIỆU SABECO

Quá trình hình thành và phát triển	12
Ngành nghề kinh doanh	14
Mô hình quản trị và bộ máy quản lý	16
Danh mục sản phẩm	17
Địa bàn hoạt động	18
Giới thiệu Ban lãnh đạo	20
Định hướng phát triển	27
Phân tích các rủi ro chính liên quan đến hoạt động	28
Các công ty con, công ty liên kết, liên doanh	30

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG

Tình hình hoạt động và báo cáo đánh giá của Ban Điều hành	34
Đánh giá của HĐQT	44

QUẢN TRỊ CÔNG TY

Mô hình quản trị Công ty	52
Thông tin và hoạt động của HĐQT	53
Ban Kiểm soát	54
Các giao dịch đặc thù và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban giám đốc và Ban Kiểm soát	55
Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty	56
Quản trị rủi ro	56
Quan hệ Cổ đông / Nhà đầu tư	58

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Giới thiệu về báo cáo phát triển bền vững	62
Các chỉ số nổi bật về phát triển bền vững	64
Mô hình và quản trị phát triển bền vững của Sabeco	65
Đánh giá tác động và hoạt động của Sabeco về phát triển bền vững	68

BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2016

Thông tin chung	80
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	82
Báo cáo kiểm toán độc lập	83
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	85
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	89
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	91
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	93



THÔNG TIN CHUNG

Tên giao dịch:

Tổng Công ty cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn (Sabeco)

Số ĐKKD: 0300583659

Vốn điều lệ: 6.412.811.860.000 đồng

Địa chỉ:

Trụ sở chính: Số 6, Hai Bà Trưng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP.HCM

Văn phòng Giao dịch: 72 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP.HCM

ĐT: (08) 3829 4083 - Fax: (08) 3829 6856

Website: www.sabeco.com.vn
www.biasaigon.com.vn

Email: sabeco@sabeco.com.vn

Thông tin cổ phiếu:

Niêm yết

Sabeco được Sở giao dịch Chứng khoán TP.HCM chấp thuận niêm yết từ ngày 25/11/2016 theo Quyết định số 470/QĐ-SGDHCM ngày 25/11/2016

Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông

Mã cổ phiếu: SAB

Mệnh giá: 10.000 đồng / Cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu: 641.281.186 cổ phiếu

Ngày giao dịch đầu tiên: Ngày 06/12/2016

TẦM NHÌN - SỨ MỆNH GIÁ TRỊ CỐT LÕI



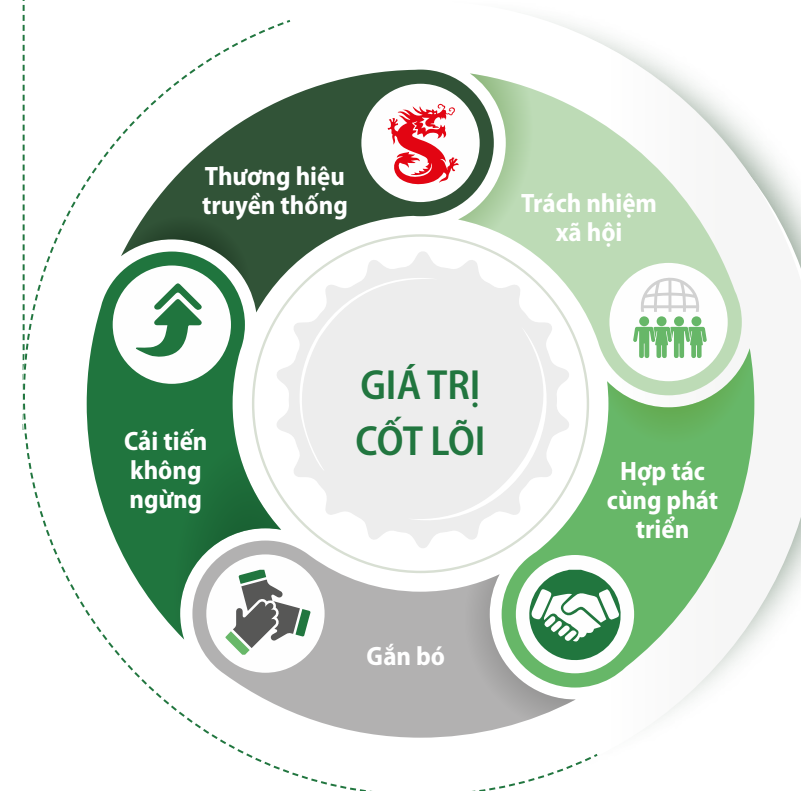
TẦM NHÌN 2025

Phát triển Sabeco trở thành Tập đoàn công nghiệp đồ uống hàng đầu Việt Nam, có vị thế trong khu vực và Quốc tế



SỨ MỆNH

- Phát triển ngành đồ uống Việt Nam ngang tầm thế giới
- Đề cao văn hoá ẩm thực của người Việt Nam
- Nâng cao chất lượng cuộc sống thông qua việc cung cấp các sản phẩm đồ uống chất lượng cao, an toàn và bổ dưỡng
- Mang lại lợi ích thiết thực cho cổ đông, khách hàng, đối tác, người lao động và xã hội



THÔNGIỆP CHỦ TỊCH HĐQT



Kính thưa Quý cổ đông, khách hàng, đối tác và tập thể người lao động Sabeco,

Sabeco 2016 - Dấu ấn thành công

Xu hướng mua bán sát nhập trở thành chiến lược nổi bật của các hãng để xâm nhập, mở rộng thị trường, trong đó thị trường Việt Nam với tiềm năng tăng trưởng được xem là “tiêu điểm” thu hút thêm hàng loạt các thương hiệu lớn bên cạnh Heineken, ABInbev (đã sát nhập với SABMiller, tạo ra công ty bia lớn nhất thế giới), Carlsberg, Sapporo và các hãng bia nội cạnh tranh quyết liệt, qua đó hứa hẹn “gia nhiệt” cho thị trường bia vốn đã thừa khốc liệt. Trong năm 2016, tình trạng biến đổi khí hậu, lũ lụt, hạn hán kéo dài tại Việt Nam đã ảnh hưởng nhu cầu tiêu thụ tại một số khu vực. Các thuộc tính nhân khẩu học như thu nhập bình quân, độ tuổi uống bia, nhận thức, phong cách sống và thị hiếu của người uống,... thay đổi, kết hợp với xu hướng sản phẩm mới (bia tươi và bia hương vị trái cây,...) dẫn đến dịch chuyển đáng kể về phân khúc, chủng loại sản phẩm, qua đó đặt ra nhiều thách thức cho Sabeco vốn có thế mạnh tập trung cho các phân khúc và sản phẩm truyền thống. Bên cạnh đó, chính sách gia tăng thuế tiêu thụ đặc biệt và hạn chế tiêu dùng, lạm dụng bia rượu cũng ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động của Sabeco.

Tuy nhiên, với những định hướng chiến lược đúng đắn của Ban lãnh đạo cùng sự nỗ lực không ngừng của tập thể CBCNV toàn hệ thống, Sabeco đã đạt được những con số rất ấn tượng trong năm 2016. Sản lượng tiêu thụ đạt 1,65 tỷ lít, tăng 8,4% so với cùng kỳ và vượt 6,9% kế hoạch. Trong đó khu vực phía Nam vẫn là thị trường chủ lực, trong khi sản lượng và thị phần tại khu vực phía Bắc và miền Trung tăng trưởng tốt, đóng góp quan trọng vào thành công chung của Công ty. Sabeco tiếp tục duy trì vị thế số 1 tại thị trường Việt Nam với mức thị phần về sản lượng ước tính đạt 40% (theo AC Nielsen). Tổng doanh thu năm 2016 đạt 31.754 tỷ đồng, tăng 13% so với cùng kỳ và vượt 11% kế hoạch. Lợi nhuận trước thuế đạt 5.707 tỷ đồng, tăng 31% so với cùng kỳ và 28% so với kế hoạch.

Đây là năm đạt doanh thu và mức lợi nhuận cao kỷ lục của Sabeco kể từ khi thành lập. Công ty tiếp tục thực hiện chính sách cổ tức ổn định qua việc duy trì mức chi trả cổ tức tối thiểu là 30% cho cổ đông, sử dụng nguồn quỹ lợi nhuận giữ lại cho việc đầu tư, phát triển, qua đó phục vụ mục tiêu phát triển bền vững của Sabeco.

Đặc biệt, năm 2016 cũng là năm đánh dấu cột mốc quan trọng khi Sabeco niêm yết cổ phiếu trên Sở giao dịch chứng khoán TP.HCM, trở thành Công ty có vốn hóa thị trường hàng đầu tại Việt Nam và Bộ Công Thương cũng đang chỉ đạo quyết liệt việc bán tiếp phần vốn Nhà nước tại Sabeco theo chủ trương của Thủ tướng Chính phủ. Những chủ trương đúng đắn này giúp tạo ra sức hút rất lớn đối với giới đầu tư, thương hiệu Sabeco cũng được người tiêu dùng chú ý hơn, qua đó góp phần vào kết quả kinh doanh chung của Sabeco. Niêm yết cổ phiếu cùng với chủ trương bán vốn Nhà nước một mặt đặt Sabeco trước áp lực hoạt động minh bạch, hiệu quả hơn nhưng đồng thời được xem là “cú hích” quan trọng thúc đẩy sự thay đổi, tạo thêm động lực phát triển cho Công ty. Kết quả từ việc thay đổi nhận được sự hoan nghênh và đánh giá rất tích cực từ thị trường, thể hiện qua việc giá cổ phiếu Sabeco tăng trưởng vượt bậc, lọt vào nhóm những cổ phiếu có giá trị cao nhất trên thị trường chứng khoán và qua đó gia tăng đáng kể giá trị cho cổ đông, nhà đầu tư.

Sabeco 2017 - Đẩy mạnh tái cấu trúc, gia tăng năng lực cạnh tranh, "chất lượng tăng trưởng"

Thị trường bia Việt Nam cuối năm 2016 đã lọt vào Top 10 các thị trường lớn nhất thế giới xét về dung lượng bia tiêu thụ và dự kiến sẽ vượt mốc tiêu thụ 4 tỷ lít trong năm 2017. Dù được dự báo sẽ không còn duy trì tốc độ tăng trưởng ấn tượng hai chữ số như giai đoạn 2010 - 2015, nhưng thị trường Việt Nam vẫn hấp dẫn,

“**Năm 2016, với nhiều khó khăn và thách thức nhưng cũng là năm kinh doanh rất thành công của Sabeco xét trên khía cạnh hiệu quả và phát triển bền vững. Với nền tảng 40 năm xây dựng và phát triển thương hiệu, Sabeco tiếp tục khẳng định vị thế tiên phong thống lĩnh ngành Bia tại thị trường Việt Nam**”

thu hút sự gia nhập của nhiều đối thủ lớn với nguồn lực tài chính và kinh nghiệm vượt trội, kéo theo sự cạnh tranh khốc liệt hơn. Ngoài yếu tố cạnh tranh ngành, hoạt động của Sabeco còn chịu rủi ro từ chính sách của Nhà nước đối với ngành bia, rượu, trong đó việc điều chỉnh thuế suất thuế tiêu thụ đặc biệt tăng thêm 5%, lên mức 60% từ đầu năm 2017 (trong lộ trình tăng thuế lên 65% đến năm 2018) và các chính sách hạn chế tiêu dùng, lạm dụng bia rượu,... Bên cạnh đó, những xu hướng mới về sản phẩm bia và việc thay đổi thị hiếu tiêu dùng tiếp tục đặt ra cho Sabeco những thách thức không nhỏ trong việc giữ vững thương hiệu, thị phần trong giai đoạn tới.

Nhận thức rõ những khó khăn và thách thức phía trước, Sabeco xác định tiêu điểm trong tiến trình phát triển dài hạn qua việc tái cấu trúc toàn diện Sabeco và gia tăng “**nội lực**”, với phương châm “**Thương mại là mặt trận hàng đầu, Kỹ thuật công nghệ là nền tảng và Quản trị là quyết định**” trong đó tập trung vào một số công tác quan trọng:

- Tái cấu trúc các khâu cốt lõi trong chuỗi giá trị và củng cố chuỗi cung ứng theo hướng bền vững nhằm gia tăng năng lực cạnh tranh và hiệu quả hoạt động;
- Nâng cao chất lượng sản phẩm, bao bì; Đẩy mạnh công tác R&D và sớm tung sản phẩm mới ra thị trường để khẳng định vị thế và thương hiệu Bia Sài Gòn;
- Cấu trúc hệ thống phân phối theo hướng gia tăng kiểm soát và nâng cao hiệu quả hơn nữa đối với hoạt động bán hàng - điều vận;
- Đẩy mạnh hoạt động xây dựng, phát triển hình ảnh và thương hiệu Bia Sài Gòn;
- Hoàn thiện cơ cấu tổ chức, bộ máy quản lý và quản trị doanh nghiệp theo hướng hiện đại và khoa học.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản trị doanh nghiệp;
- Triển khai bán vốn Nhà nước tại Sabeco; Rà soát, đẩy nhanh việc thoái vốn các khoản đầu tư rủi ro, kém hiệu quả để gia tăng hiệu quả sử dụng vốn.

Trong năm 2017 và những năm tiếp theo, thay đổi luôn là vấn đề tất yếu để tồn tại và phát triển. Sabeco với nguồn lực vững vàng về tài chính, đội ngũ nhân sự nhiều kinh nghiệm, gắn kết và tâm huyết cùng với định hướng đúng đắn trong công cuộc tái cấu trúc hoàn toàn tin tưởng vào sự phát triển bền vững trong tương lai, tiếp tục khẳng định vị thế tiên phong tại Việt Nam, vươn tầm ra khu vực và thế giới.

Thay mặt Ban lãnh đạo Sabeco, tôi trân trọng cảm ơn Quý cổ đông, khách hàng, đối tác và toàn thể CBCNV Sabeco đã tin tưởng, đồng hành cùng Sabeco và mong Quý vị sẽ tiếp tục ủng hộ Sabeco trong chặng đường phía trước. Chúc Quý vị sức khỏe, hạnh phúc và thành công.

Trân trọng,

Võ Thanh Hà
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

TÓM TẮT

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2016

KẾT QUẢ KINH DOANH	ĐVT	2011	2012	2013	2014	2015	2016
Sản lượng tiêu thụ Bia các loại	Triệu lít	1.200	1.299	1.346	1.394	1.521	1.648
Tổng doanh thu	Tỷ đồng	20.012	22.609	24.884	25.442	28.068	31.754
Lợi nhuận trước thuế (LNTT)	Tỷ đồng	2.996	3.648	3.278	3.595	4.366	5.707
Lợi nhuận sau thuế (LNST)	Tỷ đồng	2.344	2.786	2.177	2.808	3.507	4.655
CHỈ TIÊU TĂNG TRƯỞNG (yoy)							
Tổng doanh thu	%	11	13	10	2	10	13
Lợi nhuận gộp	%	-5	21	19	5	21	10
LNTT	%	-14	22	-10	10	21	31
LNST	%	-11	19	-22	29	25	33
Tổng tài sản	%	5	7	9	12	1	-13
Vốn chủ sở hữu	%	20	11	-5	24	-3	3
CHỈ TIÊU HIỆU QUẢ & PHÂN TÍCH DUPONT							
Biên LN gộp / Doanh thu thuần (Gross margin)	%	21	23	24	25	28	27
Biên LNTT và lãi vay (EBIT margin)	%	17	18	15	16	17	20
Biên LNST / Doanh thu thuần (ROS)	%	12	13	9	11	13	15
Vòng quay tổng tài sản (Asset turnover)	Lần (x)	1.2	1.3	1.3	1.2	1.2	1.5
Tỷ suất LNST / Tổng tài sản (ROA)	%	14	16	12	14	16	23
Tổng tài sản / Vốn chủ sở hữu (Đòn bẩy)	%	1.9	1.7	1.8	1.8	1.8	1.7
Tỷ suất LNST / Vốn chủ sở hữu (ROE)	%	27%	28%	21%	25%	29%	38%
KHẢ NĂNG HOẠT ĐỘNG							
Số ngày phải thu	Ngày	9	8	8	8	8	7
Số ngày tồn kho	Ngày	30	26	34	37	36	35
Số ngày phải trả	Ngày	37	31	37	35	29	31
Vòng quay tổng tài sản	Lần (x)	1.2	1.3	1.3	1.2	1.2	1.5
Vòng quay tài sản cố định	Lần (x)	2.9	3.4	3.6	3.4	4.2	5.4
KHẢ NĂNG THANH TOÁN							
Thanh toán tiền mặt (**)	Lần (x)	0.8	1.0	1.0	0.9	0.9	1.0
Khả năng thanh toán nhanh	Lần (x)	1.0	1.2	1.1	1.0	1.1	1.2
Khả năng thanh toán ngắn hạn	Lần (x)	1.2	1.5	1.4	1.3	1.3	1.5
CƠ CẤU NGUỒN VỐN							
Nợ vay / Tổng nguồn vốn	%	10	9	9	7	7	7
Nợ vay / Vốn chủ sở hữu	%	18	16	16	13	12	12
Tổng tài sản / Vốn chủ sở hữu	Lần (x)	1.9	1.7	1.8	1.8	1.8	1.7
Khả năng thanh toán lãi vay	Lần (x)	13	18	26	35	58	70
CHỈ TIÊU TĂNG TRƯỞNG (yoy)							
Số lượng cổ phiếu lưu hành	Triệu CP	641.28	641.28	641.28	641.28	641.28	641.28
Lãi cơ bản / cổ phiếu (EPS)	VNĐ	3,556	4,161	3,354	4,588	4,693	6,442
Giá trị sổ sách / cổ phiếu (BVPS/NAV)	VNĐ/CP	14,866	16,472	15,651	19,474	18,853	19,388
Tỷ lệ cổ tức (***)	%	20	22	23	25	30	30
Giá thị trường cuối năm	VNĐ/CP						197,700
P/E (****)	Lần (x)						31
NỘP NGÂN SÁCH	Tỷ đồng	4.493	5.344	6.539	7.497	8.788	8.782

(*) Các chỉ tiêu trên Bảng Cân đối kế toán là chỉ tiêu bình quân (Số đầu kỳ + Số cuối kỳ)/2 (**) Tiền mặt = Tiền + Các khoản tương tiền + Các khoản đầu tư tiền gửi ngắn hạn với kỳ hạn dưới 1 năm (***) Nợ vay: Các khoản nợ vay ngắn và dài hạn, trả lãi định kỳ (****) Tính trên mệnh giá cổ phiếu (10.000 đồng/cổ phiếu)

CÁC CHỈ SỐ

NỔI BẬT NĂM 2016



HOẠT ĐỘNG VÀ SỰ KIỆN TIÊU BIỂU NĂM 2016

CÔNG TY SXKD BIA LỚN NHẤT VIỆT NAM

Năng lực sản xuất đạt trên 1,8 tỷ lít bia/năm với 23 Nhà máy trên toàn quốc.

Sản lượng tiêu thụ 2016 đạt 1,65 tỷ lít, chiếm 40% thị phần sản lượng.

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU VÀ TRỞ THÀNH CÔNG TY CỔ VỐN HÓA LỚN THỨ 2 TRÊN THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

Ngày 06/12/2016, Sabeco chính thức niêm yết cổ phiếu trên Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM (HOSE), mã chứng khoán SAB.

SABECO

THÀNH VIÊN THỨ 351 TẠI HỌC VIỆN BIA BERLIN - CÁI NÔI CỦA VĂN HÓA BIA THẾ GIỚI

ĐẨY MẠNH ỨNG DỤNG CNTT TRONG QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

Triển khai, áp dụng phần mềm quản lý hệ thống phân phối DMS-One tại khâu thương mại và hệ thống phần mềm Bravo hợp nhất thông tin tài chính - kế toán - quản trị toàn hệ thống.

LÀ MỘT TRONG NHỮNG DOANH NGHIỆP NỘP NGÂN SÁCH LỚN NHẤT VIỆT NAM

Tổng nộp ngân sách hợp nhất đạt gần 8.800 tỷ đồng (chưa kể cổ tức nộp về cho Nhà nước).

DANH HIỆU & GIẢI THƯỞNG



Sabeco lọt vào danh sách Top 6 thương hiệu giá trị nhất Việt Nam (theo Tổ chức định giá thương hiệu nổi tiếng thế giới Brand Finance)



5 lần đạt giải Thương hiệu Quốc gia liên tiếp lĩnh vực Thực phẩm - Đồ uống giai đoạn 2008-2013 chứng nhận bởi Vietnam Value (Hội đồng Thương hiệu Quốc gia)



Chứng nhận thuộc Top VN 500 doanh nghiệp lớn nhất tại Việt Nam



Bia 333 Premium Export đã vinh dự được trao giải Vàng quốc tế AIBA 2015 tại Australia với chứng nhận là sản phẩm tốt nhất có phong cách Lager



Chứng nhận Thương hiệu Việt Nam tin dùng, năm 2014



Huân chương Độc lập hạng nhất, năm 2014



Huân chương Anh hùng Lao động thời kỳ đổi mới, năm 2008



Cờ Thi đua của Chính phủ, các năm 1994, 1995, 1997, 1998, 2003, 2004, 2005, 2006, 2007, 2012, 2013, 2015 và bằng khen của Thủ tướng Chính phủ các năm 2002, 2005, 2013



GIỚI THIỆU SABECO

Quá trình hình thành và phát triển	12
Ngành nghề kinh doanh	14
Mô hình quản trị và bộ máy quản lý	16
Danh mục sản phẩm	17
Địa bàn hoạt động	18
Giới thiệu Ban lãnh đạo	20
Định hướng phát triển	27
Phân tích các rủi ro chính liên quan đến hoạt động	28
Các công ty con, công ty liên kết, liên doanh	30



QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

1875 **Sabeco:** 142 năm lịch sử nguồn gốc và 40 năm xây dựng, phát triển thương hiệu trải qua nhiều cột mốc quan trọng.

Tiền thân của Bia Sài Gòn là một xưởng bia nhỏ do ông Victor Larue, một người Pháp tại Đông Dương, lập ra tại Sài Gòn vào năm 1875. Năm 1910, xưởng phát triển thành một nhà máy hoàn chỉnh, sản xuất bia, nước ngọt và nước đá. Tháng 9 năm 1927, nhà máy được chính thức sát nhập vào hệ thống hãng BGI của Pháp, và năm 1977 được công ty Rượu Bia Miền Nam quản lý, và được đổi tên thành Nhà máy Bia Sài Gòn, chuyển sang thời kỳ phát triển mới.

Nhà máy Bia Sài Gòn ra đời

17/05/1977, Bộ trưởng Bộ Lương thực và Thực phẩm ra quyết định số 845/LTTP giao Công ty Rượu Miền Nam tiếp nhận và quản lý toàn bộ nhà máy của hãng BGI.

Kể từ ngày 01/06/1977, Nhà máy được đổi tên thành Nhà máy Bia Sài Gòn.

1977

1985 **Sự ra đời của lon Bia 333**
Tháng 10/1985, Nhà máy Bia Sài Gòn lắp đặt hệ thống chiết lon, cho ra đời sản phẩm bia lon đầu tiên ở Việt Nam.

Như vậy, từ hai sản phẩm bia chai Larue dung tích 610ml và bia chai 333 dung tích 330 ml những ngày đầu tiếp quản, đến thời điểm này, Bia Sài Gòn gồm Bia chai Sài Gòn Lager, Bia chai Sài Gòn Export, Bia lon 333 và Bia chai Sài Gòn Special.

Sự ra đời của bia chai Saigon Lager

Tháng 02/1992, Nhà máy Bia Sài Gòn hoàn thành lắp đặt, đưa vào sản xuất dây chuyền chiết bia mới, công suất 30.000 chai/giờ và bắt đầu dùng kết nhựa thay thế kết gỗ. Kiểu dáng sản phẩm được thay đổi đa dạng hơn. Loại chai 450ml ra đời thay thế cho chai 500ml.

1992

1993 Nhà máy Bia Sài Gòn trở thành Công ty Bia Sài Gòn sau khi sát nhập lần lượt các Nhà máy Nước đá Sài Gòn, Nhà máy Cơ khí Rượu Bia.

1996: Sự ra đời của bia chai Saigon Export.

Tháng 08/1996: Sản phẩm mới bia chai xuất khẩu Sài Gòn Export dung tích 355ml ra đời.

Năm 1999, Công ty Bia Sài Gòn nghiên cứu cho ra đời sản phẩm bia chai Sài Gòn Special.

2016 Chính thức niêm yết cổ phiếu trên Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM



2015

Sabeco long trọng kỷ niệm 140 năm lịch sử hình thành và phát triển

Sabeco đạt mức sản lượng tiêu thụ 1 tỷ lít bia

2010

2008

Chuyển đổi mô hình hoạt động qua quá trình cổ phần hóa, Tổng Công ty cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn được thành lập

Cũng trong năm 2008, Tổng công ty Bia - Rượu - NGK Sài Gòn đón nhận danh hiệu Anh hùng Lao động thời kỳ Đổi mới; chính thức khánh thành Nhà máy Bia Sài Gòn - Củ Chi. Đây là nhà máy bia được đánh giá là hiện đại bậc nhất Đông Nam Á.

Tổng Công ty Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn được thành lập

Tổng Công ty Bia - Rượu - NGK Sài Gòn (Sabeco) được thành lập, trên cơ sở Công ty Bia Sài Gòn và tiếp nhận các thành viên gồm Công ty Rượu Bình Tây, Công ty Nước giải khát Chương Dương, Nhà máy Thủy tinh Phú Thọ và Công ty Thương mại Dịch vụ Bia - Rượu - NGK Sài Gòn.

2003

NGÀNH NGHỀ **KINH DOANH**

Ngành nghề hoạt động chính của Sabeco là sản xuất kinh doanh bia, rượu và nước giải khát các loại, trong đó bia đóng vai trò là ngành hàng chủ lực.



VỊ THẾ THƯƠNG HIỆU

BIA SAIGON®
NIỀM TỰ HÀO CỦA NGƯỜI VIỆT NAM

Bia Sài Gòn có lịch sử lâu đời bậc nhất và tiên phong tại thị trường bia Việt Nam với 142 năm lịch sử nguồn gốc và 40 năm xây dựng, phát triển thương hiệu. Các sản phẩm Bia Sài Gòn mang giá trị truyền thống, gắn kết với lịch sử và con người Việt Nam được các thế hệ, đông đảo người tiêu dùng biết đến và ủng hộ.

Các sản phẩm Bia 333, Bia Sài Gòn Export còn đang từng bước chinh phục hàng triệu người uống bia trên thế giới, đã có mặt trên 28 nước trên thế giới và ngày càng được ưa chuộng.



HỆ THỐNG SẢN XUẤT

Bao gồm 23 Nhà máy sản xuất trải dài khắp lãnh thổ Việt Nam giúp Sabeco dễ dàng tiếp cận, đưa sản phẩm một cách nhanh và hiệu quả nhất đến tay người tiêu dùng. Hệ thống sản xuất được xem là yếu tố nền tảng và là lợi thế cạnh tranh so với các đối thủ.

Các Nhà máy Bia Sài Gòn được đầu tư máy móc thiết bị đồng bộ với công nghệ sản xuất hiện đại, nhập khẩu từ các hãng sản xuất thiết bị chuyên dùng cho ngành bia hàng đầu thế giới tại Châu Âu như Krones AG, KSH,... được tích hợp hệ thống quản lý sản xuất tự động hóa cao, giúp giảm tiêu hao năng lượng, hỗ trợ công tác quản lý sản xuất hiệu quả. Các Nhà máy Bia Sài Gòn đều được chứng nhận đạt chuẩn ISO 9001:2008 (Hệ thống Quản lý chất lượng), ISO 14001:2004 (Hệ thống Quản lý môi trường), ISO 22000:2005 (Hệ thống Quản lý an toàn thực phẩm), và HACCP (Hệ thống phân tích mối nguy và kiểm soát điểm tới hạn trong quá trình sản xuất).



KỸ THUẬT VÀ CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM

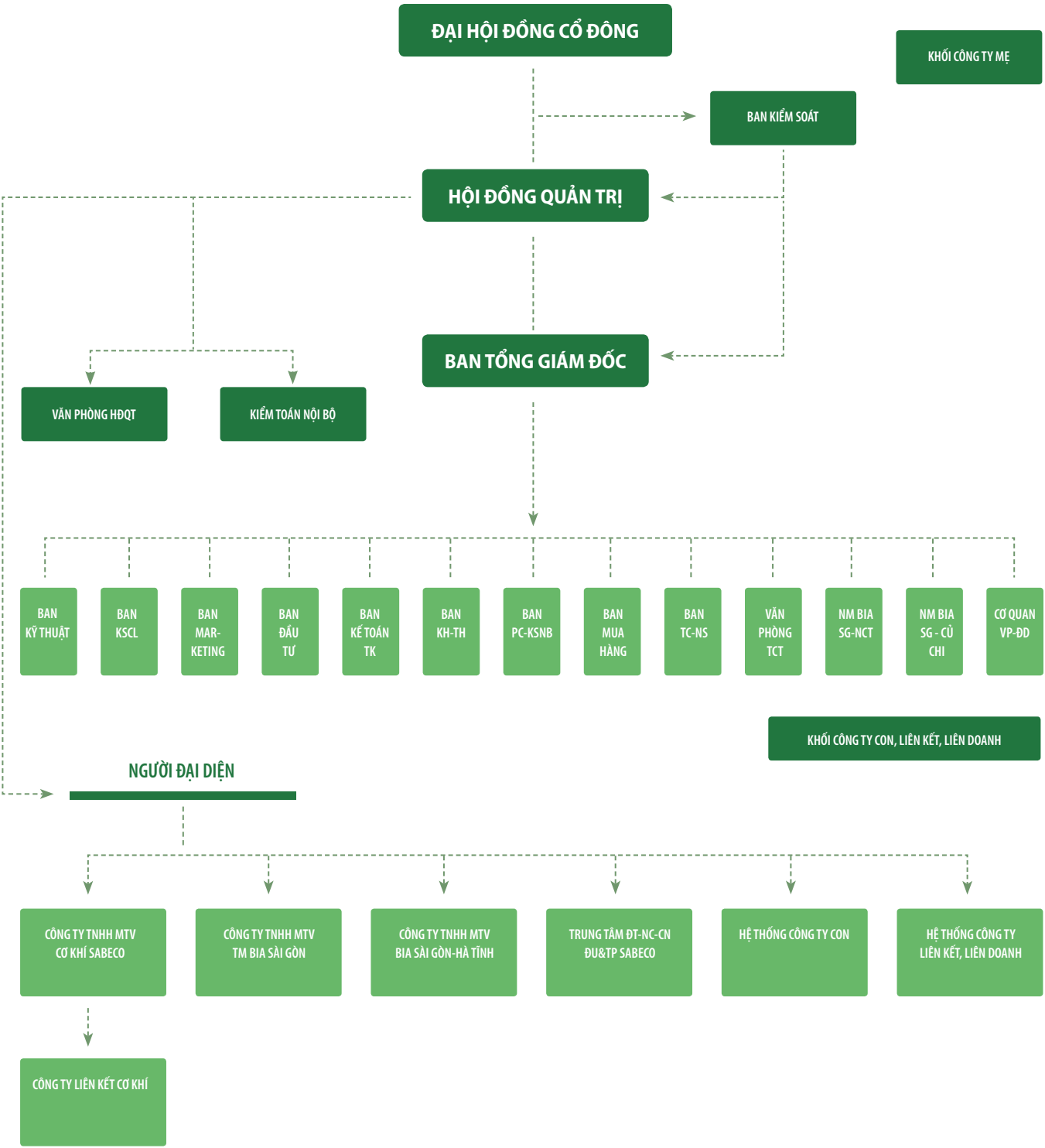
Xác định công nghệ, kỹ thuật là yếu tố nền tảng trong chiến lược cạnh tranh và phát triển của mình, Bia Sài Gòn ban hành và áp dụng quy trình sản xuất khép kín, tự động hóa cao, quản lý bởi đội ngũ kỹ thuật gồm các kỹ sư về công nghệ - thiết bị và các brewmasters (chuyên gia sản xuất bia) giàu kinh nghiệm, được đào tạo nâng cao tay nghề tại các quốc gia hàng đầu về sản xuất bia như Đức,...

Bên cạnh đó, Bia Sài Gòn cũng ban hành và cam kết chính sách chất lượng cao nhất đối với tất cả các sản phẩm của mình, quản lý bởi hệ thống quản lý chất lượng với trang thiết bị đo kiểm hiện đại, quy trình được giám sát nghiêm ngặt từ các nguyên vật liệu đầu vào (theo các tiêu chuẩn do Bia Sài Gòn ban hành, nhập từ các nhà cung cấp uy tín, lớn hàng đầu thế giới và thường xuyên cập nhật theo quy định) cho đến thành phẩm đầu ra trước khi đến tay người tiêu dùng.

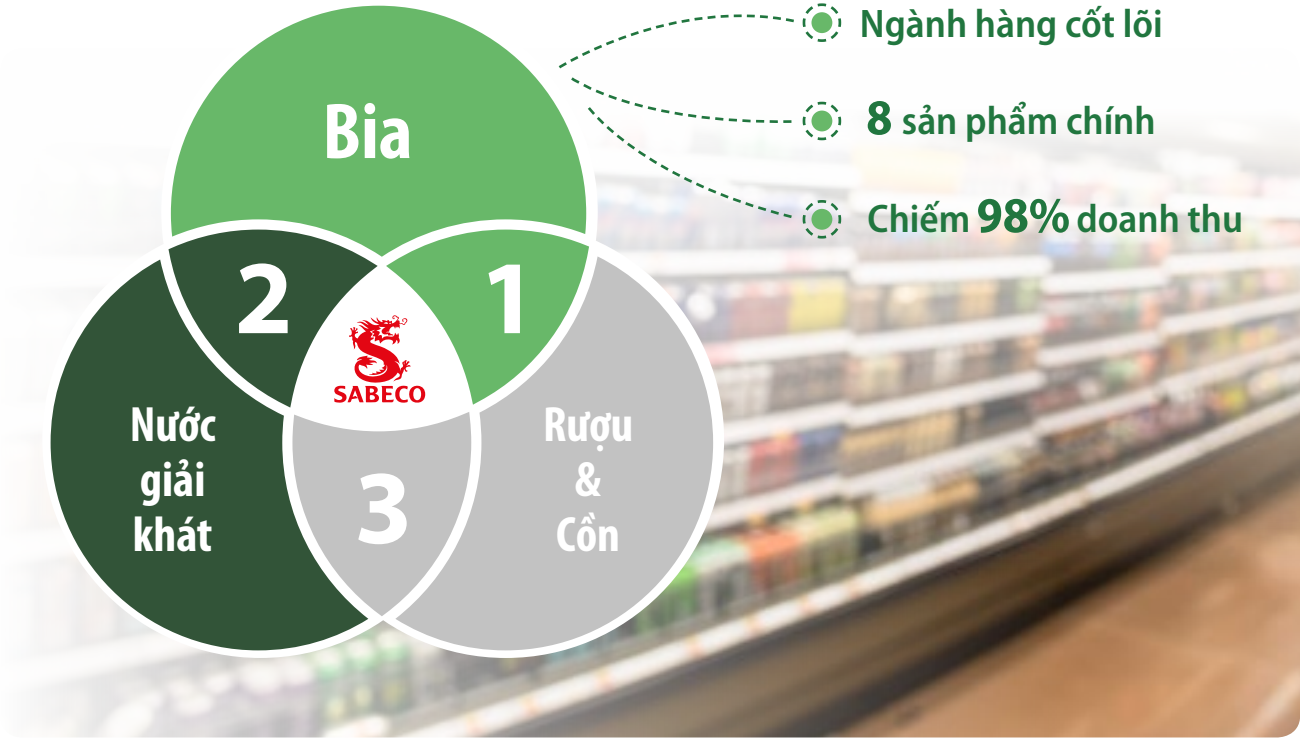
Cùng với 23 nhà máy sản xuất bia, SABECO còn có 1 nhà máy sản xuất rượu và 1 nhà máy sản xuất nước giải khát với các sản phẩm có chỗ đứng nhất định trên thị trường đồ uống Việt Nam.



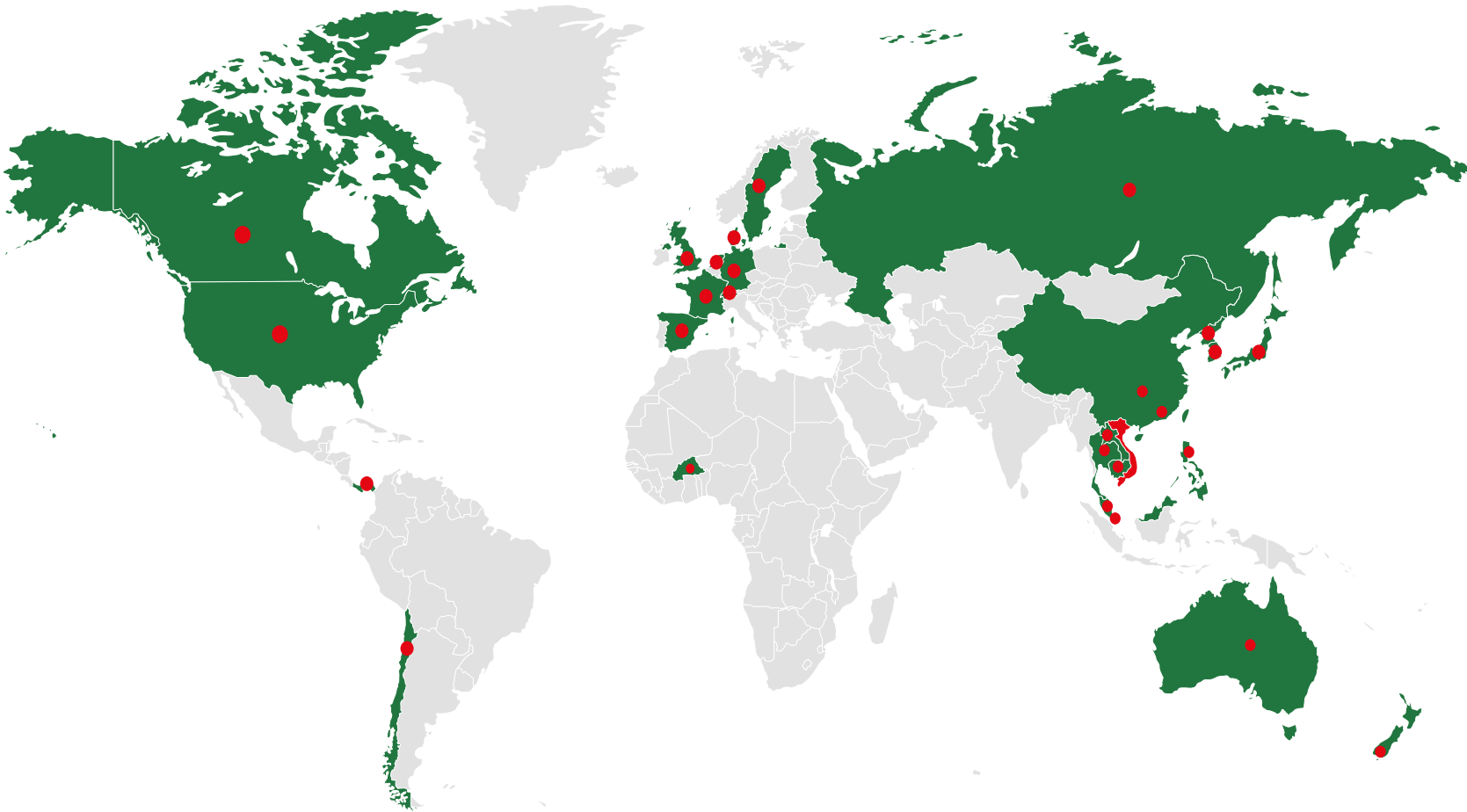
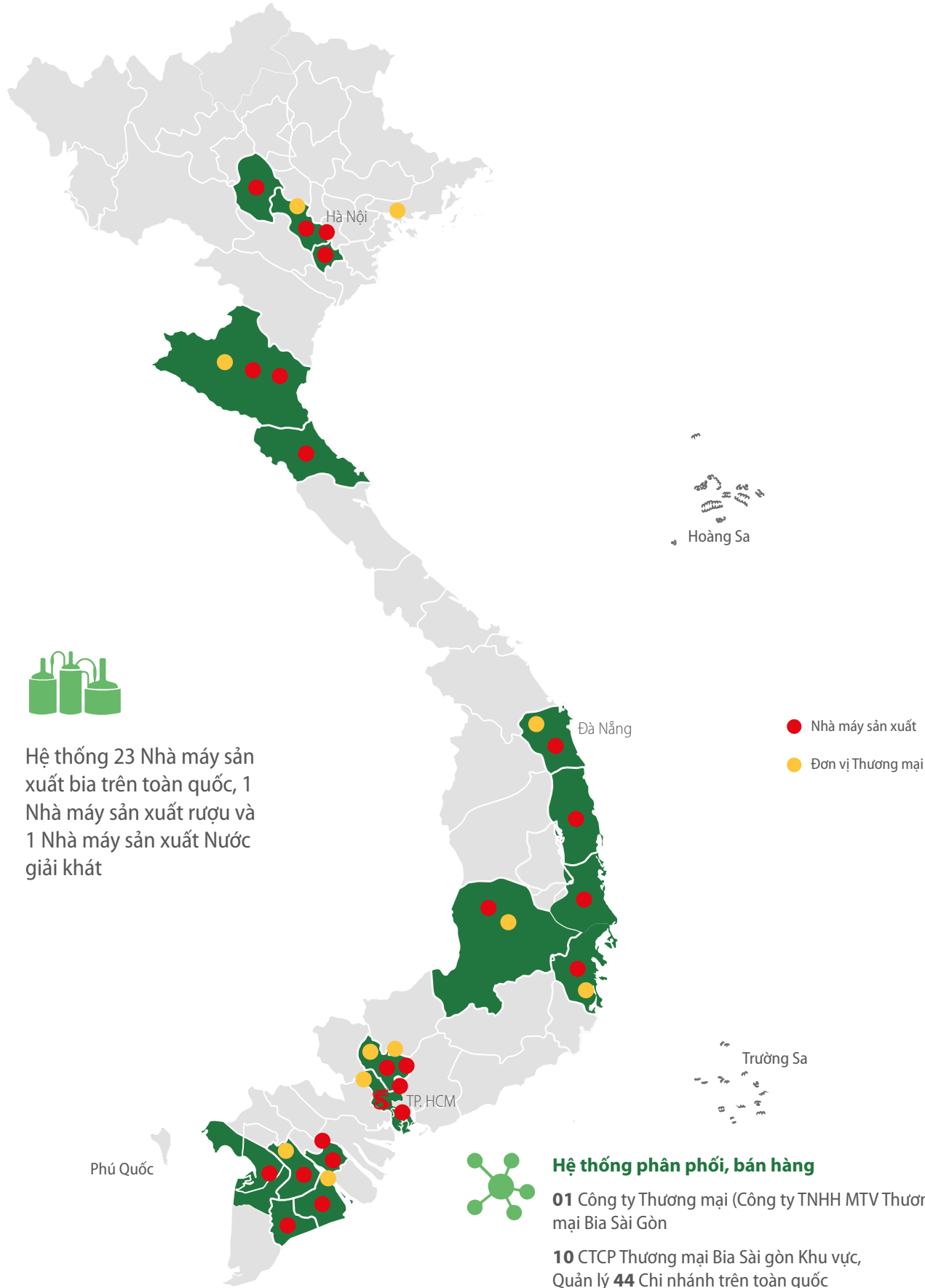
MÔ HÌNH QUẢN TRỊ VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ



DANH MỤC CÁC SẢN PHẨM THEO TỪNG NGÀNH HÀNG



ĐỊA BÀN HOẠT ĐỘNG



28 Thị trường xuất khẩu trên khắp thế giới

Tây Phi, Lào, Pháp, Hà Lan, Triều Tiên, Đài Loan, Nhật Bản, Mỹ, Hồng Kông, Hàn Quốc, Anh, Thụy Điển, Thụy Sĩ, Panama, Đức, Trung Quốc, Nga, Đan Mạch, Úc, New Zealand, Thái Lan, Philippines, Chilê, Singapore, Canada, Tây Ban Nha, Campuchia, Malaysia.

GIỚI THIỆU BAN LÃNH ĐẠO

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Ông Võ Thanh Hà
Chủ tịch Hội đồng quản trị
Năm sinh: 1974
Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn

Thạc sĩ Quản trị kinh doanh; Cử nhân Kinh tế đối ngoại và Cử nhân Tiếng Anh Thương mại; Quản lý Hành chính Nhà nước chuyên viên chính.

Kinh nghiệm công tác

Hơn 20 năm kinh nghiệm công tác tại các Tổng công ty và cơ quan trực thuộc Bộ Công Thương:

- Tùy viên thương mại - Thương vụ Việt Nam tại Nhật Bản (2000-2006);
- Trưởng Chi nhánh Thương vụ Việt Nam tại Osaka - Nhật Bản (2006-2009);
- Trưởng Phòng rồi Phó Vụ trưởng Vụ Thị trường Châu Á - Thái Bình Dương;
- Phó Chánh Văn phòng Bộ Công Thương (2013 - 09/2015).

Từ tháng 10/2015 đến nay, ông được phân công giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT Sabeco, Đại diện Quản lý vốn Nhà nước tại Sabeco với vai trò Phụ trách.



Ông Bùi Ngọc Hạnh
Thành viên HĐQT,
không tham gia điều hành
Năm sinh: 1959
Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn

Cử nhân Tài chính, Kế toán công nghiệp (1991), Chứng chỉ về Bồi dưỡng Kế toán trưởng, Kiểm toán nội bộ chuyên nghiệp và Quản trị Công ty.

Kinh nghiệm công tác

30 năm trong lĩnh vực Thực phẩm & Đồ uống (F&B).

Gia nhập Sabeco năm 1988, ông đã trải qua nhiều chức vụ và các vị trí quan trọng. Phó Trưởng phòng rồi Phó Ban Tài chính Kế toán (1996-2006).

Từ 05/2006 - 12/2007, ông được bổ nhiệm là Thành viên HĐQT, kiêm Trưởng Ban Kiểm soát Sabeco.

Từ năm 2008 đến nay, ông giữ chức vụ Thành viên HĐQT thường trực Sabeco và là Đại diện quản lý vốn Nhà nước tại Sabeco.



Ông Nguyễn Bích Đạt
Thành viên HĐQT,
không tham gia điều hành
Năm sinh: 1950
Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn

Đại học Thương mại (1971), Tiến sỹ Khoa học Cộng hòa Dân chủ Đức (1982), và Phó Giáo sư (1991). Ông có nhiều năm nghiên cứu, giảng dạy và giữ chức Hiệu phó Đại học Thương mại giai đoạn 1971 - 1989.

Kinh nghiệm công tác

Ông có hơn 40 năm kinh nghiệm công tác tại cơ quan Nhà nước và doanh nghiệp:

Vụ phó Vụ Pháp chế - Ủy ban Nhà nước về hợp tác & đầu tư, rồi Vụ trưởng Vụ đầu tư nước ngoài (1993-1997).

Đến năm 2003, ông giữ chức Thứ trưởng Bộ Kế hoạch đầu tư. Sau khi nghỉ hưu năm 2011, ông được mời làm cố vấn và là Thành viên Hội đồng chính sách khoa học và công nghệ quốc gia.

Từ năm 2013, ông là Thành viên HĐQT Sabeco, đại diện cho nhóm cổ đông nước ngoài.



Ông Lê Hồng Xanh
Thành viên HĐQT,
kiêm Phụ trách Ban Điều hành
Năm sinh: 1957
Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn

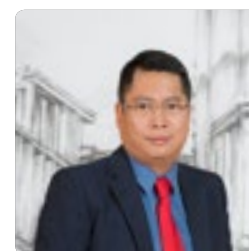
Cử nhân Kinh tế (1984) và Cử nhân Luật (2001).

Kinh nghiệm công tác

Hơn 30 năm kinh nghiệm quản lý trong lĩnh vực Thực phẩm & Đồ uống (F&B), giữ nhiều chức vụ quản lý cấp cao tại các Tổng công ty Nhà nước, trong đó có 22 năm (1984-2006) tham gia công tác rồi nắm giữ chức vụ Giám đốc Marketing tại Công ty CP Sữa Việt Nam (Vinamilk).

Tháng 06/2006 sau khi rời Vinamilk, ông gia nhập Sabeco với chức vụ Trưởng Ban Tiêu thụ - Thị trường - Thương hiệu rồi giữ chức Giám đốc điều hành Marketing (2008). Tháng 04/2011, ông được bổ nhiệm chức vụ Thành viên HĐQT Sabeco, Đại diện quản lý vốn Nhà nước tại Sabeco, kiêm Phó Tổng Giám đốc.

Từ tháng 08/2016, ông kiêm nhiệm chức vụ Phụ trách Ban Điều hành Sabeco.



Ông Nguyễn Thành Nam
Thành viên HĐQT
(từ ngày 16/02/2017),
kiêm Phó Tổng Giám đốc
Năm sinh: 1970
Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn

Cử nhân Quản trị kinh doanh; Thạc sĩ Quản lý kinh tế và Nhà nước và Chứng chỉ chuyên ngành về Quản lý kinh tế, Mua bán quốc tế, Đấu thầu và Quản lý bán hàng

Kinh nghiệm công tác

Gia nhập Sabeco từ năm 1991, ông có hơn 25 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực quản lý cung ứng và sản xuất.

Phó phòng Cung ứng (2001), rồi Phó Ban Cung ứng (2006) và Trưởng Phòng Kế hoạch Cung tiêu Nhà máy Bia Sài Gòn Nguyễn Chí Thanh (đơn vị trực thuộc và là Nhà máy hạt nhân của Sabeco). Năm 2012, ông giữ chức Trưởng Ban Mua hàng.

Tháng 03/2015, ông được bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc phụ trách Mua hàng, Sản xuất, Kiểm soát chất lượng, kiêm Giám đốc Nhà máy Bia Sài Gòn Củ Chi.

Ngày 16/02/2017, ông được Đại hội đồng cổ đông Sabeco thông qua Nghị quyết bổ nhiệm chức danh Thành viên HĐQT (kiêm Phó Tổng Giám đốc). Ông hiện cũng là Đại diện quản lý vốn Nhà nước tại Sabeco.



Ông Vũ Quang Hải
Thành viên HĐQT,
tham gia điều hành
(đến ngày 16/02/2017)
Năm sinh: 1986
Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn

Cử nhân Quản trị Kinh doanh, Thạc sĩ Tài chính và Thương mại Quốc tế.

Kinh nghiệm công tác

Cuối 2007, ông gia nhập Tổng công ty Tài chính cổ phần Dầu khí Việt Nam - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và đến năm 2010 được bổ nhiệm Phó giám đốc Đầu tư.

Từ năm 2011 - 05/2013, Giám đốc Công ty cổ phần Đầu tư Tài chính Công đoàn Dầu khí Việt Nam (PVFI).

Đến tháng 06/2013, ông được phân công giữ chức Trưởng phòng Cục Xúc tiến Thương mại; Phó giám đốc Trung tâm hỗ trợ Xuất khẩu thuộc Bộ Công Thương.

Từ tháng 03/2015 - 2016, ông được giới thiệu và bổ nhiệm chức vụ Thành viên HĐQT, kiêm Phó Tổng giám đốc Sabeco đến ngày 30/12/2016.

Ngày 16/02/2017, Đại hội đồng cổ đông Sabeco thông qua Nghị quyết miễn nhiệm chức danh Thành viên HĐQT đối với ông Vũ Quang Hải.

GIỚI THIỆU BAN LÃNH ĐẠO *(tiếp theo)*

BAN KIỂM SOÁT



Ông Đồng Việt Trung

Trưởng Ban Kiểm soát

Năm sinh: 1957

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn

Cử nhân chuyên ngành Tài chính - Kế toán (1985) và Quản trị kinh doanh (1996).

Kinh nghiệm công tác

Hơn 30 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực kế toán - tài chính và quản lý doanh nghiệp.

Gia nhập Bía Sài Gòn tháng 08/1989, giữ chức Phó phòng Kế toán. Từ năm 1991 - 2001, ông giữ chức Kế toán trưởng rồi Phó Giám đốc phụ trách Kinh doanh tại Công ty NGK Chương Dương (công ty con của Sabeco).

Năm 2002 - 06/2005, ông được bổ nhiệm giữ chức Phó Tổng giám đốc Công ty liên doanh thủy tinh Việt Nam - Malaysia (MVG).

Tháng 06/2005, ông được bổ nhiệm giữ chức Thành viên Ban Kiểm soát Sabeco rồi Trưởng Ban Kiểm soát Sabeco từ tháng 05/2008 đến nay.



Ông Hoàng Giang Bình

Thành viên Ban Kiểm soát

Năm sinh: 1986

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn

Cử nhân chuyên ngành Kế toán doanh nghiệp của Học viện tài chính và có bằng thạc sỹ tài chính kế toán của Đại học Deakin, Australia.

Kinh nghiệm công tác

Ông gia nhập Tập đoàn Bảo Việt (Ban Đầu tư Dự án và Ban Đầu tư) từ tháng 08/2012 sau một thời gian ngắn công tác tại Đài truyền hình Việt Nam và Ngân hàng TMCP Quân Đội. Tháng 04/2015, ông được bầu giữ chức vụ thành viên Ban Kiểm soát CTCP Chứng khoán Bảo Việt.

Tháng 05/2013, ông được Đại hội đồng cổ đông Sabeco thông qua chức danh Thành viên Ban Kiểm soát Sabeco.



Ông Chung Trí Dũng

Thành viên Ban Kiểm soát (đến ngày 16/02/2017)

Năm sinh: 1956

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn

Đại học Thể dục Thể thao, Trung cấp Lý luận Chính trị.

Kinh nghiệm công tác

Gia nhập Bía Sài Gòn năm 1991, ông lần lượt trải qua các vị trí như Trưởng kho, Phó chánh Văn phòng, Trưởng phòng Nhân sự. Năm 2007, ông là Phó Ban Nhân sự của Sabeco, đồng thời giữ chức Phó chủ tịch Công đoàn Sabeco từ 2007.

Từ năm 2008 đến tháng 02/2017, ông được bổ nhiệm giữ chức Thành viên Ban Kiểm soát Sabeco và là Chủ tịch Chủ tịch Công đoàn Sabeco từ 2012 - 2016.



Ông Nguyễn Văn Minh

Thành viên Ban Kiểm soát (từ ngày 16/02/2017)

Năm sinh: 1970

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn

Cử nhân Kinh tế (1994), Thạc sỹ Kinh tế Trường Đại học Kinh tế TP.HCM. Chứng chỉ quản lý chuyên ngành về Kế toán trưởng, Quản lý đấu thầu, Giám đốc tài chính và Giám đốc điều hành do học viện PACE cấp.

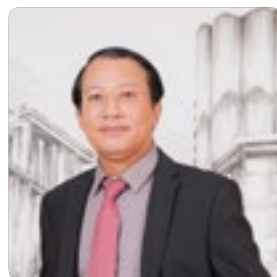
Kinh nghiệm công tác

Ông có 6 năm công tác tại Ngân hàng Agribank trước khi gia nhập Bía Sài Gòn năm 2000, công tác tại Ban Đầu tư rồi Ban Kế toán thống kê. Tháng 07/2007, ông được bổ nhiệm chức vụ Kế toán trưởng Nhà máy Bía Sài Gòn Củ Chi (đơn vị trực thuộc Sabeco và là Nhà máy có quy mô lớn và hiện đại nhất của Bía Sài Gòn).

Ngày 16/02/2017, ông được Đại hội đồng cổ đông Sabeco thông qua Nghị quyết bổ nhiệm chức danh Thành viên Ban Kiểm soát Sabeco.

GIỚI THIỆU BAN LÃNH ĐẠO *(tiếp theo)*

BAN ĐIỀU HÀNH



Ông Lê Hồng Xanh
Phụ trách Ban Điều hành

(Xem thông tin chi tiết phần Giới thiệu HĐQT)



Ông Nguyễn Thành Nam
Phó Tổng Giám đốc

(Xem thông tin chi tiết phần Giới thiệu HĐQT)



Ông Nguyễn Minh An
Phó Tổng Giám đốc
Năm sinh: 1973
Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn

Cử nhân Tài chính Kế toán và Cử nhân Luật; Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh (2006).

Kinh nghiệm công tác

Năm 2007-2008, ông giữ chức vụ Phó phòng Xúc tiến đầu tư, Sở Kế hoạch Đầu tư TP. Hồ Chí Minh.

Năm 2008 - 02/2015, công tác tại Công ty cổ phần Bia Sài Gòn Bình Tây.

Từ tháng 03/2015, ông giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Sabeco.



Ông Vũ Quang Hải
Phó Tổng Giám đốc
(miễn nhiệm ngày 30/12/2016)

(Xem thông tin chi tiết phần Giới thiệu HĐQT)



Ông Nguyễn Tiến Dũng
Kế toán trưởng
Năm sinh: 1973
Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn

Cử nhân kinh tế chuyên ngành Tài chính - Tín dụng (1994) và Chứng chỉ bồi dưỡng Kế toán trưởng (2000).

Kinh nghiệm công tác

Ông từng có thời gian công tác 5 năm tại Nhà máy Sữa Hà Nội trước khi gia nhập hệ thống Sabeco năm 1999.

Từ 2001 - 2004, Phụ trách Phòng rồi Trưởng phòng Tài chính - Kế toán rồi Kế toán trưởng CTCP Rượu Bình Tây (công ty con của Sabeco).

Tháng 06/2004 - 06/2006, Phó giám đốc rồi Giám đốc CTCP Rượu Bình Tây.

Ông hiện đang kiêm các chức vụ Chủ tịch HĐQT tại CTCP Bia Sài Gòn Nghệ Tĩnh, CTCP Bia Rượu Sài Gòn Đồng Xuân và là thành viên HĐQT tại CTCP Bia Sài Gòn Bình Tây và CTCP Bia NGK Sài Gòn Đồng Nai - các đơn vị thành viên thuộc hệ thống Sabeco.

Từ tháng 01/2007 đến nay, ông giữ chức vụ Kế toán trưởng Sabeco.



ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN



Tập trung đầu tư cho ngành hàng bia, phát triển thương hiệu Bia Sài Gòn để giữ vững vị thế và thị phần tại Việt Nam và gia tăng xuất khẩu để tìm kiếm thêm nguồn tăng trưởng.



Gia tăng năng lực quản trị trên cơ sở hoàn thiện về cơ cấu tổ chức, mô hình và phương thức quản trị trên nền tảng phát triển một đội ngũ nhân lực chất lượng.

Kết hợp đồng thời mục tiêu tăng trưởng sản lượng, lợi nhuận cùng với việc gia tăng năng lực cạnh tranh tổng thể của toàn bộ hệ thống kinh doanh trên cơ sở tận dụng các lợi thế kinh doanh sẵn có và nền tảng tài chính lành mạnh nhằm tạo động lực tăng trưởng, “chất lượng” tăng trưởng và tính bền vững.

Đảm bảo tính đồng bộ giữa các chiến lược về kiến trúc thương hiệu (brand architecture), định vị phân khúc thị trường và sản phẩm, truyền thông marketing và phân phối, bán hàng.

Gia tăng hiệu quả sử dụng vốn qua việc tái cấu trúc tài sản (đẩy nhanh hoạt động thoái vốn các khoản đầu tư không hiệu quả) và phân bổ, đầu tư vốn vào các ngành hàng, các khâu quan trọng theo chiến lược kinh doanh xác định.

Gia tăng ứng dụng công nghệ thông tin trong khâu sản xuất và quản trị doanh nghiệp.



Tái cấu trúc mô hình kinh doanh để gia tăng mức độ kiểm soát, tối ưu hóa về thuế, vận hành,... và chuỗi giá trị Sabeco theo hướng khép kín, gia tăng giá trị.



Thực thi các cam kết phát triển bền vững của Sabeco đối với cộng đồng, môi trường và xã hội thông qua việc triển khai các chương trình an sinh xã hội, hỗ trợ cộng đồng và bảo vệ môi trường.

PHÂN TÍCH CÁC RỦI RO CHÍNH LIÊN QUAN ĐẾN HOẠT ĐỘNG

” Ngoài các yếu tố rủi ro chung về kinh tế vĩ mô như tăng trưởng kinh tế, lạm phát, lãi suất, tỷ giá,... và rủi ro về sự điều chỉnh của nhiều luật và chính sách quản lý của Nhà nước, trong đó chủ yếu là Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư, các Luật Thuế, Luật Môi trường, Luật An toàn thực phẩm, Luật Cạnh tranh,... trong đó, thuế Tiêu thụ đặc biệt ảnh hưởng quan trọng thì hoạt động của Sabeco còn chịu tác động từ một số các rủi ro đặc thù dưới đây ”

RỦI RO VỀ NGUYÊN LIỆU SẢN XUẤT

Nguyên liệu phục vụ cho sản xuất của Sabeco chủ yếu được nhập từ nước ngoài. Những rủi ro về thời tiết như hạn hán, lũ lụt,... ảnh hưởng đến sản lượng nguyên liệu. Do đó, Sabeco có thể sẽ gặp phải rủi ro khi nguồn nguyên liệu, giá nguyên vật liệu trên thế giới có những biến động dẫn đến khan hiếm và tăng giá đầu vào. Theo số liệu của Hội đồng Ngũ cốc Quốc tế (International Grains Council) và Tổ chức Lương nông Liên hiệp quốc (FAO), sản lượng lúa mạch mùa vụ 2016/17 sẽ giảm so với 2015, cụ thể chỉ đạt 144,6 triệu tấn, thấp hơn mức 147 triệu tấn vụ mùa 2015/16.



Để hạn chế rủi ro này, Sabeco một mặt gia tập trung lập kế hoạch cung ứng nguyên vật liệu và chủ động gia tăng khả năng dự trữ nguyên vật liệu cho toàn hệ thống. Bên cạnh đó, Sabeco cũng tiến hành tiêu chuẩn hóa các loại nguyên vật liệu cho sản xuất và đa dạng hóa nhà cung cấp trên mối quan hệ lâu dài với các nhà cung ứng trong và ngoài nước nhằm hạn chế tối đa rủi ro cung ứng cho sản xuất. Hiện nay, các nguyên liệu chính là malt đều được mua từ các nhà cung cấp hàng đầu thế giới từ những quốc gia có nền nông nghiệp hiện đại, phát triển tại các khu vực Tây Âu (Đức, Pháp), Bắc Âu (Đan Mạch) và Châu Úc. Hoa bia thì chủ yếu là Đức và một phần từ Cộng hòa Czech, Hoa Kỳ. Ngoài ra, Sabeco cũng đẩy mạnh công tác nghiên cứu, dự báo thị trường và chủ động chốt giá các hợp đồng dài hạn, đồng thời cân nhắc các phương án bảo hiểm biến động giá cả để gia tăng hiệu quả mua hàng, giảm thiểu rủi ro biến động giá cả nguyên liệu đầu vào nhằm ổn định giá thành sản xuất.

RỦI RO THỊ TRƯỜNG

Yếu tố tác động mạnh nhất tới rủi ro thị trường chính là sự xâm nhập và cạnh tranh của các hãng bia có thương hiệu, kinh nghiệm và tiềm lực tài chính mạnh, đặc biệt là trong bối cảnh kinh tế Việt Nam mở cửa, hội nhập sâu rộng với thế giới qua việc tham gia hàng loạt các Hiệp định tự do thương mại song và đa phương. Bên cạnh đó, Việt Nam cũng trong lộ trình điều chỉnh giảm thuế nhập khẩu đối với các sản phẩm bia, rượu trong các năm sắp tới theo cam kết khi gia nhập WTO và các Hiệp định thương mại, và dù lộ trình giảm thuế còn khá dài nhưng đây là nguy cơ đối với các doanh nghiệp sản xuất bia trong nước, trong đó có Sabeco vì các sản phẩm bia nhập khẩu từ nước ngoài được dự báo sẽ tiếp tục gia tăng. Một yếu

tố khác phải kể đến là người tiêu dùng có xu hướng dịch chuyển sang phân khúc bia cận cao cấp và cao cấp khi thu nhập bình quân tăng lên, trong khi các thương hiệu cao cấp như Heineken, Sapporo và một loạt các hãng bia lớn khác lại có xu hướng mở rộng cạnh tranh qua phân khúc phổ thông mà Sabeco vốn có thế mạnh, qua đó gia tăng mức độ cạnh tranh và có thể dẫn đến thay đổi tương quan cạnh tranh trong ngành bia.

RỦI RO VỀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ NGÀNH VÀ CHÍNH SÁCH THUẾ

Sabeco chịu ảnh hưởng trực tiếp từ các chính sách quản lý ngành của Nhà nước. Đặc biệt, thuế suất thuế Tiêu thụ đặc biệt đối với rượu, bia đã có sự gia tăng theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế tiêu thụ đặc biệt (năm 2014), theo đó thuế suất thuế tiêu thụ đặc biệt đối với rượu trên 20 độ và bia từ đầu năm 2016 là 55% (tăng 5% so với năm 2015), từ năm 2017 là 60% và từ năm 2018 trở đi là 65%. Do đặc thù này, các công ty sản xuất bia, rượu trong đó có Sabeco sẽ chịu ảnh hưởng khi thuế suất thuế tiêu thụ đặc biệt gia tăng theo lộ trình.

RỦI RO VỀ TỶ GIÁ

Một phần đáng kể nguyên liệu phục vụ cho sản xuất của Sabeco chủ yếu được nhập khẩu từ nước ngoài và thanh toán bằng ngoại tệ, trong khi đó sản phẩm tiêu thụ chủ yếu ở thị trường nội địa và được thanh toán bằng Việt Nam đồng. Do đó, khi tỷ giá biến động bất lợi sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến chi phí nhập khẩu nguyên liệu sản xuất bia và ảnh hưởng đến lợi nhuận của Sabeco.

Với định hướng và nỗ lực chống “đô la hóa” nền kinh tế của Chính phủ Việt Nam, biên độ phá giá đồng nội tệ (so với USD) đã ổn định trong khung 1-2%/năm trong một vài năm trở lại đây, giúp các doanh nghiệp trong đó có Sabeco giảm thiểu đáng kể áp lực gia tăng chi phí nhập khẩu. Ngoài ra, việc đa dạng hóa nhà cung ứng từ nhiều quốc gia khác nhau và chủ động đàm phán thời điểm ký kết, thanh toán cũng cho phép Sabeco lựa chọn đồng tiền và chính sách thanh toán phù hợp nhằm giảm thiểu rủi ro tỷ giá.

” Dù đang ở vị thế dẫn đầu thị trường Việt Nam, Sabeco vẫn chuẩn bị các phương án cho rủi ro thị trường này bằng việc cải tiến, nâng cao chất lượng sản phẩm, đẩy mạnh công tác R&D để đa dạng hóa sản phẩm và gia tăng hơn nữa sức mạnh thương hiệu Bia Sài Gòn nhằm đáp ứng mức độ cạnh tranh gia tăng ”



CÁC CÔNG TY CON

CÔNG TY LIÊN KẾT, LIÊN DOANH

STT	Tên công ty	Địa chỉ	Vốn điều lệ (Tỷ đồng)	Tỷ lệ sở hữu Sabeco (%)
CÔNG TY CON				
1	CTCP Bia Sài Gòn - Miền Tây	KCN Trà Nóc, Phường Trà Nóc, Quận Bình Thủy, TP Cần Thơ	145	51,00
2	CTCP Nước giải khát Chương Dương	606 Võ Văn Kiệt, Phường Cầu Kho, Quận 1, TP.HCM	85	62,06
3	CTCP Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi	Khu công nghiệp Quảng Phú, TP Quảng Ngãi, Tỉnh Quảng Ngãi	450	66,56
4	CTCP Rượu Bình Tây	621 Phạm Văn Chí, Phường 7, Quận 6, TP.HCM	140	93,32
5	CTCP Bia Rượu Sài Gòn - Đồng Xuân	Km 09, Đường Võ Văn Kiệt, Huyện Mê Linh, Hà Nội	30	55,90
6	CTCP Bia Sài Gòn - Nghệ Tĩnh	Số 54, Đường Phan Đăng Lưu, Phường Trường Thi, TP Vinh, Tỉnh Nghệ An	105	54,73
7	CTCP Bia Sài Gòn - Sông Lam	Khối 1, Xã Hưng Đạo, Huyện Hưng Nguyên, Tỉnh Nghệ An	450	68,78
8	CTCP Bia Sài Gòn - Hà Nội	A2-CN8 Cụm Công nghiệp Từ Liêm, Phường Phương Canh, Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội	180	52,11
9	Công ty TNHH MTV Thương mại Bia Sài Gòn	Số 12, Đường Đồng Du, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP.HCM	700	100,00
10	CTCP Thương mại Bia Sài Gòn Miền Bắc	Lô CN 01-05 Cụm CN Ninh Hiệp, Xã Ninh hiệp, Huyện Gia Lâm, Hà Nội	39,72	94,72
11	CTCP Thương mại Bia Sài Gòn Bắc Trung Bộ	KCN Nhỏ Đông Vinh, Phường Đông Vinh, TP Vinh, Nghệ An	38,84	94,92
12	CTCP Thương mại Bia Sài Gòn Trung Tâm	Số 12, Đường Đồng Du, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP.HCM	87,86	94,00
13	CTCP Thương mại Bia Sài Gòn Miền Trung	Số 7, Đường số 1, KCN An Đồn, Phường An Hải Bắc, Quận Sơn Trà, TP Đà Nẵng	60	91,24
14	CTCP Thương mại Bia Sài Gòn Tây Nguyên	Số 190, Đường Nguyễn Văn Linh, Xã Ea Tu, TP Buôn Mê Thuột, Tỉnh Đắk Lắk	39,76	90,00
15	CTCP Thương mại Bia Sài Gòn Nam Trung Bộ	QL1, Xã Diên Phú, Huyện Diên Khánh, Tỉnh Khánh Hòa	60	90,14
16	CTCP Thương mại Bia Sài Gòn Miền Đông	Số 46/19, Đường D1, Ấp Bình Phú, Xã Bình Chuẩn, Huyện Thuận An, Tỉnh Bình Dương	40,21	90,68
17	CTCP Thương mại Bia Sài Gòn Sông Tiền	Ấp Tân Vinh Thuận, Xã Tân Ngãi, TP Vĩnh Long, Tỉnh Vĩnh Long	40	90,00
18	CTCP Thương mại Bia Sài Gòn Sông Hậu	Số 1/1A, Đường Đinh Tiên Hoàng, Phường Thới Bình, Quận Ninh Kiều, TP Cần Thơ	40,29	90,00
19	Công ty TNHH Một thành viên Cơ khí SABECO	215 Đào Duy Từ, Phường 6, Quận 10, TP.HCM	59,37	100,00
20	Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn - Sóc Trăng	Lô S, KCN An Nghiệp, Xã An Hiệp, Huyện Châu Thành, Tỉnh Sóc Trăng	45	51,00
21	CTCP Thương mại Bia Sài Gòn Đông Bắc	Số 2A, Khu Công nghiệp Cái Lân, Phường Bãi Cháy, TP Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh	40	90,45
22	Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn - Hà Tĩnh	Km 12, Đường tránh thành phố Hà Tĩnh, Xã Thạch Tân, Huyện Thạch Hà, Tỉnh Hà Tĩnh	120	100,00
23	CTCP Bao bì Bia Sài Gòn	KCN Tân Đông Hiệp B, Huyện Dĩ An, Tỉnh Bình Dương	71,77	76,81

STT	Tên công ty	Địa chỉ	Vốn điều lệ (Tỷ đồng)	Tỷ lệ sở hữu Sabeco (%)
CÔNG TY LIÊN KẾT				
1	CTCP Kinh doanh Lương thực - Thực phẩm Trường Sa	Lô G, 64, Đường 11, KDC Sóng Đà, Khu phố 6, Phường Hiệp Bình Chánh, Quận Thủ Đức, TP.HCM	17,7	39,00
2	CTCP Bia Sài Gòn - Phú Lý	104-106, Đường Trần Phú , Phường Quang Trung, TX Phú Lý, Tỉnh Hà Nam	164,38	30,00
3	CTCP Tư vấn ĐTCG Công nghệ Thành Nam	243 Phan Đăng Lưu, Phường 1, Quận Phú Nhuận, TP.HCM	1,4	29,00
4	CTCP Bia Sài Gòn - Phú Thọ	KCN Trung Hà, Xã Hồng Đà, Huyện Tam Nông, Tỉnh Phú Thọ	125	31,00
5	CTCP Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp	929-931 Quốc lộ 1A, Phường Thới An, Quận 12, TP.HCM	36	26,00
6	CTCP Bia - Nước giải khát Sài Gòn - Tây Đô	Lô 22, KCN Trà Nóc 1, Quận Bình Thủy, TP Cần Thơ	104	31,00
7	CTCP Bia Sài Gòn - Bình Tây	Số 8 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP.HCM	565,76	22,00
8	CTCP Bia Sài Gòn - Miền Trung	01 Nguyễn Văn Linh, TP Buôn Ma Thuột, Tỉnh DakLak	298,47	32,00
9	CTCP Đầu tư Thương mại Tân Thành	66 Tân Thành, Phường 12, Quận 5, TP.HCM	250	29,00
10	CTCP Bia Sài Gòn - Bạc Liêu	Lô B5, KCN Trà Kha, Phường 8, TP Bạc Liêu, Tỉnh Bạc Liêu	80,08	10,00
11	CTCP Bia Sài Gòn - Ninh Thuận	KCN Thành Hải, Xã Thành Hải , TP Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận	99	20,00
12	CTCP Bia Sài Gòn - Vĩnh Long	Ấp Tân Vinh Thuận, Xã Tân Ngãi, TP Vĩnh Long, Tỉnh Vĩnh Long	150	20,00
13	CTCP Bia Sài Gòn - Kiên Giang	Đường D1, D2, KCN Thạnh Lộc, Xã Thạnh Lộc, Huyện Châu Thành, Tỉnh Kiên Giang	115	20,00
14	CTCP Bia Sài Gòn - Khánh Hòa	Cụm công nghiệp Diên Phú, Xã Diên Phú, Huyện Diên Khánh, Tỉnh Khánh Hòa	100	26,00
CÔNG TY LIÊN DOANH				
1	Công ty TNHH Trung Tâm Mê Linh	Số 2 Ngô Đức Kế, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP.HCM	221,07	35,00
2	Công ty TNHH Crown Sài Gòn	Xa Lộ Hà Nội, Phường Hiệp Phú, Quận 9, TP.HCM	480,63	30,00
3	Công ty TNHH Thủy tinh Malaya Việt Nam	Phòng 11.1, Tầng 11, Tòa nhà REE, Số 9, Đoàn Văn Bơ, Phường 12, Quận 4, TP.HCM	322,21	30,00
4	Công ty TNHH Bao bì San Miguel Yamamura Phú Thọ	1 Lê Văn Khương, Phường Hiệp Thành, Quận 12, TP.HCM	96	35,00
5	Công ty TNHH Rượu và Cồn Việt Nam	621 Phạm Văn Chí, Phường 7, Quận 6, TP.HCM	65,46	45,00



BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG

Tình hình hoạt động và báo cáo đánh giá
của Ban Điều hành

34

Đánh giá của HĐQT

44

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG VÀ BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

1. PHÂN TÍCH VÀ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD NĂM 2016

Năm 2016 với xu hướng thị trường bia thế giới nói chung và khu vực châu Á nói riêng đang có dấu hiệu chững lại trong khi thị trường bia Việt Nam vẫn tiếp tục phát triển ổn định và là thị trường duy nhất tăng trưởng 15 năm liên tiếp. Theo đánh giá của các tổ chức nghiên cứu, kinh tế Việt Nam thuộc nhóm phát triển nhanh, thu nhập đầu người ngày càng tăng, tốc độ đô thị hóa nhanh, dân số trẻ chiếm 60%. Đây là những nhân tố thuận lợi giúp thị trường bia Việt Nam được dự báo sẽ tiếp tục phát triển ổn định trong những năm tới, qua đó thu hút sự tham gia của nhiều hãng bia hàng đầu thế giới.

Trong năm 2016, ngoài việc đối mặt với sự thay đổi của chính sách thuế tiêu thụ đặc biệt, Sabeco còn phải chịu sự cạnh tranh khốc liệt từ các đối thủ, đặc biệt là các hãng bia nước ngoài với tiềm lực tài chính rất mạnh và kinh nghiệm thị trường lâu năm. Nhận thức được những khó khăn đó, Sabeco đã đề ra nhiều quyết sách và các giải pháp đồng bộ nhằm vượt qua thách thức và hoàn thành các chỉ tiêu do Đại hội đồng cổ đông năm 2016 giao. Cụ thể, tổng doanh thu hợp nhất năm 2016 đạt 31.754 tỷ đồng, đạt 111% kế hoạch, tăng 13% so với cùng kỳ 2015; lợi nhuận trước thuế đạt 5.707 tỷ đồng, tăng tương ứng 31% so với cùng kỳ và 28% so với kế hoạch 2016.



31.754 tỷ đồng
Tổng doanh thu hợp nhất năm 2016
đạt **111%** kế hoạch
tăng **31%** so với cùng kỳ 2015

Tóm tắt một số chỉ tiêu kết quả hoạt động kinh doanh Sabeco năm 2016 (hợp nhất)

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện Năm 2015	Năm 2016		So sánh	
				Kế hoạch	Thực hiện	TH 2016 / TH 2015	TH 2016 / KH 2016
1	Sản lượng sản xuất và tiêu thụ						
	Bia các loại	Nghìn lít	1.520.761	1.541.100	1.647.818	108,4%	107%
	Rượu	Nghìn lít	1.344	1.268	1.194	89%	94%
	Cồn	Nghìn lít	1.849	1.620	1.845	100%	114%
	Nước giải khát	Nghìn lít	30.000	37.752	37.785	126%	100%
2	Tổng doanh thu (không có thuế TTĐB)	Tỷ đồng	28.068	28.558	31.754	113%	111%
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	4.366	4.471	5.707	131%	128%
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	3.507	3.659	4.655	133%	127%



Năm 2016, sản lượng tiêu thụ nước giải khát các loại (chủ yếu là nước giải khát có gas) tăng 26% so với cùng kỳ, nhưng chỉ đạt 100% kế hoạch và mức sản lượng tiêu thụ vẫn còn khá khiêm tốn. Sản phẩm cồn không có tăng trưởng, trong khi ngành hàng rượu của Sabeco tiếp tục giảm do mặt hàng rượu nói chung gặp nhiều khó khăn do ảnh hưởng từ các chính sách quản lý Nhà nước hạn chế sản xuất, tiêu dùng, quảng cáo tiếp thị và kiểm soát hàng nhái, hàng giả (dán tem) làm gia tăng chi phí sản xuất, tiêu thụ sản phẩm trong khi vấp phải sự cạnh tranh mạnh mẽ của các thương hiệu rượu ngoại và rượu truyền thống tại các thị trường nông thôn, chưa kể ảnh hưởng từ việc xu thế tiêu dùng bia thay cho rượu ngày càng thịnh hành, ngay cả tại thị trường nông thôn và một số vùng miền mà rượu từng khá phổ biến và chiếm ưu thế.

Trong khi đó, **nhu cầu và sức mua của người tiêu dùng đối với sản phẩm bia vẫn tiếp tục tăng lên trong năm 2016**. Mức tiêu thụ bia bình quân đầu người ở Việt Nam năm 2016 theo thống kê hiện đạt khoảng 42 lít/người/năm và được dự báo sẽ vẫn tăng trong giai đoạn tới, qua đó giúp ngành bia Việt Nam tiếp tục tăng trưởng ổn định, dù xu hướng ngành bia thế giới và một số khu vực đang có dấu hiệu chững lại. Năm 2016, sản lượng bia tiêu thụ các loại của Sabeco đạt gần 1,65 tỷ lít, tăng trưởng 8,4% so với cùng kỳ 2015 và bia vẫn đang ngành hàng chủ lực của Sabeco, đóng góp hơn 98% doanh thu và 99% lợi nhuận.

Bên cạnh tình hình tiêu thụ sản phẩm bia khả quan, việc Sabeco tiết giảm chi phí quản lý, chi phí bán hàng (tỷ trọng

các khoản chi phí này tính trên doanh thu bán hàng thuần đều giảm so với năm 2015) và việc **giá các nguyên vật liệu đầu vào chính ổn định** và giảm được xem là các nhân tố chính góp phần gia tăng lợi nhuận cho Sabeco trong năm 2016. Ngoài ra, doanh thu hoạt động tài chính tăng mạnh hơn 330 tỷ so với cùng kỳ 2015 do lãi tiền gửi tăng 80 tỷ và khoản lãi mang tính chất không thường xuyên từ việc thoái vốn khoản đầu tư dài hạn (200 tỷ đồng), trong khi chi phí tài chính giảm 44% so với cùng kỳ nhờ hoàn nhập dự phòng các khoản đầu tư, qua đó gia tăng lợi nhuận cho Sabeco.

Bên cạnh những thuận lợi, Sabeco cũng phải đối mặt với không ít thách thức trong năm 2016 mà nổi bật nhất là **áp lực cạnh tranh ngày một khốc liệt hơn** từ các nhãn bia đối thủ, đặc biệt là các hãng bia nước ngoài với tiềm lực tài chính mạnh và kinh nghiệm thị trường lâu năm. Do đó, dù tỷ trọng chi phí bán hàng trên doanh thu có giảm so với 2015, tổng số chi phí bán hàng xét theo số tuyệt đối tiếp tục gia tăng khi chi phí bán hàng 2016 là 2.782 tỷ đồng, tăng 100 tỷ so với 2015 (4%), đặt biệt phải duy trì các khoản chi cho hoạt động quảng cáo, tiếp thị, khuyến mãi và hỗ trợ bán hàng,... nhằm giúp Công ty giữ vững thị phần sản lượng tiêu thụ trước sự xâm chiếm của các đối thủ. Ngoài ra, ảnh hưởng từ việc thay đổi chính sách thuế tiêu thụ đặc biệt, trong đó thuế suất thuế TTĐB tăng thêm 5% trong năm 2016 và cách tính thuế TTĐB từ đầu năm 2016 đã làm chi phí thuế TTĐB của Công ty năm 2016 tăng thêm gần 900 tỷ so với năm 2015 và làm giảm lợi nhuận tương ứng.

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG VÀ BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH *(tiếp theo)*

2. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

a. Hiệu quả hoạt động và tình hình tài chính (chỉ tiêu hợp nhất)

CHỈ TIÊU TĂNG TRƯỞNG (yoy)	ĐVT	2011	2012	2013	2014	2015	2016
Tổng doanh thu	%	11	13	10	2	10	13
Lợi nhuận gộp	%	-5	21	19	5	21	10
LNTT	%	-14	22	-10	10	21	31
LNST	%	-11	19	-22	29	25	33
Tổng tài sản	%	5	7	9	12	1	-13
Vốn chủ sở hữu	%	20	11	-5	24	-3	3
CHỈ TIÊU HIỆU QUẢ & PHÂN TÍCH DUPONT							
Biên LN gộp / Doanh thu thuần (Gross margin)	%	21	23	24	25	28	27
Biên LNTT và lãi vay (EBIT margin)	%	17	18	15	16	17	20
Biên LNST / Doanh thu thuần (ROS)	%	12	13	9	11	13	15
Vòng quay tổng tài sản (Asset turnover)	Lần (x)	1.2	1.3	1.3	1.2	1.2	1.5
Tỷ suất LNST / Tổng tài sản (ROA)	%	14	16	12	14	16	23
Tổng tài sản / Vốn chủ sở hữu (Đòn bẩy)	%	1.9	1.7	1.8	1.8	1.8	1.7
Tỷ suất LNST / Vốn chủ sở hữu (ROE)	%	27	28	21	25	29	38
KHẢ NĂNG HOẠT ĐỘNG							
Số ngày phải thu	Ngày	9	8	8	8	8	7
Số ngày tồn kho	Ngày	30	26	34	37	36	35
Số ngày phải trả	Ngày	37	31	37	35	29	31
Vòng quay tổng tài sản	Lần (x)	1.2	1.3	1.3	1.2	1.2	1.5
Vòng quay tài sản cố định	Lần (x)	2.9	3.4	3.6	3.4	4.2	5.4
KHẢ NĂNG THANH TOÁN							
Thanh toán tiền mặt (**)	Lần (x)	0.8	1.0	1.0	0.9	0.9	1.0
Khả năng thanh toán nhanh	Lần (x)	1.0	1.2	1.1	1.0	1.1	1.2
Khả năng thanh toán ngắn hạn	Lần (x)	1.2	1.5	1.4	1.3	1.3	1.5
CƠ CẤU NGUỒN VỐN							
Nợ vay / Tổng nguồn vốn	%	10	9	9	7	7	7
Nợ vay / Vốn chủ sở hữu	%	18	16	16	13	12	12
Tổng tài sản / Vốn chủ sở hữu	Lần (x)	1.9	1.7	1.8	1.8	1.8	1.7
Khả năng thanh toán lãi vay	Lần (x)	13	18	26	35	58	70

(*) Các chỉ tiêu trên Bảng Cân đối kế toán là chỉ tiêu bình quân (số đầu kỳ + số cuối kỳ) / 2
(**) Tiền mặt = Tiền + Các khoản tương đương tiền + Các khoản đầu tư tiền gửi ngắn hạn với kỳ hạn dưới 1 năm

Tình hình tài sản

Tại thời điểm 31/12/2016, tổng tài sản Sabeco là 19.193 tỷ đồng, bằng 87% so với cùng kỳ. Nguyên nhân chủ yếu là do nguồn tiền mặt giảm 1.200 tỷ đồng do nộp bổ sung phần thuế TTĐB theo quyết định của cơ quan Thuế. Việc điều chỉnh hồi tố thuế TTĐB giai đoạn 2013 - 2015 cũng làm giảm tài sản thuế thu nhập hoãn lại 800 tỷ đồng. Hoạt động sản xuất tại các Nhà máy đang ở trong giai đoạn ổn định, không có sự đầu tư lớn trong năm nên khấu hao tài sản cố định làm giảm hơn 500 tỷ đồng tài sản. Ngoài ra, trong năm 2016 Sabeco tiến hành thoái vốn tại một số công ty đầu tư ngoài ngành nên khoản mục đầu tư tài chính dài hạn ghi nhận giảm gần 300 tỷ đồng.

Tổng tài sản giảm trong khi lợi nhuận sau thuế tăng giúp các chỉ số về tỷ suất sinh lợi trên tổng tài sản (ROA) và tỷ suất sinh lời trên vốn chủ sở hữu (ROE) tăng mạnh, tương ứng từ 16% và 29% năm 2015 lên mức 23% và 38% cho năm 2016. Cùng với đó, việc triển khai chính sách bán hàng nhất quán và sự linh hoạt, chủ động trong việc điều phối hoạt động sản xuất - tiêu thụ đã giúp các chỉ số hoạt động như số ngày phải thu và số ngày tồn kho của Sabeco tiếp tục ổn định ở mức thấp, lần lượt là 7 ngày và 35 ngày.

3. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

a. Tình hình đầu tư, triển khai các Dự án quan trọng

Năm 2016, ngoài việc hoàn thành đưa vào vận hành Nhà máy Bia Sài Gòn Khánh Hòa, trọng tâm đầu tư của Sabeco tập trung vào việc đầu tư chiều sâu, hiện đại hóa công nghệ và máy móc thiết bị và mở rộng công suất một số Nhà máy trọng điểm như Nhà máy Bia Sài Gòn Nguyễn Chí Thanh và Nhà máy Bia Sài Gòn Củ Chi.

Năm 2016, Sabeco cũng thực hiện đầu tư mới máy đóng thùng Wrap Around và triển khai việc chuyển đổi bao bì thùng giấy từ thùng RSC sang thùng Wrap Around để giảm thiểu chi phí đóng gói, và gia tăng mỹ quan đối với hình ảnh và chất lượng bao bì đối với các sản phẩm bia lon của Sabeco.

Bên cạnh đó, Sabeco cũng đang triển khai và hợp tác với các đối tác khai thác các khu đất để mang lại hiệu quả cao nhất.

b. Các công ty con, công ty liên kết, liên doanh

Tại thời điểm 31/12/2016, Sabeco có 3 công ty con chiếm tỷ lệ sở hữu 100% vốn, 20 công ty con chiếm tỷ lệ sở hữu trên 51% vốn và 19 công ty liên doanh, liên kết.

Tình hình nợ phải trả

Tại thời điểm 31/12/2016, tổng nợ vay phải trả lãi của Sabeco là 1.207 tỷ đồng, giảm 455 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2015, do giảm nợ vay dài hạn từ 610 tỷ đồng cuối năm 2015 xuống còn 164 tỷ thời điểm cuối năm 2016. Cơ cấu nợ vay trong năm có sự dịch chuyển khi một phần các khoản nợ vay dài hạn đã chuyển sang nợ vay ngắn hạn do đến kỳ thanh toán trong năm, và Công ty cũng đã chủ động chuyển đổi một phần nợ vay dài hạn với lãi suất cao sang vay ngắn hạn với lãi suất thấp hơn để giảm bớt chi phí tài chính cho các năm tiếp theo. Nguồn vốn từ các khoản vay ngắn hạn hiện nay chủ yếu sử dụng cho hoạt động mua bán nguyên vật liệu phục vụ gia tăng sản xuất trong hệ thống các nhà máy sản xuất và bổ sung vốn lưu động.

Hệ số nợ vay phải trả trên tổng vốn chủ sở hữu của Sabeco là 0,12 lần (12%) cho thấy độ an toàn về tài chính cao và Sabeco có khả năng dễ dàng huy động vốn để đầu tư mở rộng, phát triển sản xuất kinh doanh trong tương lai.

Với việc sản lượng tiêu thụ Sabeco tăng trưởng tốt trong năm 2016, các công ty con, liên kết, liên doanh của Sabeco hoạt động trong lĩnh vực chính (sản xuất, tiêu thụ bia) và ngành nghề phụ trợ trực tiếp (bao bì, vận tải, cơ khí) nhìn chung đều đạt kết quả kinh doanh khả quan, tăng trưởng so với năm 2015, qua đó đóng góp vào kết quả hoạt động chung và gia tăng hiệu lợi nhuận, hiệu quả sử dụng vốn của Sabeco.

Bên cạnh đó, các công ty liên doanh, liên kết hoạt động hiệu quả ở các lĩnh vực khác nhau như ngân hàng, bảo hiểm, du lịch, thủy điện... cũng đã góp phần gia tăng lợi nhuận cho Sabeco. Năm 2016, lợi nhuận ghi nhận từ công ty liên doanh, liên kết đạt 305 tỷ đồng, giảm nhẹ so với mức 372 tỷ đồng của năm 2015 do Sabeco đã thoái vốn thành công đối với một số khoản đầu tư này.

Với chủ trương nâng cao hiệu quả kinh doanh, tập trung vốn đầu tư vào ngành nghề kinh doanh chính, Sabeco đã và đang triển khai thực hiện thoái vốn tại các khoản đầu tư ngoài ngành và các khoản đầu tư không mang lại hiệu quả theo chủ trương thoái vốn của Chính phủ và Bộ Công Thương nhằm tối đa hóa tỷ suất lợi nhuận cho cổ đông.

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG VÀ BÁO CÁO

ĐÁNH GIÁ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (tiếp theo)

4. TỔ CHỨC NHÂN SỰ VÀ NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

Danh sách Ban Điều hành Sabeco trong năm 2016 gồm:

Họ và tên	Chức vụ nắm giữ	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ (%)
Ông Lê Hồng Xanh	Phụ trách Ban Điều hành	100	0,000016
Ông Nguyễn Thành Nam	Phó TGĐ	1.800	0,000281
Ông Nguyễn Minh An	Phó TGĐ	0	0
Ông Vũ Quang Hải	Phó TGĐ	0	0
Ông Trần Nghĩa	Giám đốc điều hành (đến ngày 01/03/2016)	0	0
Ông Nguyễn Tiến Dũng	Kế toán trưởng	100	0,000016

” Tổng số lao động toàn hệ thống của Sabeco (hợp nhất đến công ty con) **4.736** lao động (trong đó, khối Công ty mẹ là **818** người).

Tóm tắt các thay đổi về cơ cấu tổ chức và chính sách, quản lý

Về cơ cấu tổ chức

- Thành lập Ban Kế hoạch tổng hợp để thống nhất trong việc hoạch định, xây dựng kế hoạch chung của Sabeco.
- Thành lập Ban đổi mới phục vụ việc triển khai các chủ trương của HĐQT liên quan đến quá trình đổi mới, tái cấu trúc Công ty, đặc biệt là việc thực hiện kế hoạch bán tiếp phần vốn Nhà nước tại Sabeco.
- Thành lập Phòng Quan hệ cổ đông để đáp ứng công tác quan hệ cổ đông, công bố thông tin và đối ngoại sau khi cổ phiếu Sabeco niêm yết trên HOSE cuối năm 2016.
- Ngoài ra, trong năm 2016 Sabeco thực hiện điều chuyển vốn của 10 CTCP Thương mại Bia Sài Gòn Khu vực về Công ty mẹ trực tiếp quản lý, thực hiện sắp xếp, phân công bố trí lại nhân sự phù hợp với chủ trương quản trị theo hình thức chuyên môn hóa, chuyên nghiệp trong công tác tiêu thụ - bán hàng, điều vận.

Chính sách tiền lương

- Thực tế trong năm 2016, khi chính sách của Nhà nước thay đổi, lãnh đạo Sabeco đã thực hiện thành công việc xây dựng hệ thống mô tả công việc, thang bảng lương theo vị trí công việc làm cơ sở để trả lương và thực hiện chế độ bảo hiểm

” Việc phân phối tiền lương được thực hiện công khai, dân chủ, đảm bảo sự công bằng và hợp lý giữa các chức danh và trình độ chuyên môn cho từng người lao động. ”

bắt buộc đối với người lao động. Theo đó, mức đóng bảo hiểm bắt buộc tăng thêm gần 40% trong khi vẫn đảm bảo thu nhập cho người lao động.

- Liên quan đến việc triển khai áp dụng chính sách phân phối thu nhập theo 3Ps, lãnh đạo Sabeco đã chỉ đạo thực hiện công tác truyền thông, tập huấn nâng cao năng lực cho cán bộ cấp trung về công quản trị nhân sự hiệu quả (quản trị theo mục tiêu, giao mục tiêu và đánh giá kết quả thực hiện công việc của nhân viên, xây dựng và đánh giá năng lực nhân viên), tăng quyền chủ động cho lãnh đạo đơn vị trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ.

- Tiền lương được thực hiện theo nguyên tắc phân phối lao động và hiệu quả hoạt động của từng bộ phận. Đồng thời, tiền lương tại đơn vị được sử dụng như một đòn bẩy để kích thích người lao động tích cực tham gia vào hoạt động sản

xuất kinh doanh. Việc phân phối tiền lương được thực hiện công khai, dân chủ, đảm bảo sự công bằng và hợp lý giữa các chức danh và trình độ chuyên môn cho từng người lao động.

Chính sách về phúc lợi

- 100% lao động có ký kết hợp đồng lao động, chế độ Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm Y tế, Bảo hiểm Thất nghiệp, bảo hộ lao động và các chế độ chính sách khác như khám sức khỏe định kỳ, tầm soát ung thư/bệnh hiểm nghèo, khám bệnh nghề nghiệp cho người lao động cũng luôn được đảm bảo kịp thời theo đúng quy định.
- Ngoài việc đảm bảo các chế độ phúc lợi cho người lao động theo quy định của pháp luật, 100% người lao động được mua Bảo hiểm tai nạn 24 giờ, 100% người lao động được trang bị phương tiện bảo hộ cá nhân... ; Sabeco còn không ngừng nâng cao các chế độ phúc lợi cho người lao động nhằm nâng cao hiệu suất làm việc như các chương trình cân bằng công việc và cuộc sống như tham quan, nghỉ mát, sinh hoạt chuyên đề; Tặng bia, tặng quà cho người lao động nhân các dịp sinh nhật, Lễ, Tết, Ngày truyền thống Bia Sài Gòn, Ngày thầy

thuốc Việt Nam, Ngày Thương binh liệt sĩ, Ngày Quân đội Nhân dân Việt Nam... ; Năm 2016, Sabeco bắt đầu mua Bảo hiểm hưu trí tự nguyện cho người lao động.

- Ngoài chăm lo đời sống văn thể mỹ cho người lao động, Sabeco còn quan tâm đến thân nhân của nhân viên như tặng quà cho con của người lao động vào các dịp Quốc tế Thiếu nhi, Trung thu, Tổng kết năm học; Hàng năm đơn vị duy trì tổ chức sinh hoạt trại hè cho con em của người lao động tại Thanh Đa - TP.HCM...

Chính sách về đào tạo, phát triển nhân lực

- Thực hiện quy hoạch và có phương án đào tạo, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ cán bộ chủ chốt của Sabeco nhằm nâng cao chất lượng nhân sự, phục vụ kế hoạch phát triển dài hạn của Sabeco.
- Đảm bảo thu nhập của người lao động ổn định, gắn với năng lực và hiệu quả công việc của từng cá nhân.
- Nâng cao chế độ đãi ngộ để thu hút và giữ chân “người tài”; hoàn thiện hệ thống đánh giá chất lượng công việc của nhân viên; đồng thời tiến hành thực hiện việc xếp lương theo vị trí công việc được giao.



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG VÀ BÁO CÁO

ĐÁNH GIÁ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (tiếp theo)

5. KẾ HOẠCH VÀ PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2017

Triển vọng kinh tế vĩ mô và ngành bia năm 2017

Năm 2017, Chính phủ tiếp tục điều hành chính sách tiền tệ, tài khóa theo hướng linh hoạt, chặt chẽ nhằm ổn định vĩ mô, lạm phát (dưới 5%) và duy trì tăng trưởng GDP ở mức 6,7%. Song song với đó là việc theo đuổi một loạt các giải pháp đồng bộ, mang tính dài hạn như: hoàn thiện thể chế pháp luật; cải thiện môi trường kinh doanh & hành chính; xử lý nợ xấu, lành mạnh hệ thống ngân hàng, thị trường tài chính, thị trường BĐS, duy trì mặt bằng lãi suất thấp và các biện pháp thu hút, huy động vốn cho nền kinh tế, mở rộng hội nhập với kinh tế thế giới thông qua các hiệp định thương mại lớn hứa hẹn sẽ đem đến sức bật cho kinh tế Việt Nam năm 2017. Tình hình thị trường bia được dự báo tiếp tục phát triển ổn định trong giai đoạn tiếp theo ở mức 8% - 10% nhờ yếu tố thu nhập tăng và dân số trẻ của Việt Nam.

Kế hoạch kinh doanh năm 2017

Trong bối cảnh thị trường cạnh tranh ngày càng khốc liệt, các công ty bia nước ngoài mở rộng hoạt động sản xuất và gia tăng quảng bá thương hiệu, hỗ trợ bán hàng để đánh chiếm thị phần của Công ty, cũng như thuế suất thuế TTĐB tăng từ 55% lên 60% cũng đã tạo áp lực rất lớn lên Công ty trong việc giữ vững thị phần và tiếp tục phát triển, Công ty đã đề ra các chỉ tiêu kế hoạch cơ bản năm 2017 (dự kiến sẽ trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2017 thông qua) như sau:

Các biện pháp thực hiện

Với phương châm **“Thương mại là mặt trận hàng đầu, Kỹ thuật công nghệ là nền tảng, Quản trị là quyết định”**, thực hiện những công việc đã triển khai hiệu quả trong năm 2016 đồng thời triển khai các nhóm công việc sau:

Sản lượng tiêu thụ bia các loại	1.703 triệu lít	Tăng 3,4 % so với năm 2016
Tổng doanh thu (không có thuế TTĐB)	34.495 tỷ đồng	Tăng 9 % so với năm 2016
Lợi nhuận trước thuế	5.719 tỷ đồng	Bằng 100 % so với năm 2016
Lợi nhuận sau thuế	4.703 tỷ đồng	Tăng 1 % so với năm 2016
Nộp ngân sách Nhà nước	9.262 tỷ đồng	Tăng 5 % so với năm 2016
Tỷ lệ chia cổ tức dự kiến	35 %	Tăng 17 % so với năm 2016

a. Thị trường - Marketing

- Tập trung đầu tư các nhãn hàng sản phẩm theo định vị và chiến lược phát triển dài hạn, trong đó định vị sản phẩm trên từng phân khúc (cao cấp, cận cao cấp, phổ thông) và xây dựng chiến lược giá bán sản phẩm phù hợp với định vị;
- Chú trọng phát triển thị trường nông thôn, gắn với các chương trình hỗ trợ cộng đồng tạo cơ sở cho mục tiêu phát triển bền vững, và tăng cường xuất khẩu ra thị trường nước ngoài, đặc biệt các nước trong khu vực nhằm tìm kiếm thêm nguồn tăng trưởng;
- Đảm bảo tiến độ nâng cấp sản phẩm về bao bì và dịch vụ đi kèm để tăng cường tính cạnh tranh. Đẩy mạnh dự án bia cao cấp để cạnh tranh tại phân khúc cao cấp và bia tươi cao cấp phục vụ nhu cầu giới trẻ;
- Có các chính sách quảng cáo, tiếp thị để hỗ trợ cho người bán hàng cuối cùng;
- Cấu trúc hệ thống phân phối hướng đến việc kiểm soát theo kênh và từng phân khúc sản phẩm, quản lý được hệ thống quán, điểm bán, chính sách bán hàng tránh tình trạng bán chống bán lấn tuyến, lấn vùng, bán phá giá.

b. Công tác vận tải - điều vận

- Xây dựng quy chế quản lý giám sát hoạt động vận tải, kiểm soát nhà thầu phụ vận tải; làm việc với đơn vị tư vấn xây dựng định mức cung đường nhằm kiểm soát chi phí vận tải.
- Tăng cường công tác giám sát và quản lý hoạt động vận tải, đa dạng hoá các phương thức vận tải, tìm kiếm, mở rộng thêm các nhà thầu phụ vận tải, đảm bảo cung cấp đủ hàng vào các dịp cao điểm.

c. Công tác Tổ chức - Quản trị - Nhân sự

- Tiếp tục xem xét và thực hiện theo lộ trình tái cấu trúc nhân sự để nâng cao hiệu quả hoạt động giữa các bộ phận trong toàn Công ty.
- Đầu tư tập trung ngày càng cao trong công tác đào tạo nhân sự, nhất là đối với chuyên viên/ kỹ sư được đánh giá đủ năng lực tiếp cận với sự phát triển khoa học công nghệ ngành bia mang tầm quốc tế.



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG VÀ BÁO CÁO

ĐÁNH GIÁ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (tiếp theo)

d. Công tác Cung ứng, Đầu tư và Kỹ thuật công nghệ

- Về Cung ứng: Bám sát thị trường và đa dạng hóa nguồn nguyên liệu đầu vào nhằm đảm bảo sự chủ động trong việc cung cấp nguyên vật liệu với chất lượng và số lượng theo yêu cầu sản xuất và tiết giảm chi phí mua nguyên vật liệu đầu vào để gia tăng lợi nhuận cho Sabeco.
- Về Đầu tư: Ngoài việc đầu tư mới thêm 1 Nhà máy mới tại thị trường khu vực phía Nam để đáp ứng nhu cầu thị trường, Sabeco sẽ tập trung triển khai các dự án đầu tư chiều sâu tại các Nhà máy trọng điểm theo hướng ứng dụng công nghệ sản xuất mới tiên tiến, giúp nâng cao hiệu suất sản xuất và chất lượng sản phẩm.
- Về Kỹ thuật & Công nghệ: Xây dựng các đề tài nghiên cứu đổi mới quy trình công nghệ, nghiên cứu các sản phẩm thay thế, kế hoạch thử nghiệm trong ngắn và dài hạn, lựa chọn các thiết bị công nghệ theo hướng tiên tiến, thân thiện môi trường và tiết kiệm năng lượng.
- Chú trọng các chương trình nghiên cứu Khoa học - Công nghệ giai đoạn 2015 - 2020 để đưa sản phẩm mới ra thị

trường trong năm 2017, hoàn thiện và nâng cao hơn nữa chất lượng bao bì sản phẩm (thùng, nhãn, nắp, foil ...).

- Chuẩn hóa đội ngũ cán bộ Kỹ thuật tại các nhà máy sản xuất, hoàn tất khóa đào tạo Brewmaster 2014-2015 cho hệ thống, đào tạo về Brewing ở Việt Nam, đào tạo về nhân men và Phòng thí nghiệm, cảm quan bia, đào tạo về công tác bảo trì, ISO ...

e. Một số công tác khác

- Tiếp tục thực hiện công tác bảo vệ môi trường, an toàn vệ sinh thực phẩm, bảo hộ lao động, công tác phòng chống cháy nổ, công tác dân quân tự vệ và an ninh quốc phòng.
- Thực hiện đầy đủ chế độ chính sách, chăm lo đời sống vật chất tinh thần đối với người lao động để người lao động yên tâm làm việc, gắn bó xây dựng Sabeco.
- Thực hiện trách nhiệm với xã hội thông qua các hoạt động đến ơn đáp nghĩa, xóa đói giảm nghèo, hỗ trợ đồng bào bị thiên tai, chương trình vì biển đảo quê hương ...

6. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

a) Cổ phần

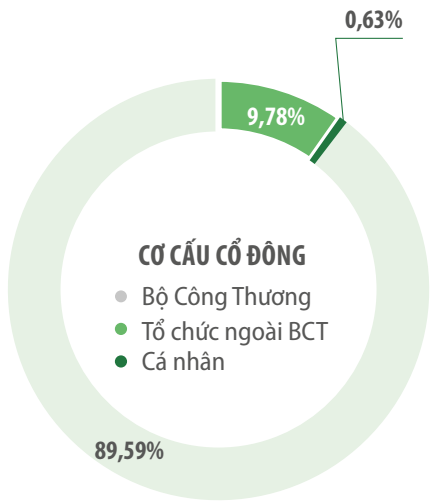
Tổng số cổ phần: 641.281.186 cổ phần

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/cổ phần

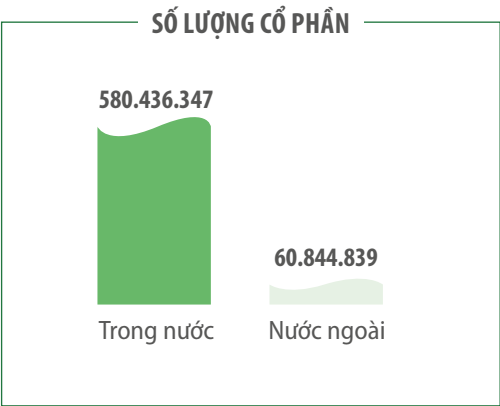
Tất cả các cổ phần đều là cổ phần phổ thông, có giá trị ngang nhau về mọi mặt.

b) Cơ cấu cổ đông (thời điểm 31/12/2016)

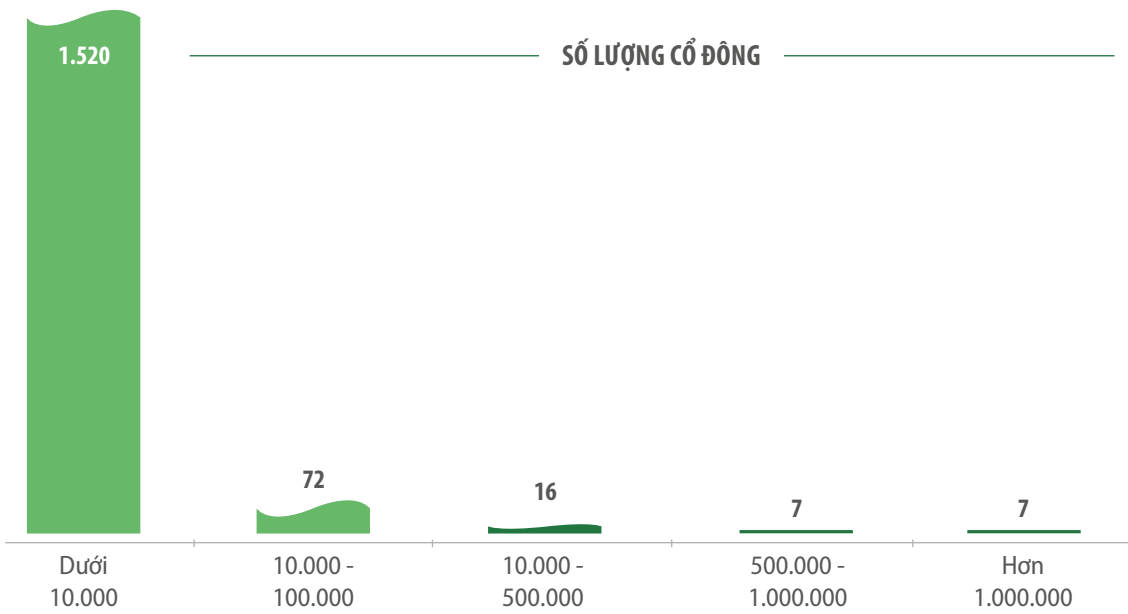
Theo đối tượng



Theo địa lý



Theo mức cổ phần sở hữu



ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY



Trong năm 2016, để chỉ đạo, giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh của toàn hệ thống Sabeco, HĐQT đã tổ chức 12 phiên họp trực tiếp để triển khai các nội dung công việc quan trọng làm cơ sở giúp Ban Điều hành Sabeco thực hiện hoàn thành kế hoạch kinh doanh của năm 2016. Ngoài các phiên họp thường kỳ, HĐQT cũng đã thông qua các Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản để chỉ đạo kịp thời, hiệu quả các vấn đề phát sinh trong hoạt động kinh doanh thuộc thẩm quyền của HĐQT.

Do quy mô hoạt động của Sabeco ngày càng mở rộng, hoạt động kinh doanh thường xuyên phải điều chỉnh để phù hợp với tình hình thị trường và những biến động của môi trường kinh tế, do vậy đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền xem xét của HĐQT, các Thành viên HĐQT đã làm việc với tinh thần trách nhiệm cao nhất, phát huy năng lực lãnh đạo vì sự phát triển bền vững của Sabeco và lợi ích của cổ đông Sabeco.

Đối với các Nghị quyết của HĐQT đã được thông qua, hàng tháng đều được giám sát tiến độ triển khai và báo cáo kết quả thực hiện trong các phiên họp giao ban của Ban Điều hành hoặc thông qua các phiên họp trao đổi, làm việc trực tiếp giữa HĐQT và Ban Điều hành. Kết quả chỉ đạo, giám sát các mặt hoạt động của Sabeco trong năm 2016 thể hiện qua các lĩnh vực như sau:

“ Năm 2016 cũng là năm đánh dấu cột mốc quan trọng khi Sabeco niêm yết cổ phiếu trên Sở giao dịch chứng khoán TP.HCM và trở thành Công ty có vốn hóa thị trường lớn hàng đầu tại Việt Nam. ”



a. Hoạt động bán hàng - marketing

- Năm 2016 Sabeco đã thực hiện điều chỉnh tổng thể hoạt động thương mại thông qua việc trực tiếp quản lý toàn bộ hoạt động bán hàng của các Công ty thương mại khu vực, qua đó giúp kiểm soát chặt chẽ khâu lưu thông phân phối và tối đa hóa lợi nhuận sản xuất kinh doanh. Việc cấu trúc lại hoạt động thương mại còn giúp cho Sabeco chủ động trong công tác điều hành sản xuất, nắm bắt kịp thời những chuyển biến của thị trường, gia tăng dòng tiền luân chuyển trong toàn hệ thống, sử dụng tập trung, hiệu quả nguồn lực tài chính trong hoạt động tiếp thị và hỗ trợ bán hàng.

- Tiếp tục giữ vững thị phần Bia Sài Gòn tại các khu vực thành thị, mở rộng độ phủ tại các khu vực nông thôn, nâng dần tỷ trọng bán hàng đối với các sản phẩm cao cấp. Đây là một nhiệm vụ hết sức quan trọng đối với Sabeco trong bối cảnh thị trường bia Việt Nam cạnh tranh ngày càng khốc liệt.

- Tận dụng hiệu quả ưu thế của mạng lưới các nhà máy sản xuất trên cả nước để tổ chức điều tiết tiêu thụ hợp lý, giảm các chi phí vận chuyển, chi phí quản lý trung gian, đảm bảo chất lượng từ nhà máy sản xuất đến người tiêu dùng.

- Các hoạt động marketing cũng được điều phối, tổ chức thực hiện chuyên nghiệp hơn, lựa chọn các chương trình marketing mang tính trọng điểm để thực hiện nhằm truyền tải sâu rộng hình ảnh thương hiệu Bia Sài Gòn đến các đối tượng khách hàng mục tiêu. Năm 2016, Sabeco thực hiện cấu trúc danh mục thương hiệu và hệ thống nhận diện thương hiệu để xứng tầm với vị thế của một thương hiệu lớn trong ngành hàng tiêu dùng.

b. Hoạt động sản xuất và chuỗi cung ứng

- Công tác sản xuất được giám sát, quản lý chặt chẽ giúp cho việc cung ứng sản phẩm ra thị trường được ổn định, khắc phục kịp thời ảnh hưởng từ những yếu tố khách quan và tính thời điểm của thị trường. Hoạt động sản xuất được thường xuyên đánh giá, quản lý, gắn hiệu quả kinh tế với các chỉ tiêu về tiết kiệm năng lượng, nguyên vật liệu; kiểm soát khí thải, nguồn nước, đảm bảo yêu cầu về vệ sinh môi trường.



- Giám sát chặt chẽ việc triển khai đầu tư chiều sâu về máy móc thiết bị, công nghệ sản xuất tại các Nhà máy để đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng đối với các sản phẩm Bia Sài Gòn trong toàn hệ thống.

- Tiếp tục nghiên cứu các chủng malt, houblon mới để đa dạng hóa nguồn cung cấp nguyên vật liệu chính, hợp lý hóa các công đoạn sản xuất thành phẩm để tiết kiệm chi phí đầu vào và nâng cao chất lượng sản phẩm.

- Hoạt động cung ứng hàng hóa, nguyên vật liệu đầu vào năm 2016 đạt hiệu quả cao do nắm bắt kịp thời diễn biến nguồn cung, giá cả thị trường đối với các mặt hàng nguyên vật liệu chính, qua đó giúp cho Sabeco chủ động được nguồn nguyên vật liệu phục vụ sản xuất với chi phí tốt nhất, góp phần gia tăng lợi nhuận của toàn hệ thống.

c. Công tác tài chính - kế toán

- Năm 2016 cũng là năm đánh dấu cột mốc quan trọng khi Sabeco niêm yết cổ phiếu trên Sở giao dịch chứng khoán TP.HCM và trở thành Công ty có vốn hóa thị trường lớn hàng đầu tại Việt Nam. Niêm yết cổ phiếu đòi hỏi Sabeco phải hoạt động minh bạch, hiệu quả, cùng với chủ trương bán vốn Nhà nước, đây được xem là động lực quan trọng thúc đẩy sự thay đổi, tái cấu trúc toàn diện để Sabeco tận dụng được những tiềm năng vốn có cho chặng đường tăng trưởng và phát triển sắp tới.

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ *(tiếp theo)*



- Thực hiện các kế hoạch đã đề ra tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2016, công tác tài chính - kế toán đã hoàn thành được những mục tiêu quan trọng. Mô hình quản lý dòng tiền tập trung hoàn thành có ý nghĩa quan trọng trong việc quản lý tổng thể hoạt động sản xuất kinh doanh của Sabeco, đồng thời góp phần hỗ trợ hiệu quả quá trình luân chuyển hàng hóa, nguyên vật liệu và toàn bộ chuỗi cung ứng của Sabeco.

- Để đáp ứng yêu cầu về công bố thông tin khi thực hiện niêm yết cổ phiếu tại Sở giao dịch chứng khoán TP.HCM, Sabeco đã hoàn thành việc triển khai hệ thống phần mềm kế toán mới áp dụng tại Công ty mẹ và các công ty thành viên giúp cho việc hợp nhất báo cáo tài chính và các báo cáo quản trị được đảm bảo về chất lượng và thời gian.

- Điều chỉnh cấu trúc, quản lý vốn đầu tư tại các Công ty con thuộc khối thương mại để phù hợp với phương thức quản trị mới tại.

- Đối với công tác thoái vốn Nhà nước, Sabeco đã hoàn thành công tác đầu thầu lựa chọn đơn vị tư vấn để xây dựng phương án thoái vốn với các tiêu chí về minh bạch, hiệu quả theo đúng chủ trương của Chính Phủ và Bộ Công Thương.

- Hoàn thành việc thoái vốn tại một số doanh nghiệp theo lộ trình và đang tiếp tục hoàn thiện hồ sơ thoái vốn tại các doanh nghiệp còn lại nhằm thực hiện chỉ đạo của Chính Phủ đối với các khoản đầu tư ngoài ngành.

d. Về lĩnh vực đầu tư phát triển

- Tiếp tục triển khai nghiên cứu, hoàn thiện để cho ra đời các sản phẩm mới phù hợp với thị hiếu của người tiêu dùng, đáp ứng được sự thay đổi của thị trường.

- Hoàn thành kịp thời các dự án về thay đổi bao bì, điều chỉnh hình ảnh nhận diện sản phẩm, hỗ trợ tích cực cho các chiến lược làm mới thương hiệu của khối chiến lược marketing, đáp ứng yêu cầu cạnh tranh thị trường.

- Trong năm 2016 Sabeco đã hoàn thành giai đoạn đầu tư và đưa vào sản xuất thương mại đối với nhà máy Bia Sài Gòn tại tỉnh Khánh Hòa, gia tăng năng lực sản xuất, cung ứng sản phẩm kịp thời cho khu vực thị trường Nam Trung Bộ. Đối với nhà máy Bia Sài Gòn tại tỉnh Kiên Giang, giai đoạn 2 nâng công suất lên 100 triệu lít/năm cũng đã hoàn chỉnh trong Quý IV/2016, góp phần hạn chế việc vận chuyển vượt tuyến tại khu vực thị trường Đồng bằng Sông Cửu Long, nâng cao hiệu quả kinh doanh cho Sabeco.

e. Hoàn thiện mô hình tổ chức - kiện toàn công tác nhân sự

- Để đáp ứng yêu cầu mới trong quá trình phát triển, HĐQT đã chỉ đạo xây dựng, hoàn thiện mô hình tổ chức, chức năng nhiệm vụ của các bộ phận chuyên môn tại Công ty mẹ và các nhà máy phụ thuộc, song song với việc xây dựng hệ thống thang bảng lương cơ bản làm căn cứ trích nộp các khoản bảo hiểm bắt buộc theo quy định.

- Thực hiện đánh giá kết quả làm việc thực tế của các chuyên viên, nhân viên làm cơ sở cho Trưởng đơn vị đánh giá năng lực chuyên viên một cách toàn diện hơn.

f. Công tác an sinh - xã hội, bảo vệ môi trường

Sabeco luôn cam kết thực thi chiến lược phát triển bền vững của hệ thống trong toàn bộ và xuyên suốt hoạt động sản xuất, kinh doanh góp phần vào sự phát triển bền vững của đất nước. Thông điệp "Bia Sài Gòn chung tay với cộng đồng" đã là kim chỉ nam cho mọi hoạt động của Sabeco và lan tỏa trên toàn hệ thống. Trong năm 2016, Sabeco đã thực hiện 121 chương trình hỗ trợ an sinh xã hội tại các tỉnh thành trên cả nước, bao gồm các chương trình hỗ trợ người nghèo trong các dịp lễ tết, xây dựng cơ sở vật chất y tế, giáo dục, trường học, đường giao thông, hỗ trợ đồng bào lũ lụt, hỗ trợ công nhân tại các khu công nghiệp, khu chế xuất...

Trách nhiệm với cộng đồng còn được Sabeco thể hiện bằng sự thân thiện với môi trường trên toàn hệ thống các nhà máy thông qua việc áp dụng hệ thống quốc tế "Nhà máy xanh" gồm 3 tiêu chí: tiết kiệm nhiên liệu, hiệu quả cao và đặc biệt là công nghệ lọc không chất thải. Đón đầu xu thế phát triển bền vững trên cơ sở phát triển hài hòa cùng môi trường, đưa Sabeco trở thành đơn vị tiên phong về mô hình này trên cả nước.

g. Đối với lĩnh vực rượu, nước giải khát

Trong tổng thể hoạt động kinh doanh của Sabeco, lĩnh vực chính yếu hiện nay vẫn là kinh doanh sản phẩm bia với doanh thu đóng góp trên 98% tổng doanh thu hoạt động. Lĩnh vực rượu, nước giải khát với những khó khăn về thị trường đầu ra của sản phẩm dẫn đến kết quả kinh doanh của ngành rượu, nước giải khát năm 2016 chỉ mới đạt chỉ tiêu theo kế hoạch đã đề ra, chưa có sự bứt phá về quy mô hoạt động để xứng tầm với lịch sử thương hiệu của Sabeco. Hiện nay hai lĩnh vực này vẫn chưa có kế hoạch tổng thể trong dài hạn để làm nền tảng cho các mục tiêu đầu tư hạ tầng, nhân sự và thị trường hàng năm của các công ty thành viên hoạt động trong các lĩnh vực này.

Nhà máy Bia Sài Gòn tại tỉnh Kiên Giang, giai đoạn 2 nâng công suất lên

100 triệu lít/năm

đã hoàn chỉnh trong Quý IV/2016



Ngày hội hiến máu Bia Sài Gòn 2016



CBCNV Bia Sài Gòn hưởng ứng Ngày thứ 7 xanh

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ *(tiếp theo)*

2. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ BAN GIÁM ĐỐC/BAN ĐIỀU HÀNH

“ Năm 2016, HĐQT đã thực hiện vai trò giám sát hiệu quả đối với hoạt động của Ban Điều hành trong việc triển khai thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của ĐHQT và HĐQT Công ty. ”



Nội dung giám sát

- Theo dõi và đôn đốc việc hoàn thành các chỉ tiêu kinh doanh đã được ĐHQT và HĐQT phê duyệt.
- Yêu cầu Ban Điều hành báo cáo định kỳ kết quả kinh doanh và tình hình hoạt động trong các cuộc họp giao ban hàng tháng, các thành viên HĐQT tham gia, có ý kiến chỉ đạo liên quan đến công tác điều hành và hoạt động của Công ty.
- Làm việc với Ban Kiểm soát để nắm rõ về tình hình hoạt động của Công ty, các vấn đề tiềm ẩn rủi ro, chưa hiệu quả để từ đó có đưa ra những định hướng, chỉ đạo phù hợp, kịp thời với tình hình hoạt động thực tế của Công ty, qua đó hỗ trợ Ban Điều hành hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

Đánh giá chung

- HĐQT đánh giá cao nỗ lực của Ban Điều hành trong việc triển khai thực hiện các kế hoạch, mục tiêu được giao. Việc Sabeco hoàn thành vượt mức kế hoạch các chỉ tiêu kinh doanh năm 2016 trong bối cảnh thị trường cạnh tranh gay gắt và Sabeco đối mặt với hàng loạt thách thức cho thấy sự hiệu quả trong hoạt động của Ban Điều hành.
- Năm 2016, HĐQT ghi nhận nhiều đề xuất, thay đổi quan trọng liên quan trong hoạt động của Sabeco như marketing, thị trường, đầu tư, kỹ thuật, tái cấu trúc bộ máy quản lý, hoàn thiện cơ cấu tổ chức... qua đó đảm bảo sự tăng trưởng và hiệu quả hoạt động cho Sabeco.
- Hoạt động của Ban Điều hành tuân thủ các quy định tại Điều lệ, Quy chế quản lý nội bộ, Nghị quyết của ĐHQT & ĐHQĐ và các quy định của pháp luật liên quan.

3. CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



1,7 tỷ lít

Tổng sản lượng bia tiêu thụ các loại



34.495 tỷ đồng

Tổng doanh thu (không có thuế TTĐB)



5.719 tỷ đồng

Lợi nhuận trước thuế hợp nhất



4.703 tỷ đồng

Lợi nhuận sau thuế hợp nhất

Nhận thức rõ những cơ hội và thách thức phía trước, năm 2017 HĐQT Sabeco tiếp tục đặt ra những mục tiêu tăng trưởng bền vững để tạo động lực cho tiến trình phát triển dài hạn của Sabeco. Với ý nghĩa quan trọng đó, HĐQT đã thống nhất một số chỉ tiêu kinh doanh chính cho năm 2017, sẽ trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua như sau:

Để triển khai các kế hoạch kinh doanh trong năm 2017, HĐQT sẽ tiếp tục duy trì chế độ họp thường kỳ hàng tháng (hoặc đột xuất khi cần thiết) và thực hiện lấy ý kiến bằng văn bản đối với những vấn đề mang tính cấp thiết để phù hợp với tình hình thực tiễn hoạt động kinh doanh. Với thông điệp hành động, năm 2017 tiếp tục là “Thương mại là mặt trận hàng đầu, Kỹ thuật công nghệ là nền tảng và Quản trị là quyết định”, HĐQT định hướng các nhiệm vụ quan trọng trong năm 2017 như sau:

- Triển khai thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, trong đó phần đầu hoàn thành tốt các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2017 Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- Tập trung nguồn lực đối với mục tiêu phát triển thị trường của Sabeco, bao gồm xây dựng một chiến lược phát triển thị trường dài hạn, phù hợp với định vị thị trường và xu hướng người tiêu dùng, song song với việc cấu trúc toàn diện hệ thống phân phối theo hướng chuyên nghiệp, hỗ trợ hiệu quả cho việc kiểm soát theo kênh và từng phân khúc sản phẩm. Tiếp tục phát triển bền vững tại tất cả các khu vực, giữ vững thị phần tại khu vực thành thị, mở rộng không ngừng độ phủ tại các thị trường nông thôn và đẩy mạnh thị trường xuất khẩu.
- Tiếp tục đầu tư mạnh mẽ cho từng sản phẩm, đặc biệt là các sản phẩm có sức cạnh tranh và mang lại lợi nhuận cao.

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác nghiên cứu, nâng cao chất lượng sản phẩm, phát triển sản phẩm mới, tạo tiền đề cho sự phát triển bền vững của Sabeco.
- Tiếp tục hoàn thiện chuỗi giá trị nhằm tối ưu hóa hiệu quả kinh doanh trên phạm vi toàn hệ thống Sabeco.
- Nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp trên cơ sở hoàn thiện cơ cấu tổ chức, mô hình quản trị và áp dụng các thông lệ quản trị tiên tiến nhằm khai thác hiệu quả các thế mạnh của Sabeco, đạt được sự tín nhiệm của cổ đông, nhà đầu tư.
- Chú trọng đầu tư công nghệ sản xuất để nâng cao hiệu quả kinh doanh, khẳng định vị thế doanh nghiệp tiêu biểu trong công tác bảo vệ môi trường.
- Tiếp tục chỉ đạo các đơn vị trong hệ thống rà soát, đẩy nhanh quá trình thoái vốn các khoản đầu tư ngoài ngành có nhiều rủi ro, tỷ suất sinh lời thấp.
- Tiếp tục thực thi các cam kết phát triển bền vững của Sabeco đối với cộng đồng, môi trường và xã hội thông qua việc triển khai các chương trình an sinh xã hội, hỗ trợ cộng đồng và bảo vệ môi trường.
- Triển khai đúng tiến độ lộ trình thoái vốn Nhà nước tại Sabeco theo chỉ đạo của Chính Phủ và Bộ Công Thương.



QUẢN TRỊ CÔNG TY

Mô hình quản trị Công ty	52
Thông tin và hoạt động của HĐQT	53
Ban Kiểm soát	54
Các giao dịch đặc thù và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban giám đốc và Ban Kiểm soát	55
Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty	56
Quản trị rủi ro	56
Quan hệ Cổ đông / Nhà đầu tư	58

QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. MÔ HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

ĐHĐCĐ là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, thực hiện các chức năng, quyền và nghĩa vụ theo Quy định tại Điều lệ hoạt động Công ty và pháp luật có liên quan. ĐHĐCĐ thường niên sẽ họp mỗi năm một lần và quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng Công ty.

BAN KIỂM SOÁT

Ban Kiểm soát là cơ quan trực thuộc ĐHĐCĐ, do ĐHĐCĐ bầu ra, hoạt động độc lập với Hội đồng quản trị và Ban Điều hành. Ban Kiểm soát có nhiệm vụ kiểm soát mọi mặt hoạt động quản trị và điều hành của Công ty và

chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ trong việc thực hiện các nhiệm vụ được giao. Theo quy định của Điều lệ, Ban Kiểm soát có từ ba (03) đến năm (05) thành viên.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

HĐQT là cơ quan quản trị cao nhất của Công ty do ĐHĐCĐ bầu ra, có trách nhiệm giám sát Tổng Giám đốc, Ban Điều hành và các cán bộ quản lý khác. HĐQT có quyền nhân danh Công ty quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ không thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ theo quy định tại Điều lệ hoạt động Công ty và pháp luật có liên quan. Số thành viên HĐQT của Sabeco theo quy định tại Điều lệ là bảy (07) thành viên. Chủ tịch HĐQT là Người đại diện theo pháp luật của Công ty

VĂN PHÒNG HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Là bộ phận trực thuộc HĐQT Công ty, chịu trách nhiệm tham mưu, tư vấn, kiến nghị cho HĐQT, Chủ tịch HĐQT các vấn đề liên quan thuộc thẩm quyền của HĐQT, Chủ tịch HĐQT.

BAN ĐIỀU HÀNH (BAN GIÁM ĐỐC)

Ban Điều hành gồm phụ trách Ban Điều hành và các Phó Tổng Giám đốc, Chánh Văn phòng, các trưởng ban chức năng và Giám đốc 2 Nhà máy trực thuộc. Tổng Giám đốc / Phụ trách Ban Điều hành do HĐQT bổ nhiệm, chịu trách nhiệm trước HĐQT trong việc thực thi các nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông và HĐQT.

Các Phó Tổng Giám đốc có trách nhiệm giúp việc cho Tổng Giám đốc / Phụ trách Ban Điều hành trong từng lĩnh vực cụ thể và chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc / Phụ trách Ban Điều hành về các nội dung công việc được phân công, chủ động giải quyết những công việc được ủy quyền theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

CÁC BAN NGHIỆP VỤ

Các Ban nghiệp vụ trực tiếp thực hiện công việc theo chức năng chuyên môn và nhận sự chỉ đạo của Tổng Giám đốc/Phụ trách Ban Điều hành.

2. THÔNG TIN & HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Cơ cấu thành viên HĐQT Sabeco (thời điểm 31/12/2016)

STT	Họ và tên	Chức danh	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu	Chức danh kiêm nhiệm trong HĐQT các Công ty khác
1	Ông Võ Thanh Hà	Chủ tịch HĐQT	0	0%	• Chủ tịch HĐQT CTCP Bia Sài Gòn - Hà Nội, Công ty TNHH MTV Thương mại Bia Sài Gòn • TV HĐQT CTCP Bia Sài Gòn - Kiên Giang
2	Ông Lê Hồng Xanh	Thành viên HĐQT	100	0,000016%	• Chủ tịch HĐQT CTCP Bia Sài Gòn - Kiên Giang, CTCP Bia - Nước giải khát Sài Gòn - Tây Đô • TV HĐQT Công ty cổ phần Bia Sài Gòn - Ninh Thuận, CTCP Vận tải và Giao nhận Bia Sài Gòn
3	Ông Bùi Ngọc Hạnh	Thành viên HĐQT	7.300	0,001138%	• Chủ tịch HĐQT CTCP Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi, CTCP Bia Sài Gòn - Miền Trung và Công ty TNHH MTV Cơ khí Sabeco • TV HĐQT CTCP giải khát Chương Dương và Công ty TNHH Thủy tinh Malaya Việt Nam • Kiểm soát viên Công ty TNHH MTV Thương mại Bia Sài Gòn
4	Ông Nguyễn Bích Đạt	Thành viên HĐQT	0	0%	• TV HĐQT CTCP Bia Sài Gòn - Miền Trung • TV HĐQT CTCP Bia - NGK Sài Gòn - Tây Đô
5	Bà Phạm Thị Hồng Hạnh	Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm ngày 26/01/2016)			
6	Ông Vũ Quang Hải	Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm ngày 16/02/2017)	0	0%	Chủ tịch HĐQT CTCP Bia Sài Gòn Khánh Hòa

Hoạt động của HĐQT:

Số lượng các cuộc họp của HĐQT trong năm 2016: 19 cuộc họp, cụ thể:

STT	Họ và tên	Chức danh	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ (%)	Lý do không tham dự	Ghi chú
1	Ông Võ Thanh Hà	Chủ tịch HĐQT	19/19	100		
2	Bà Phạm Thị Hồng Hạnh	TV HĐQT	2/2	100		Miễn nhiệm ngày 26/01/2016
3	Ông Lê Hồng Xanh	TV HĐQT	19/19	100		
4	Ông Bùi Ngọc Hạnh	TV HĐQT	18/19	95	Đi công tác	
5	Ông Vũ Quang Hải	TV HĐQT	19/19	100		
6	Ông Nguyễn Bích Đạt	TV HĐQT	17/19	89	Đi công tác	

QUẢN TRỊ CÔNG TY (tiếp theo)

Nội dung, kết quả và các Nghị quyết đã ban hành: 88 Nghị quyết Hoạt động của các Thành viên HĐQT độc lập, không điều hành: Không

Thành viên HĐQT có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty: Không

Hoạt động của các tiểu ban trong HĐQT: Không

Hoạt động của Văn phòng HĐQT

- Do không tổ chức các Tiểu ban, Văn phòng HĐQT thực hiện nhiệm vụ tham mưu, góp ý cho HĐQT các lĩnh vực liên quan.

3.BAN KIỂM SOÁT

Cơ cấu Ban Kiểm soát Sabeco (thời điểm 31/12/2016)

STT	Họ và tên	Chức danh	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ cổ phần sở hữu
1	Ông Đồng Việt Trung	Trưởng BKS	0	0%
2	Ông Nguyễn Giang Bình	Thành viên BKS	0	0%
3	Ông Chung Trí Dũng	Thành viên BKS (miễn nhiệm ngày 16/02/2017)	2.900	0,00045%

Các cuộc họp của Ban Kiểm soát: 05 cuộc họp

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số buổi họp BKS tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do
1	Ông Đồng Việt Trung	Trưởng BKS	5/5	100%	
2	Ông Chung Chí Dũng	TV BKS	5/5	100%	
3	Ông Hoàng Giang Bình	TV BKS	4/5	80%	Đi công tác

Hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2016:

- Tham gia đầy đủ các cuộc họp HĐQT và các cuộc họp giao ban định kỳ của Ban Điều hành, nắm bắt kịp thời thông tin về tình hình quản trị điều hành, kết quả kinh doanh của Sabeco.
- Thường xuyên theo dõi, có ý thức rà soát xem xét góp ý về tính hợp lý hợp pháp, trình tự thủ tục của việc ban hành Nghị quyết của HĐQT, các Quyết định của Ban Điều hành, nhằm đảm bảo sự đúng đắn và vì quyền lợi của cổ đông Sabeco.
- Kiểm tra, giám sát hoạt động của cơ sở, khảo sát đánh giá tình hình, chú trọng tổ chức thu thập thông tin và thẩm tra xác minh thông tin cần trọng, phân tích đánh giá kỹ lưỡng, đưa ra các ý kiến đóng góp đối với lãnh đạo hoặc các cá nhân có trách nhiệm.
- Tiến hành soát xét định kỳ báo cáo tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh hàng quý, thống nhất nhận định

- Năm 2016, Văn phòng HĐQT đã hỗ trợ HĐQT và Chủ tịch HĐQT trong việc tham mưu, tổng hợp các vấn đề xin ý kiến HĐQT; góp ý, soạn thảo, ban hành các văn bản, tài liệu của HĐQT tuân thủ theo Điều lệ hoạt động, các quy chế, quy định nội bộ, Luật Doanh nghiệp và các quy định pháp lý khác có liên quan.
- Là đầu mối, phối hợp tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2016.
- Chịu trách nhiệm thông tin đến các thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát và cổ đông Sabeco khi có yêu cầu.

đánh giá và xác định lựa chọn trọng tâm ưu tiên cho nhiệm vụ kiểm soát. Tham gia giám sát việc thực hiện chế độ tiền lương, tiền thưởng và các chế độ chính sách khác đối với người lao động, nhằm thực thi đúng và đủ chế độ chính sách, công bằng để người lao động yên tâm làm việc, góp phần ổn định tình hình sản xuất kinh doanh.

Kế hoạch/Định hướng hoạt động của Ban Kiểm soát trong năm 2017

- Tiếp tục giám sát và đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ.
- Kiểm tra giám sát việc ban hành và thực hiện các Nghị quyết, quyết định của HĐQT phù hợp với Điều lệ Tổng công ty, Nghị quyết ĐHĐCĐ và phù hợp với qui định của Pháp luật.
- Tiếp tục duy trì và tăng cường đi cơ sở và thị trường, kiểm tra giám sát, nắm bắt tình hình, tham gia ý kiến góp ý tham mưu cho HĐQT, Tổng Giám đốc.



4. CÁC GIAO DỊCH ĐẶC THÙ VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

Mức thu nhập	ĐVT	Lương	Thưởng	Thù lao	Tổng cộng
Hội đồng Quản trị					
Ông Võ Thanh Hà	%	80,00	20,00		100
Ông Lê Hồng Xanh	%	68,66	17,17	14,17	100
Ông Bùi Ngọc Hạnh	%	80,00	20,00		100
Ông Vũ Quang Hải	%	67,63	16,91	15,46	100
Ông Nguyễn Bích Đạt	%			100	100
Ban Kiểm soát					
Ông Đồng Việt Trung	%	80,00	20,00		100
Ông Chung Trí Dũng	%	80,00	20,00		100
Ông Hoàng Giang Bình	%			100	100
Ban Điều hành					
Ông Nguyễn Thành Nam	%	80,00	20,00		100
Ông Nguyễn Minh An	%	80,00	20,00		100
Ông Nguyễn Tiến Dũng	%	80,00	20,00		100

Lương, thưởng, thù lao của HĐQT, Ban Điều hành, Ban Kiểm soát được thực hiện dựa theo quy định của Nhà nước và được phê chuẩn của Đại hội đồng cổ đông Sabeco.

QUẢN TRỊ CÔNG TY (tiếp theo)

5. VIỆC THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Sabeco luôn chấp hành nghiêm các quy định của pháp luật về quản trị công ty và các quy định khác đối với công ty cổ phần đại chúng đã niêm yết, bao gồm:

- Luật Doanh nghiệp 2014: Trong đó, trong đầu năm 2016, Sabeco đã nghiên cứu, trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Điều lệ mới để phù hợp với Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 (có hiệu lực áp dụng từ ngày 01/07/2015) do có nhiều nội dung thay đổi, ảnh hưởng đến quản trị, điều hành Công ty.
- Thông tư 121/2012/TT-BTC quy định về Quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng: Sabeco đã ban hành Quy chế quản trị Công ty để nâng cao tính tuân thủ, thực hiện quy định pháp luật về quản trị công ty. Hiện Sabeco đang tiếp tục nghiên cứu để điều chỉnh Quy chế này khi Thông tư mới được ban hành thay thế Thông tư 121.

- Thông tư 155/2015/TT-BTC hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
- Quy chế công bố thông tin tại Sở giao dịch Chứng khoán TP.HCM (ban hành kèm theo Quyết định số 340/QĐ-SGDHCM ngày 19/08/2016 của Tổng Giám đốc Sở GDCKHCM).
- Quy chế thực hiện quyền cho Người sở hữu chứng khoán (ban hành kèm Quyết định số 23/QĐ-VSD ngày 13/03/2015 của Tổng giám đốc Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam).
- Nghiên cứu và triển khai việc hay đổi mô hình cơ cấu tổ chức theo hướng chuyên nghiệp, hiệu quả.
- Năm 2016, Sabeco cũng đã tiến hành rà soát, nghiên cứu để sửa đổi và ban hành mới nhiều chính sách, quy chế, quy trình nội bộ của Công ty, qua đó giúp quản lý và kiểm soát tốt hoạt động của Công ty, gia tăng hiệu quả kinh doanh.



Trong quy trình quản trị rủi ro, Sabeco chủ động rà soát, nhận diện các rủi ro chính yếu theo từng nhóm

Bên cạnh việc chấp hành các quy định của pháp luật, Sabeco cũng đã chủ động trong việc nâng cao hơn nữa chất lượng quản trị, tiếp cận các chuẩn mực quản trị quốc tế, trong đó tập trung vào vấn đề đảm bảo quyền của cổ đông và các bên liên quan thông qua việc công bố và minh bạch hóa thông tin



6. QUẢN TRỊ RỦI RO

Hoạt động quản trị rủi ro được xem là một phần quan trọng, không tách rời trong hoạt động của Sabeco nhằm đảm bảo mục tiêu tăng trưởng bền vững.

Trong quy trình quản trị rủi ro, Sabeco chủ động rà soát, nhận diện các rủi ro chính yếu theo từng nhóm (vĩ mô & chính sách, hoạt động, tài chính, con người, phát triển bền vững...), thực hiện phân tích, đánh giá toàn diện về tần suất, mức độ tác động để đưa ra kế hoạch và các biện pháp xử lý phù hợp.

Bên cạnh Ban Kiểm soát thực hiện nhiệm vụ giám sát chung hoạt động, rủi ro của Sabeco, chịu trách nhiệm trước Đại hội Đồng cổ đông, việc quản lý rủi ro được phân thành 4 lớp trong đó, HĐQT chịu trách nhiệm cao nhất, Ban Pháp chế - Kiểm soát nội bộ thực hiện nhiệm vụ thanh tra, kiểm tra, giám sát và báo cáo việc thực thi và hiệu quả công tác quản lý rủi ro trong hoạt động thường ngày của các Ban chức năng. Bên cạnh đó, Bộ phận Kiểm toán nội bộ giúp đảm bảo tính độc lập trong công tác giám sát, đánh giá các rủi ro và tính đầy đủ, hiệu quả của khung quản trị rủi ro đang vận hành.

Sabeco tổ chức và duy trì một hệ thống văn bản quản lý làm cơ sở đảm bảo các hoạt động được kiểm soát và thực hiện đúng quy định, gồm:

- Hệ thống các văn bản pháp luật áp dụng tại Sabeco;
- Hệ thống các văn bản quy chế, quy định nội bộ;
- Hệ thống tài liệu của Hệ thống quản lý Chất lượng - An toàn vệ sinh thực phẩm - Môi trường;
- Các văn bản điều hành hàng ngày (kế hoạch, thông báo, phân công...).

Công tác phòng ngừa, xử lý và giảm thiểu rủi ro của Sabeco được thực hiện thông qua các hoạt động:

- Kiểm soát tại đơn vị thông qua các quy chế, quy định, thủ tục nội bộ;
- Kiểm tra, giám sát chéo theo chức năng (Ban Kế toán - Thống kê kiểm soát các hoạt động thu chi, tài chính; Ban Kiểm soát chất lượng kiểm tra chất lượng hàng mua vào và thành phẩm; Ban Kỹ thuật kiểm soát về công nghệ và chất lượng sản phẩm trong toàn hệ thống; Ban Marketing kiểm soát hoạt động bán hàng và hệ thống phân phối, Phòng Pháp chế thẩm định các văn bản, hợp đồng...).
- Kiểm tra, giám sát, thẩm định theo kế hoạch hoặc đột xuất của các Ban/Phòng chức năng: Pháp chế, Kiểm soát nội bộ, Kiểm toán nội bộ.

- Đánh giá định kỳ hàng năm:
- Đánh giá nội bộ Hệ thống quản lý Chất lượng - An toàn vệ sinh thực phẩm - Môi trường trong toàn Sabeco (1 lần/năm) và đánh giá của các tổ chức chứng nhận (1-2 lần/năm);
- Sabeco đánh giá các đơn vị hợp tác sản xuất mỗi năm 1-2 lần với sự tham gia của các đơn vị chức năng có liên quan (Kỹ thuật, Kiểm soát chất lượng, Kế toán thống kê, Kiểm soát hệ thống,...).

Năm 2017, công tác quản trị rủi ro của Sabeco tiếp tục được duy trì và nâng cao thông qua các hoạt động:

- Tiếp tục duy trì các hoạt động như năm 2016. Xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát, đánh giá hàng năm và tổ chức thực hiện theo phê duyệt;
- Hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm nội bộ, số hóa để nâng cao tính tiện dụng cùng với việc tổ chức phổ biến, huấn luyện cho nhân viên có liên quan;
- Cập nhật phiên bản mới: Hệ thống quản lý Chất lượng - An toàn vệ sinh thực phẩm - Môi trường của Sabeco sẽ tiến hành chuyển đổi áp dụng phiên bản mới ban hành năm 2015. Theo đó, hệ thống sẽ được tái thiết lập trên cơ sở phân tích các rủi ro, đồng thời hệ thống tài liệu sẽ được hợp nhất với hệ thống văn bản quản trị hiện hành, qua đó nâng cao tính hiệu lực và hiệu quả của hệ thống.

7. QUAN HỆ CỔ ĐÔNG/NHÀ ĐẦU TƯ (IR)

Thông tin giao dịch cổ phiếu Sabeco

STT	Nội dung	Diễn giải
1	Tổng số phiên giao dịch	19 phiên (*)
2	Tổng khối lượng khớp lệnh	5.775.420 cổ phiếu
3	Khối lượng giao dịch bình quân/phiên	304.000 cổ phiếu
4	Giá giao dịch cao nhất	225.000 đồng/CP
5	Giá giao dịch thấp nhất	132.000 đồng/CP (**)
6	Giá giao dịch tại 31/12/2016	197.700 đồng/CP

(*) Tính từ phiên giao dịch đầu tiên ngày 06/12/2016 đến 31/12/2016

(**): Giá đóng cửa phiên giao dịch đầu tiên

Tình hình chi trả cổ tức

Giá cổ phiếu Sabeco cuối năm 2016 đạt 197.700 đồng/CP, tăng 50% so với giá đóng cửa phiên giao dịch đầu tiên và tăng 80% so với giá chào sàn 110.000 đồng/CP.

Năm	Tỉ lệ % cổ tức tính trên mệnh giá	Giá trị cổ tức/cổ phiếu (VND)	Tổng số tiền cổ tức chi trả (ĐVT: Tỷ đồng)
2016	30%	3.000	1.924
2015	30%	3.000	1.924
2014	25%	3.000	1.603
2013	23%	2.500	1.475
2012	22%	2.200	1.410
2011	20%	2.000	1.282

Các hoạt động quan hệ với cổ đông/nhà đầu tư

Ngay sau khi niêm yết cổ phiếu trên HOSE, cuối năm 2016, Sabeco đã thành lập Phòng Quan hệ cổ đông (Phòng IR) để đảm bảo việc thực hiện các quy định về công bố thông tin đến cổ đông và các cơ quan quản lý, đồng thời đáp ứng tốt nhất nhu cầu thông tin và quyền lợi của cổ đông và các bên liên quan. Năm 2017, chức năng IR Sabeco sẽ tập trung hoạt động với định hướng:

- Tăng cường hoạt động thông tin đến cổ đông, nhà đầu tư qua việc công bố kết quả kinh doanh hàng quý và cập nhật các thông tin quan trọng.
- Tổ chức và cải thiện chuyên trang Quan hệ cổ đông trên website Công ty để đảm bảo tính chuyên nghiệp, hiệu quả, qua đó tạo điều kiện cho cổ đông, nhà đầu tư dễ dàng tiếp cận, truy xuất các thông tin, dữ liệu về Sabeco.
- Gia tăng tính kết nối với cổ đông, cộng đồng nhà đầu tư.



197.700 đồng/CP

Giá cổ phiếu Sabeco cuối năm 2016

50% tăng so với giá đóng cửa phiên giao dịch đầu tiên

80% tăng so với giá chào sàn 110.000 đồng/CP.





BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Giới thiệu về báo cáo phát triển bền vững	62
Các chỉ số nổi bật về phát triển bền vững	64
Mô hình và quản trị phát triển bền vững của Sabeco	65
Đánh giá tác động và hoạt động của Sabeco về phát triển bền vững	68

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

1. GIỚI THIỆU VỀ BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Giới thiệu

Báo cáo Phát triển Bền vững là tài liệu công bố các thông tin về các tác động và kết quả của một doanh nghiệp đến môi trường, cộng đồng, ngành nghề hoạt động và nội tại của tổ chức. Năm 2016, Sabeco đạt được nhiều thành tựu nổi bật xét trên khía cạnh hoạt động kinh doanh, thương hiệu, nhưng trên hết Sabeco vẫn ý thức tầm quan trọng của việc cân bằng các hoạt động, mục tiêu của Công ty nhằm đảm bảo khả năng tăng trưởng bền vững trong tương lai.

Mục tiêu

Với việc xây dựng Báo cáo này, Sabeco khẳng định mối liên hệ chặt chẽ giữa mục tiêu phát triển bền vững của Công ty với các bên liên quan, từ đó, đưa ra những chiến lược, biện pháp cải tiến nhằm nâng cao các giá trị cho doanh nghiệp và các bên liên quan thông qua các chỉ số được đo lường, đánh giá cụ thể qua các năm.

Cách thức xác định nội dung Báo cáo

Năm 2016 là năm đầu tiên Sabeco thực hiện Báo cáo phát triển bền vững theo Hướng dẫn lập Báo cáo Phát triển Bền vững của Tổ chức sáng kiến toàn cầu (Global Reporting Initiative - GRI), tham khảo thêm Hướng dẫn công bố thông tin về Môi trường và Xã hội của Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước và Tổ chức Tài chính Quốc tế (IFC) và các tiêu chuẩn báo cáo bền vững sử dụng trên thế giới, trong đó lựa chọn nguyên tắc Phù hợp - Cốt lõi qua việc tập trung vào các lĩnh vực then chốt gồm: Kinh tế (hiệu quả kinh doanh), Con người (nguồn nhân lực, cộng đồng & xã hội) và Môi trường.

Phạm vi Báo cáo

Báo cáo Phát triển Bền vững được xem là một phần độc lập trong Báo cáo thường niên của Công ty. Báo cáo này bao gồm các kết quả và thành tích Sabeco đạt được trong chiến lược phát triển bền vững trong giai đoạn từ 01/01/2016 đến 31/12/2016 và đồng

thời để cập định hướng và mục tiêu của Sabeco trong giai đoạn tới đối với vấn đề phát triển bền vững. Báo cáo được thực hiện cho Sabeco và các đơn vị thành viên hoạt động tại Việt Nam.

Tính đảm bảo của Báo cáo

Sabeco tham khảo và áp dụng các chuẩn mực trong nước và quốc tế về việc trình bày, công bố các thông tin, số liệu trong Báo cáo. Các dữ liệu, thông tin về tài chính nêu trong Báo cáo này còn có sự đảm bảo của bên thứ ba nhằm đảm bảo tính tin cậy, chính xác của dữ liệu, thông tin. Một số dữ liệu được đảm bảo bởi bên thứ ba:

- Thông tin tài chính trong Báo cáo tài chính Sabeco năm 2016 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam (EY Vietnam).
- Các chứng nhận, chứng chỉ quản lý trong lĩnh vực sản xuất về quản lý chất lượng, vệ sinh an toàn thực phẩm ... được đánh giá, xác nhận bởi các tổ chức chứng nhận quốc tế hàng đầu.



Thông tin liên hệ

Sabeco đang nỗ lực để đáp ứng kỳ vọng của các bên liên quan về nhu cầu thông tin và tính minh bạch của Công ty. Vì vậy, chúng tôi rất mong nhận được sự đóng góp ý kiến của Quý vị. Mọi thông tin, ý kiến đóng góp liên quan đến Báo cáo Phát triển Bền vững Sabeco xin vui lòng liên hệ:

Phòng Quan hệ cổ đông

- ☎ (08) 3829 4081 (Ext: 504)
- ✉ hoanglm@sabeco.com.vn
- 📍 Lầu 5, Tòa nhà Vincom Center B, 72 Lê Thánh Tôn, P. Bến Nghé, Q1, TP.HCM

THÔNG ĐIỆP & ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA SABECO

“ Năm 2016, Sabeco tích cực triển khai các hoạt động xây dựng, phát triển cộng đồng thông qua các chương trình hỗ trợ người nghèo, bệnh nhân, tài trợ kinh phí phát triển hạ tầng và tài trợ cho giáo dục, tạo điều kiện cho thế hệ trẻ phát triển ”



Kinh thừa Quý cổ đông và các Bên liên quan,

Trong suốt 40 năm xây dựng và phát triển, Sabeco đã trải qua nhiều thăng trầm cùng với quá trình đổi mới, phát triển của đất nước. Những bước tiến thần kỳ của nền kinh tế Việt Nam trong suốt hơn 3 thập kỷ đổi mới có được từ việc thay đổi cơ cấu nền kinh tế, mô hình tăng trưởng, gia tăng nội lực và sức cạnh tranh cho nền kinh tế và thu hút đầu tư nước ngoài trong xu thế hội nhập, giao thương với kinh tế thế giới qua việc gia nhập WTO năm 2007 cùng hàng loạt các hiệp định thương mại tự do song phương và đa phương đã tạo ra “thời cơ” nhưng cũng kèm theo không ít thách thức cho doanh nghiệp Việt nói chung và Sabeco nói riêng.

Hiện nay, ngoài vấn đề cạnh tranh khốc liệt trong nền kinh tế thị trường, các doanh nghiệp còn chịu nhiều tác động trong môi trường kinh doanh nhiều biến động về kinh tế, chính trị, xã hội, xu hướng công nghệ, môi trường ... là những vấn đề mang tính toàn cầu, ngoài tầm kiểm soát của doanh nghiệp. Bên cạnh đó, tình trạng thực phẩm bẩn, kém an toàn, ô nhiễm môi trường, thời tiết biến đổi thất thường (lũ lụt, hạn hán),... có xu hướng gia tăng về tần suất, cường độ lẫn mức độ tác động đã ảnh hưởng không nhỏ đến đời sống con người và hoạt động của doanh nghiệp. Vấn đề bảo vệ, cải thiện môi trường và an sinh con người là 2 trong số các nhóm mục tiêu hàng đầu của Liên hiệp quốc trong Thiên niên kỷ thứ 3 của con người.

Sabeco hiểu rằng, doanh nghiệp chỉ có thể phát triển cách bền vững trong một cộng đồng và môi trường lành mạnh và ổn

định. Vì vậy, ngay trong tuyên bố về Tầm nhìn - Sứ mệnh và Các giá trị cốt lõi của mình, Sabeco thể hiện rõ định hướng phát triển bền vững và cam kết luôn thực thi trong toàn bộ và xuyên suốt hoạt động sản xuất, kinh doanh của mình, góp phần vào sự phát triển bền vững của đất nước. Định hướng của Sabeco tập trung vào 3 mục tiêu mang tính tương hỗ trong chiến lược hoạt động gồm phát triển bền vững về kinh tế (tăng trưởng và hiệu quả kinh doanh), gắn với bảo vệ, cải thiện môi trường và phát triển cộng đồng (kiến tạo, thực hiện các tiến bộ, công bằng xã hội), qua đó đảm bảo hài hòa lợi ích giữa các bên liên quan, hướng đến một cuộc sống tốt đẹp hơn cho chúng ta và các thế hệ tương lai.

Năm 2016, Sabeco tích cực triển khai các hoạt động xây dựng, phát triển cộng đồng thông qua các chương trình hỗ trợ người nghèo, bệnh nhân, tài trợ kinh phí phát triển hạ tầng và tài trợ cho giáo dục, tạo điều kiện cho thế hệ trẻ phát triển,... Chúng tôi cũng nỗ lực trong việc đưa ra các giải pháp, sáng kiến tiết kiệm năng lượng và hướng đến mục tiêu xây dựng hệ thống sản xuất an toàn, hiệu quả và thân thiện với môi trường.

Sabeco sẽ tiếp tục thực thi định hướng phát triển bền vững và kêu gọi sự chung tay của các bên liên quan trong việc đóng góp, xây dựng một tương lai bền vững cho Việt Nam nói riêng và thế giới nói chung.

BÁO CÁO

PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG *(tiếp theo)*

2. CÁC CHỈ SỐ NỔI BẬT VỀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Thông tin chung

Ngày thành lập doanh nghiệp: 17/05/1977

Số lượng lao động: 4.736 (31/12/2016)

Danh mục sản phẩm: Bia, rượu và nước giải khát

Năng lực sản xuất: trên 1,8 tỷ lít bia/năm với 23 Nhà máy

Địa bàn kinh doanh

Hiện diện 63/63 tỉnh thành toàn quốc với 11 Công ty thương mại và 44 Chi nhánh, 800 Nhà phân phối Cấp 1 và trên 32.000 điểm bán

Xuất khẩu sản phẩm ra trên 28 quốc gia trên thế giới

Sản lượng xuất khẩu năm 2016 đạt 6 triệu lít, kim ngạch đạt 3,8 triệu USD, tăng trưởng 60% so với 2015. Dự kiến,

năm 2017 Sabeco sẽ tiếp tục đẩy mạnh xuất khẩu tại các thị trường Bắc Mỹ, Đông Nam Á và khu vực Tây Phi, Trung đông. Sản lượng xuất khẩu năm 2017 theo kế hoạch là 9,2 triệu lít bia các loại (tăng 53% so với năm 2016) và kim ngạch xuất khẩu đạt 4,9 triệu USD.

Thông tin tài chính

1,65 tỷ lít	31.754 tỷ đồng	5.707 tỷ đồng	38 %	7 %
Sản lượng tiêu thụ bia các loại, chiếm 40% thị phần (theo AC Nielsen)	Tổng doanh thu	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ suất ROE	Tỷ lệ nợ vay trên tổng nguồn vốn

Thông tin phi tài chính



Danh hiệu

Chứng nhận “Thương hiệu Việt Nam tin dùng 2014”

Chứng nhận “Doanh nghiệp mạnh và phát triển bền vững 2014” cấp bởi Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam - VCCI



Về trách nhiệm với xã hội, cộng đồng

Tổng nộp ngân sách hợp nhất năm 2016:

Tổng ngân sách chi cho công tác an sinh xã hội năm 2016:

Năm 2016, Sabeco thực hiện hỗ trợ an sinh xã hội tại các tỉnh thành trên cả nước.



Về sản xuất và môi trường

23/23 Nhà máy trong hệ thống Sabeco có chứng chỉ quản lý chất lượng, an toàn vệ sinh thực phẩm và môi trường (ISO 9001, ISO 14.000, ISO 22.000 và HACCP)

Chứng nhận “Sản phẩm thân thiện với môi trường” cấp bởi Hiệp hội Công nghiệp Môi trường Việt Nam

gần 8.800 tỷ đồng

36,6 tỷ đồng

121 chương trình

3. MÔ HÌNH VÀ QUẢN TRỊ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA SABECO



Tầm nhìn

Trở thành Tập đoàn đồ uống hàng đầu Việt Nam, có vị thế trong khu vực và quốc tế



Mục tiêu

Kiến tạo và gia tăng giá trị một cách bền vững cho cổ đông và các bên liên quan



Nhân tố đảm bảo

Thương hiệu mạnh, năng lực tài chính, nguồn nhân lực chất lượng và hiệu quả quản trị, được phát triển dựa trên ba nguyên tắc cơ bản là cải tiến không ngừng và hợp tác cùng phát triển & đảm bảo cân bằng lợi ích tất cả các bên liên quan.



Quản trị về phát triển bền vững của Sabeco

HDQT: Đưa ra định hướng chiến lược chung và thông qua các mục tiêu chính yếu, kế hoạch phát triển bền vững và chịu trách cao nhất về chiến lược phát triển bền vững của Công ty.

Ban Điều hành: Trên cơ sở định hướng của HDQT, nghiên cứu, xây dựng, đề xuất các mục tiêu và kế hoạch phát triển bền vững. Truyền thông các mục tiêu, kế hoạch chi tiết cho các đơn vị thành viên/Ban chức năng và tổ chức triển khai thực hiện, và kiến nghị điều chỉnh để đảm bảo đạt được các mục tiêu đề ra.

Các đơn vị thành viên/các Ban chức năng: Triển khai thực hiện kế hoạch phát triển bền vững theo định hướng của Ban Điều hành và HDQT

Kiểm soát rủi ro về phát triển bền vững: Sabeco tích hợp chiến lược hoạt động và các mục tiêu kinh doanh vào chiến lược phát triển bền vững. Định kỳ thực hiện xác định và phân tích các rủi ro trọng yếu trong ngắn và dài hạn bao gồm các rủi ro phát sinh từ những thay đổi về môi trường, xã hội để đánh giá tần suất và mức độ tác động để đưa ra các biện pháp quản lý phù hợp.



BÁO CÁO

PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG (tiếp theo)

TỔNG HỢP MỘT SỐ MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA SABECO

Mục tiêu	Nội dung	Giải pháp và kế hoạch
Kinh tế	- Tăng trưởng ổn định về doanh thu và lợi nhuận - Đảm bảo lợi ích cho cổ đông và các bên liên quan - Đóng góp tích cực cho kinh tế Việt Nam thông qua việc nộp ngân sách, thúc đẩy các ngành nghề phụ trợ như nông nghiệp, công nghiệp chế tạo máy móc, đóng gói, bao bì, năng lượng xanh ..) - Sản phẩm trách nhiệm	- Cấu trúc chuỗi giá trị và gia tăng năng lực cạnh tranh - Gia tăng đầu tư cho thương hiệu Bia Sài Gòn, phát triển các thị trường mới và cung cấp thêm các sản phẩm, dịch vụ chất lượng - Nâng cao hiệu quả hoạt động Marketing, bán hàng và phân phối - Duy trì tình hình tài chính lành mạnh và bền vững - Minh bạch về chất lượng, triệt để chống hàng gian hàng giả - Thực thi các chính sách về kiểm soát chất lượng chặt chẽ, đồng bộ theo các tiêu chuẩn trong nước và quốc tế - Thực hiện quảng cáo đúng pháp luật
Môi trường	- Tuân thủ quy định và Nâng cao ý thức bảo vệ về bảo vệ môi trường - Phát triển văn phòng làm việc và hệ thống sản xuất theo định hướng sản xuất an toàn, hiệu quả, và xanh - sạch - đẹp - thân thiện với môi trường	- Nguyên vật liệu: sử dụng NVL theo tiêu chuẩn ban hành để đảm bảo chất lượng sản phẩm - Sử dụng hợp lý, có ý thức các nguồn năng lượng và tài nguyên thiên nhiên - Tăng cường các giải pháp tiết kiệm năng lượng, nước và tái sử dụng nước, vật liệu, rác thải ... - Đầu tư thiết bị, công nghệ tiên tiến, giúp tiết kiệm năng lượng và giảm thiểu tối đa tác động đến môi trường - Xây dựng và duy trì hoạt động ISO 14001:2004

Mục tiêu	Nội dung	Giải pháp và kế hoạch
Nguồn nhân lực	- Đảm bảo và gia tăng quyền lợi người lao động - Đào tạo, phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực - Môi trường làm việc gắn kết, minh bạch và hiệu quả - Đảm bảo sự ghi nhận, cơ hội phát triển để giữ chân và thu hút người tài	- Thực hiện chế độ làm việc và trang bị lao động để đảm bảo các quy tắc an toàn, sức khỏe cho người lao động - Thực hiện việc trả lương theo vị trí, năng lực và hiệu quả công việc. Trong đó, đảm bảo đầy đủ các chế độ tiền lương và phúc lợi theo quy định, phần đầu ổn định và tăng thu nhập cho người lao động - Tăng ngân sách đầu tư cho hoạt động đào tạo, phát triển kỹ năng, chuyên môn cho người lao động. Chú trọng các chương trình phát triển toàn diện cho người lao động nhằm hỗ trợ sự đổi mới và gia tăng hiệu quả công việc - Xây dựng môi trường làm việc tốt để người lao động phát huy năng lực cá nhân, gắn bó và cống hiến lâu dài - Xây dựng chính sách phát hiện, bồi dưỡng, phát triển, sử dụng, đãi ngộ và thu hút người tài
Xã hội & cộng đồng	- Hỗ trợ an sinh xã hội cho địa phương, nhất là các địa bàn khó khăn - Tạo công ăn việc làm và góp phần phát triển kinh tế địa phương - Đầu tư và tài trợ cho giáo dục, các hoạt động khuyến học	- Tăng cường các hoạt động cộng đồng - Các hoạt động với thông điệp chung tay vì cộng đồng - Các chương trình tài trợ (xóa đói, giảm nghèo) và hỗ trợ phong trào địa phương - Các hoạt động hỗ trợ phong trào địa phương

BÁO CÁO

PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG *(tiếp theo)*

4. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA SABECO VỀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Đánh giá tác động từ hoạt động trên các lĩnh vực kinh tế, xã hội và môi trường giúp Sabeco xác định vai trò, nhiệm vụ và các kế hoạch hoạt động cần triển khai để đảm bảo sự phát triển bền vững của Công ty và cộng đồng chung.

4.1 TÁC ĐỘNG VỀ KINH TẾ

Qua sự tăng trưởng ổn định về doanh thu và lợi nhuận, Sabeco là một trong những Công ty đóng góp ngân sách lớn nhất cho Nhà nước, góp phần vào sự phát triển chung của đất nước.

Là đơn vị tiên phong, cánh chim đầu của ngành bia Việt Nam, Sabeco không ngừng đầu tư, phát triển về công nghệ, kỹ thuật đã đóng góp vào việc hiện đại hóa và nâng cao năng lực cạnh tranh của ngành đồ uống nói chung tại Việt Nam và vị thế trên khu vực và quốc tế.

gần 8.800 tỷ đồng

Năm 2016, tổng nộp ngân sách hợp nhất Sabeco.

9.262 tỷ đồng

Là số nộp ngân sách hợp nhất dự kiến năm 2017, tăng trưởng **5%** so với năm 2016.

4.2 TÁC ĐỘNG VỀ MÔI TRƯỜNG

Hoạt động trong lĩnh vực sản xuất và cung cấp các sản phẩm đồ uống, Sabeco luôn ý thức và cam kết chính sách về bảo vệ môi trường qua việc đáp ứng tốt các yêu cầu về hệ thống xử lý nước thải, khí thải & chất thải, tiêu thụ năng lượng trong quá trình vận hành, khuyến khích “xanh hóa” các Nhà máy sản xuất, gia tăng tìm kiếm và đầu tư các thiết bị, công nghệ giúp tiết kiệm năng lượng để giảm thiểu tối đa tác động đến môi trường. Bên cạnh đó, Sabeco ban hành, đánh giá và cập nhật các quy định, tiêu chuẩn an toàn và sức khỏe người lao động trong sản xuất và kiểm soát chặt chẽ chất lượng, vệ sinh và an toàn thực phẩm đối với tất cả các sản phẩm nhằm đảm bảo an toàn cho người tiêu dùng trên nguyên tắc đặt lợi ích người tiêu dùng, cộng đồng lên trên hết, làm khởi sự cho mọi hoạt động của Sabeco.



Tiết kiệm tiêu thụ năng lượng

Từ những năm 2010, Sabeco đã rất quan tâm đến vấn đề tiết kiệm năng lượng trong sản xuất. Điển hình như các Nhà máy được xây dựng từ năm 2010 đều phải đầu tư hệ thống tiết kiệm năng lượng nhà nấu. Hệ thống này có khả năng thu hồi lại hơi nóng từ nồi đun sôi, qua đó tiết kiệm một lượng đáng kể hơi đốt.

Từ năm 2012, các Nhà máy của Sabeco đã đầu tư hệ thống lạnh phân tầng. Hệ thống này làm tăng chỉ số COP (Coefficient of performance) làm tăng hiệu quả của hệ thống sản xuất lạnh.



Tiết kiệm tiêu thụ nước

Sabeco yêu cầu rất nghiêm ngặt đối với nước dùng để sản xuất bia. Hệ thống sản xuất nước nấu bia được đầu tư với các thiết bị nhập khẩu từ Hoa Kỳ, Đức. Công nghệ và công suất thiết bị đều được tính toán với kịch bản biến đổi khí hậu tại Việt Nam. Một số nhà máy nằm trong vùng bị ảnh hưởng của biến đổi khí hậu đã đầu tư hệ thống xử lý nước có khả năng lọc nước bị nhiễm mặn thành nước tinh khiết để sản xuất bia. Việc đầu tư này nhằm ổn định sản xuất của nhà máy và đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.

Tái chế để sử dụng lại nguyên vật liệu: Hiện nay, các Nhà máy đã thu gom toàn bộ vỏ chai, vỏ lon nhôm để cung cấp lại cho các nhà máy sản xuất bao bì. Đối với bã hèm phát sinh từ quá trình nấu dịch nha thì các Nhà máy cung cấp lại cho các đơn vị khác để làm thức ăn gia súc. Còn nấm men thải thì cung cấp cho công ty bên ngoài để sấy khô, một phần để xuất khẩu, một phần để làm thức ăn gia súc.



Sử dụng nhiên liệu tái tạo

Hiện nay, gần như tất cả các nhà máy đều chuyển qua sử dụng nhiên liệu tái tạo (Biomass) như trấu, mùn cưa, vỏ hạt điều, ... để đốt lò hơi tạo hơi nước bão hòa cho sản xuất. Công nghệ sản xuất hơi nước bão hòa từ Biomass vừa nhằm tiết kiệm chi phí và bảo vệ môi trường.

Sabeco ban hành hành quy định cấu hình máy móc thiết bị BSG-BKT/QĐ-88 trong đó:

- Đầu tư hệ thống thu hồi hơi thứ nồi đun sôi nhằm sử dụng năng lượng tái tạo
- Đầu tư hệ thống lạnh phân tầng tiết kiệm năng lượng điện
- Đầu tư hệ thống thu hồi khí Biogas từ nước thải giảm tiêu thụ nhiên liệu hóa thạch
- Đầu tư hệ thống thu hồi bia từ men thải
- Đầu tư hệ thống đo đếm giám sát năng lượng để kiểm soát tiêu thụ năng lượng điện, nước, hơi, khí, ...



Sabeco tích cực tuyên truyền nội bộ và khuyến khích bằng các chính sách khen thưởng các sáng kiến tiết kiệm điện, nước, năng lượng, tiết kiệm và tái sử dụng các nguyên, nhiên, vật liệu trong quá trình sản xuất tại các Nhà máy và hoạt động tại khối Văn phòng nhằm nâng cao nhận thức, tính tự giác của người lao động trong hệ thống và giảm thiểu tác động đối với môi trường

BÁO CÁO

PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG (tiếp theo)

Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Sabeco luôn quán triệt ý thức bảo vệ môi trường đến từng Nhà máy, cán bộ, công nhân viên. Các Nhà máy sản xuất Bia Sài Gòn bắt buộc phải có hệ thống xử lý nước thải, kho chứa chất thải rắn theo quy định. Việc vận hành, quản lý hệ thống xử lý nước thải tuân theo quy định của pháp luật như: đạt tiêu chuẩn tối thiểu loại B, có hệ thống quan trắc tự động, có diễn tập xử lý các tình huống khẩn cấp. Chất thải rắn được thu gom và hợp đồng với đơn vị có chức năng xử lý. 100% CBNV được đào tạo huấn luyện về ATLĐ và VSATTP.

Yêu cầu 100% nhà máy bia phải có **ISO 14.000**



Sabeco ban hành các yêu cầu kỹ thuật nguyên vật liệu dựa trên quy định của Pháp luật, Quy định, Quy chuẩn Việt Nam, các thông lệ Quốc tế và có sự tham khảo thông tin từ các Tổ chức chuyên về ngành Bia trên thế giới như EBC (European Brewery Convention), Mebak (Mittleeuropäische Brautechnische Analysenkommission), ASBC (American Society of Brewing Chemists).

Quản lý nguyên liệu, kỹ thuật - công nghệ và chất lượng sản phẩm

Sabeco đã ban hành yêu cầu kỹ thuật cho tất cả các nguyên vật liệu đầu vào. Trong đó, các nguyên vật liệu ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm và vệ sinh an toàn thực phẩm như malt đại mạch, hoa bia, nấm men, vỏ lon, nắp lon, vỏ chai, nắp chai ... đều do Sabeco trực tiếp mua từ nhà cung cấp, kiểm soát chất lượng đầu vào và phân phối lại cho các nhà máy. Các nguyên vật liệu phụ (không ảnh hưởng đến chất lượng bia và vệ sinh an toàn thực phẩm) thì các Nhà máy thành viên tự mua theo danh sách nhà cung cấp và nhãn hàng đã được Sabeco ban hành.

Sabeco đã đầu tư phòng thí nghiệm chuyên ngành với đầy đủ các thiết bị hiện đại để phân tích đầy đủ các chỉ tiêu theo yêu cầu kỹ thuật của nguyên vật liệu đầu vào. Tất cả các nguyên vật liệu đầu vào trước khi được đưa vào sử dụng phải có được chứng nhận Đạt của Ban Kiểm soát Chất lượng. Chứng nhận Đạt này được đánh giá dựa trên: đúng nhà cung cấp, đúng quốc gia sản xuất (theo danh mục phê duyệt) và các chỉ tiêu theo yêu cầu kỹ thuật, VSATTP và môi trường đáp ứng được quy định.

Ngoài ra, Sabeco thực hiện quản lý rủi ro liên quan trong chuỗi cung ứng của mình, trong đó tổ chức đánh giá định kỳ nhà cung cấp tại nơi sản xuất để đảm bảo sự tuân thủ quy trình theo như các cam kết giữa các bên.

Quản lý về kỹ thuật, công nghệ và chất lượng sản phẩm

Xác định công nghệ, kỹ thuật là yếu tố nền tảng trong chiến lược cạnh tranh và phát triển của mình, các Nhà máy của Sabeco được đầu tư máy móc thiết bị đồng bộ với công nghệ sản xuất hiện đại, nhập khẩu từ các hãng sản xuất thiết bị chuyên dùng cho ngành bia hàng đầu thế giới tại Châu Âu như Krones AG, KSH ... được tích hợp hệ thống quản lý sản xuất tự động hóa cao, giúp giảm tiêu hao năng lượng.

Sabeco ban hành và áp dụng quy trình sản xuất khép kín, tự động hóa cao, quản lý bởi đội ngũ kỹ thuật gồm các kỹ sư về công nghệ - thiết bị và các brewmasters (thợ ủ/nấu bia) giàu kinh nghiệm nhằm đảm bảo chất lượng sản phẩm.

Đến năm 2015 Sabeco đã cử nhiều lượt cán bộ kỹ thuật đi học chuyên ngành về bia - Brewmaster tại Hoa Kỳ và Đức, và mời nhiều tổ chức, chuyên gia uy tín để đào tạo chuyên sâu về kỹ thuật cho cán bộ quản lý và vận hành các Nhà máy nhằm nâng cao tay nghề.

Hệ thống quản lý chất lượng đang áp dụng

Sabeco áp dụng hệ thống các tiêu chuẩn và quy định thống nhất cho tất cả các Nhà máy trên toàn quốc và áp dụng cho toàn bộ quy trình sản xuất từ khâu nguyên liệu đến thành phẩm tiêu thụ để đáp ứng các tiêu chuẩn về sản phẩm đồ uống theo tiêu chuẩn Việt Nam và tiêu chuẩn của Sabeco.

Các Nhà máy Bia Sài Gòn đều được chứng nhận đạt chuẩn ISO 9001:2008 (Hệ thống Quản lý chất lượng), ISO 14001:2004 (Hệ thống Quản lý môi trường), ISO 22000:2005 (Hệ thống Quản lý an toàn thực phẩm), và HACCP (Hệ thống phân tích mối nguy và kiểm soát điểm tới hạn trong quá trình sản xuất).

Sabeco có định hướng nâng cao các tiêu chuẩn và hệ thống quản lý tiên tiến: Hai (02) Nhà máy đạt Chứng nhận Hệ thống quản lý theo Tiêu chuẩn ISO 17.025 và đang triển khai thực hiện Hệ thống quản lý theo Tiêu chuẩn ISO 17.025 cho 09 Nhà máy khác, đang chờ được cấp Chứng nhận. Hiện tại, Sabeco đang nỗ lực thực hiện các công việc liên quan để tất cả các Nhà máy sản xuất bia của Sabeco đạt được Chứng nhận Hệ thống quản lý năng lượng ISO 50.001 vào năm 2018.

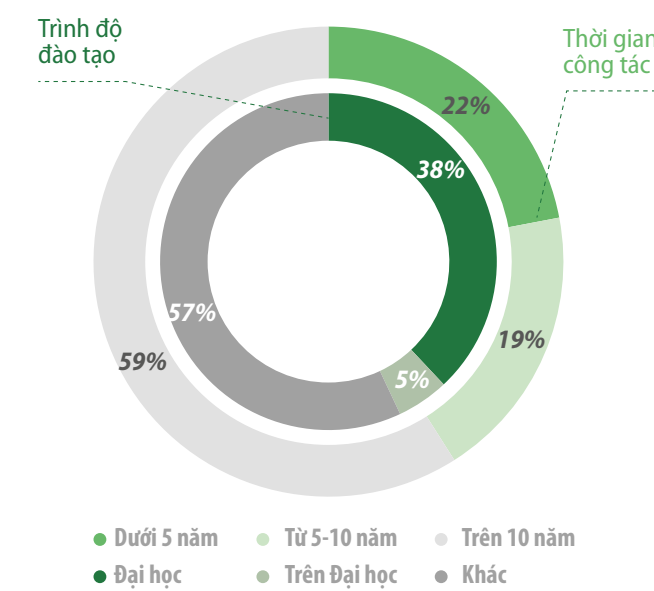
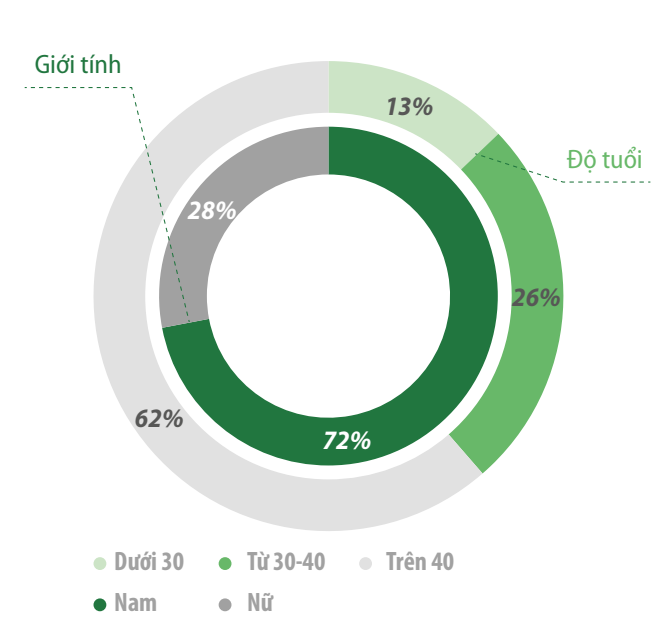
4.3 TÁC ĐỘNG ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG, XÃ HỘI

Tạo công ăn việc làm: Lao động của Sabeco hiện có 4.736 người, chưa lao động tại các công ty liên kết, liên doanh và các bên liên quan trong chuỗi cung ứng. Ngoài ra, Sabeco còn gián tiếp tạo ra hàng chục ngàn việc làm trong các lĩnh vực liên quan tại 63 tỉnh thành toàn quốc, tạo thu nhập ổn định và đảm bảo cuộc sống cho người lao động, qua đó góp phần mang lại sự ổn định cho xã hội.

Phát triển nguồn nhân lực

Xác định nguồn lực nhân sự là yếu tố cốt lõi và trọng tâm trong chiến lược phát triển bền vững của doanh nghiệp, Công ty luôn quan tâm, tập trung đào tạo, phát triển nhân viên, đặc biệt là đội ngũ nhân lực kế thừa. Vấn đề chăm lo tốt cho đời sống người lao động cũng được chú trọng thông qua các chính sách lương thưởng, phúc lợi, đãi ngộ, khơi dậy tài năng, tạo môi trường làm việc thuận lợi, từ đó nêu cao tinh thần cống hiến, tinh gắn kết và lòng trung thành của người lao động. Công tác rà soát nhân sự và tuyển dụng mới cũng được thực hiện thường xuyên trong chiến lược nhân sự chung để đảm bảo đáp ứng nhu cầu công việc.

Cơ cấu lao động Sabeco 2016 theo các tiêu chí



Sabeco luôn quan tâm đến việc tạo động lực và sự gắn kết của người lao động với Công ty nên tỷ lệ thôi việc rất thấp so với các doanh nghiệp cùng lĩnh vực ”

BÁO CÁO

PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG (tiếp theo)



Chính sách đào tạo nhân sự

Năm 2016, Sabeco xây dựng và thực hiện chính sách quy chế, quy trình quản lý đào tạo xuyên suốt từ các Ban chuyên môn và hai Nhà máy trực thuộc nhằm đảm bảo cơ chế, hệ thống quản lý thống nhất cho mục tiêu phát triển nguồn nhân lực một cách đồng bộ và bền vững.

Sabeco gia tăng triển khai các chương trình đào tạo mục tiêu (như đào tạo cho đội ngũ các bộ kỹ thuật tại nước ngoài và

thuê chuyên gia từ nước ngoài về Việt nam đào tạo), nâng cao quản lý năng lực quản lý tại nước ngoài cho các cán bộ chức danh và kỹ năng chuyên môn nghiệp vụ. Các khóa học này nhằm mục đích nâng cao sự hiểu biết, trao đổi, nắm bắt thông tin, chia sẻ kinh nghiệm, giao lưu, tăng cường tình đoàn kết giữa các cấp lãnh đạo và đội ngũ cán bộ, nhân viên trong toàn hệ thống Sabeco.

Chỉ tiêu	ĐVT	2016	2015	So sánh (%)
Ngân sách đào tạo thực hiện, trong đó:	Triệu đồng	15,017	4,766	215
Đào tạo theo luật định	Triệu đồng	547	445	23
Đào tạo các chương trình mục tiêu	Triệu đồng	3,493	-	-
Đào tạo Bồi dưỡng nghiệp vụ	Triệu đồng	10,976	4,321	154
Chi phí đào tạo / nhân viên	Triệu đồng	18	6	217
Tổng số lượt đào tạo	Lượt	1,465	1,012	45
Số lượt đào tạo trung bình / nhân viên	Lượt	1.79	1.23	46
Tổng số giờ đào tạo	Giờ	6,100	2,000	205
Số giờ đào tạo trung bình / nhân viên	Giờ	7.44	2.43	206

Ghi chú: Thông tin đào tạo và cơ cấu lao động sử dụng số liệu Công ty mẹ

Trách nhiệm xã hội và hoạt động của Sabeco

Thông điệp “Bia Sài Gòn chung tay với cộng đồng” đã là kim chỉ nam cho mọi hoạt động của Sabeco và lan tỏa trên toàn hệ thống. Mỗi năm, Bia Sài Gòn đã đóng góp hàng chục tỷ đồng vào các hoạt động an sinh xã hội

Đồng hành cùng các định hướng, vận động của Chính phủ: Điển hình là định hướng phối hợp với Trung ương Đoàn TNCS HCM để triển khai các hoạt động an sinh xã hội trên toàn quốc góp phần thiết thực và hiệu quả vào phong trào xây dựng nông thôn mới, đồng thời cùng tuyên truyền, vận động đồng hành cùng cuộc vận động “**Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam**” của Nhà nước, để tinh thần “**Tự hào hàng Việt**” được phát huy cách hiệu quả nhất.

Việc đồng hành cùng cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam” còn được thể hiện cụ thể bằng việc Sabeco ưu tiên sử dụng nguyên vật liệu, sản phẩm, hàng hóa, máy móc, thiết bị sản xuất trong ngành, trong nước.

Bia Sài Gòn chăm lo, phụng dưỡng Mẹ Việt Nam Anh Hùng

Bia Sài Gòn chung tay vì trẻ em vùng cao - Tỉnh Nghệ An

Bia Sài Gòn chung tay cùng đồng bào Tây Bắc

Chung tay xây dựng, phát triển nguồn nhân lực cho cộng đồng: Coi con người là nhân tố cốt lõi, ngoài việc chú trọng đầu tư cho hoạt động đào tạo, khuyến khích sáng tạo, giúp người lao động Sabeco phát triển năng lực và bản thân, Sabeco còn tích cực tài trợ cho giáo dục đặc biệt là tại các vùng sâu, vùng xa khó khăn ... qua đó góp phần kiến tạo nguồn nhân lực chất lượng cho xã hội.

Sự thân thiện với môi trường: Trách nhiệm với cộng đồng còn được Bia Sài Gòn thể hiện bằng sự thân thiện với môi trường trên toàn hệ thống các nhà máy. Các nhà máy của Bia Sài Gòn không chỉ hiện đại và quy mô trong nước, mà còn áp dụng hệ thống quốc tế “**Nhà máy xanh**” gồm 3 tiêu chí: tiết kiệm nhiên liệu, năng lượng, hiệu quả cao và đặc biệt là công nghệ lọc không chất thải. Đón đầu xu thế phát triển bền vững trên cơ sở phát triển hài hòa cùng môi trường, đưa Bia Sài Gòn là đơn vị tiên phong về mô hình này trên cả nước.

BÁO CÁO

PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG (tiếp theo)

Các hoạt động cộng đồng đã đề xuất, thực hiện

STT	Nội dung	Ngân sách	Ghi chú
1	Phối hợp với TW Đoàn triển khai các hoạt động an sinh xã hội hưởng ứng phong trào “Xây dựng nông thôn mới” trên 48 Tỉnh / Thành Đoàn	5.000.000.000	Theo tinh thần biên bản hợp tác chiến lược 2015 - 2020 giữa Trung ương Đoàn và Tổng công ty.
2	Đóng góp ủng hộ các chương trình xã hội hóa của TP.HCM	12.000.000.000	Trong chương trình Chào năm mới 2017 tại TP.HCM
3	Đóng góp ủng hộ các hoạt động an sinh xã hội tại TP. Hà Nội	200.000.000	Trong chương trình Chào năm mới 2017 tại TP.HN
4	Trao tặng Quỹ “Vì người nghèo” Ủy ban MTTQ VN Thành phố Đà Nẵng	200.000.000	Trong chương trình Chào năm mới 2017 tại Đà Nẵng
5	Trao tặng Quỹ chương trình “101 cách thoát nghèo” - Đài TH Tỉnh Quảng Ninh	200.000.000	Trong chương trình Bìa Sài Gòn chào năm mới 2017 tại Quảng Ninh
6	Trao tặng Quỹ “Phòng chống bão lụt” Ủy ban MTTQ VN Tỉnh Khánh Hòa	200.000.000	Trong chương trình Bìa Sài Gòn chào năm mới 2017 tại Nha Trang
7	Trao tặng Quỹ “Vì người nghèo” Ủy ban MTTQ VN Thành phố Cần Thơ	200.000.000	Trong chương trình Bìa Sài Gòn chào năm mới 2017 tại Cần Thơ

Sự gắn kết với các bên liên quan và truyền thông

Bên liên quan	Nội dung quan tâm	Hành động Sabeco	Giá trị tạo ra	Tương tác và truyền thông
Cổ đông/ Nhà đầu tư	• Hiệu quả sử dụng vốn • Giá cổ phiếu, cổ tức • Năng lực quản trị • Minh bạch thông tin	• Đề ra các chiến lược và biện pháp giúp tăng sản lượng, doanh thu và lợi nhuận • Niêm yết cổ phiếu • Minh bạch hóa thông tin • Hoàn thiện cơ cấu tổ chức và mô hình quản lý	- Giá cổ phiếu gia tăng mạnh, thuộc Top cổ phiếu có thị giá cao nhất trên thị trường - Duy trì mức cổ tức ổn định 30%/năm - Cung cấp thông tin định kỳ và kịp thời cho cổ đông/nhà đầu tư	- Đại hội đồng cổ đông thường niên - Báo cáo thường niên và BCTC - Gặp gỡ các cổ đông, nhà đầu tư - Bộ phận Quan hệ cổ đông - IR - Thông tin qua website và email
Người lao động	• Lương và chính sách phúc lợi • Cơ hội đào tạo, được ghi nhận và thăng tiến • Môi trường làm việc • Phát triển bản thân	• Đảm bảo lương và chính sách phúc lợi tốt cho NLD	- Chi phí dành cho đào tạo thực tế 2016 là 15 tỷ đồng, tăng hơn gấp 3 lần năm 2015, với 1.465 lượt đào tạo - Tăng phúc lợi nghỉ mát, trang phục, sinh nhật, mừng cưới ... cho người lao động	- Hợp hội nghị tổng kết hàng năm - Hội nghị Người lao động - Hội nghị công đoàn các cấp - Mạng nội bộ và trang Văn phòng điện tử Sabeco (E-Office) - Bảng thông báo nội bộ - Tập chí nội bộ (Sabeco News) - Các hoạt động thể thao, văn nghệ
Khách hàng	• Uy tín thương hiệu • Sản phẩm và dịch vụ chất lượng, an toàn	• Đa dạng hóa sản phẩm và kênh phân phối để phục vụ khách hàng tốt hơn • Ổn định chất lượng và giá cả sản phẩm phù hợp, chống đầu cơ, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng	- Thương hiệu Sabeco được Brand Finance định giá 379 triệu đô la - Nhiều năm liền được bình chọn “Hàng Việt Nam chất lượng cao” - Sản phẩm ngày càng được ưa chuộng, xuất khẩu ra 28 quốc gia	- Gặp gỡ trực tiếp - Hội thảo khách hàng - Triển lãm, Hội chợ - Mạng xã hội - Website Sabeco - Thư góp ý và phản hồi
Nhà cung cấp /Đối tác	• Quan hệ đối tác lâu dài • Chia sẻ lợi ích và bình đẳng	• Đánh giá và ưu tiên lựa chọn các nhà cung cấp theo các tiêu chí ban hành	- Quan hệ đối tác lâu dài, bền vững và đôi bên cùng có lợi	- Hợp mặt đơn vị đối tác/nhà cung cấp - Website Sabeco

BÁO CÁO

PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG (tiếp theo)

Bên liên quan	Nội dung quan tâm	Hành động Sabeco	Giá trị tạo ra	Tương tác và truyền thông
Cộng đồng	Hỗ trợ phát triển kinh tế, công ăn việc làm Hỗ trợ về hạ tầng, cơ sở vật chất Tài trợ cho giáo dục, phát triển thể hệ trẻ	Hỗ trợ đồng bào bị thiên tai, lũ lụt tại miền Trung ... Chương trình hỗ trợ công nhân về quê ăn Tết Tài trợ các chương trình xóa đói, giảm nghèo Định kỳ tổ chức các hoạt động từ thiện, thăm và phụng dưỡng mẹ Việt Nam Anh hùng, các chiến dịch Mùa hè xanh, Kỳ nghỉ hồng ... Tài trợ xây dựng trường học, hỗ trợ học sinh nghèo vượt khó	Chi 36,6 tỷ đồng cho hoạt động cộng đồng và xã hội Phối hợp với Trung ương Đoàn triển khai các hoạt động an sinh xã hội, hưởng ứng phong trào “Xây dựng nông thôn mới” trên 48 Tỉnh / Thành Đoàn Phát động phong trào Hiến máu nhân đạo hằng năm trong Sabeco Đóng góp cho Quỹ “vì người nghèo” và hỗ trợ đóng góp kinh phí xây dựng hạ tầng về cầu, đường, trung tâm y tế ... tại các huyện nghèo các tỉnh khu vực miền Trung và Tây Nam bộ	Tham gia các chương trình từ thiện, bảo vệ môi trường Tham gia các chương trình, chuỗi sự kiện phát động bởi Chính phủ, Thành đoàn, Hiệp hội
Cơ quan quản lý và Hiệp hội	Thực hiện các chính sách, quy định của Chính phủ trong hoạt động kinh doanh và quan hệ với NLĐ Tuân thủ các nghĩa vụ ngân sách Hỗ trợ phát triển kinh tế địa phương	Chấp hành chủ trương, chính sách và quy định pháp luật liên quan đến hoạt động Sabeco Đóng góp các giải pháp, ý kiến, kiến nghị cho cơ quan, hiệp hội liên quan đến chính sách thuế, chính sách quản lý	Đóng góp 8.800 tỷ đồng cho ngân sách Nhà nước Tài trợ ... Cung cấp các sản phẩm hưu trí tự nguyện với các lợi ích tạo sự an tâm cho người lao động	Tham gia các hội nghị, hội thảo do Chính phủ, Bộ Công Thương, và cơ quan quản lý tổ chức Tham gia các hoạt động của Hiệp hội Bia Rượu Nước giải khát - VBA
Cơ quan báo chí, truyền thông	Tiếp cận thông tin, trao đổi về hoạt động của Công ty	Kết nối chặt với cơ quan báo chí, truyền thông Tăng lượng thông tin và các bài viết đến các cơ quan báo chí, truyền thông Ban hành và thực hiện Quy chế phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí Tham gia trả lời phỏng vấn báo chí	Đảm bảo tin tức về hoạt động Sabeco được cập nhật và phản ánh kịp thời	Thông cáo báo chí Tham gia các Diễn đàn

SABECO CHUNG TAY

VÌ MỘT CỘNG ĐỒNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG





BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2016

Thông tin chung	80
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	82
Báo cáo kiểm toán độc lập	83
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	85
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	89
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	91
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	93

THÔNG TIN CHUNG

TỔNG CÔNG TY

Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải Khát Sài Gòn (“Công ty”) là một công ty được thành lập dưới hình thức Tổng Công ty Nhà nước theo Quyết định số 74/2003/QĐ-BCN do Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công Thương) ban hành ngày 06 tháng 05 năm 2003. Vào ngày 11 tháng 05 năm 2004, Bộ trưởng Bộ Công nghiệp ban hành Quyết định số 37/2004/QĐ-BCN tái cơ cấu lại Tổng Công ty theo mô hình công ty mẹ - công ty con. Hoạt động của Công ty được cấp phép theo Giấy phép kinh doanh số 4106000286 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 01 tháng 09 năm 2006.

Công ty được cổ phần hóa theo Quyết định số 1862/QĐ-TTg ngày 28 tháng 12 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ và được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh công ty cổ phần số 4103010027 ngày 17 tháng 04 năm 2008. Tại ngày này, Công ty dưới hình thức là công ty cổ phần mới thành lập đã nhận bàn giao toàn bộ tài sản và nợ phải trả từ Công ty Nhà nước.

Cổ phiếu của Tổng Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán “SAB” theo Quyết định niêm yết số 470/QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 25 tháng 11 năm 2016.

<i>Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh số</i>	<i>Ngày</i>
0300583659 – Lần thứ nhất	Ngày 29 tháng 02 năm 2012
0300583659 – Lần thứ hai	Ngày 07 tháng 06 năm 2012
0300583659 – Lần thứ ba	Ngày 28 tháng 11 năm 2012
0300583659 – Lần thứ tư	Ngày 29 tháng 01 năm 2016

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh bia, rượu, nước giải khát và các sản phẩm liên quan, bao gồm nguyên vật liệu và bao bì.

Trụ sở chính Số 6, Đường Hai Bà Trưng, Phường Bến Nghé, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Văn phòng đại diện Văn phòng đại diện tại Hà Nội
Tầng 6, số 97, Đường Trần Hưng Đạo, Phường Cửa Nam
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Võ Thanh Hà	Chủ tịch	
Ông Bùi Ngọc Hạnh	Thành viên	
Ông Lê Hồng Xanh	Thành viên	
Ông Nguyễn Bích Đạt	Thành viên	
Ông Nguyễn Thành Nam	Thành viên	bổ nhiệm ngày 16 tháng 02 năm 2017
Ông Vũ Quang Hải	Thành viên	miễn nhiệm ngày 16 tháng 02 năm 2017

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đồng Việt Trung	Trưởng Ban	
Ông Hoàng Giang Bình	Thành viên	
Ông Nguyễn Văn Minh	Thành viên	bổ nhiệm ngày 16 tháng 02 năm 2017
Ông Chung Trí Dũng	Thành viên	miễn nhiệm ngày 16 tháng 02 năm 2017

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Võ Thanh Hà	Tổng Giám đốc	được bổ nhiệm từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 11 tháng 08 năm 2016
Ông Lê Hồng Xanh	Phụ trách Ban Điều hành	được bổ nhiệm từ ngày 12 tháng 08 năm 2016
Ông Vũ Quang Hải	Phó Tổng Giám đốc	miễn nhiệm ngày 30 tháng 12 năm 2016
Ông Nguyễn Minh An	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Thành Nam	Phó Tổng Giám đốc	

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Võ Thanh Hà.

Ông Lê Hồng Xanh được Ông Võ Thanh Hà ủy quyền để ký báo cáo tài chính kèm theo theo Giấy Ủy quyền ký ngày 12 tháng 08 năm 2016.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải Khát Sài Gòn (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con (“Tổng Công ty”) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tổng Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Tổng Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Lê Hồng Xanh
Phụ trách Ban Điều hành
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 09 tháng 03 năm 2017

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP



Số tham chiếu: 61285332/18758078/HN

Kính gửi: Quý Cổ đông Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải Khát Sài Gòn

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải Khát Sài Gòn (“Công ty”) và các công ty con (sau đây gọi chung là “Tổng Công ty”) được trình bày từ trang 85 đến trang 145, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được một công ty kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính hợp nhất đó vào ngày 14 tháng 4 năm 2016.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Lê Vũ Trường
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 1588-2013-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 09 tháng 03 năm 2017

Nguyễn Thanh Sang
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 1541-2013-004-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

ngày 31 tháng 12 năm 2016

B01-DN/HN

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (đã được trình bày lại - Thuyết minh số 39)
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		10.714.345.997.642	12.198.336.712.046
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	3.444.825.444.503	7.935.974.303.078
111	1. Tiền		1.067.588.147.827	746.447.038.518
112	2. Các khoản tương đương tiền		2.377.237.296.676	7.189.527.264.560
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		3.174.321.174.216	942.766.940.162
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5	3.174.321.174.216	942.766.940.162
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		1.090.133.038.030	1.079.602.304.561
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6.1	551.218.730.609	621.220.265.255
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6.2	166.784.656.218	71.471.592.573
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	401.803.944.623	420.538.479.038
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	8	(49.846.178.702)	(53.816.669.649)
139	5. Tài sản thiếu chờ xử lý	11	20.171.885.282	20.188.637.344
140	IV. Hàng tồn kho	9	2.126.217.402.717	1.922.405.062.875
141	1. Hàng tồn kho		2.171.045.269.254	1.960.525.998.246
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(44.827.866.537)	(38.120.935.371)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		878.848.938.176	317.588.101.370
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	12	67.695.049.694	128.076.322.684
152	2. Thuế Giá trị gia tăng được khấu trừ		133.496.752.127	70.979.568.404
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	10	677.657.136.355	118.475.310.282
155	4. Tài sản ngắn hạn khác		-	56.900.000

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

ngày 31 tháng 12 năm 2016

B01-DN/HN

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (đã được trình bày lại - Thuyết minh số 39)
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		8.478.519.181.688	9.811.971.702.117
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		38.348.696.296	34.494.839.492
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng		5.317.157.150	525.000.000
215	2. Phải thu về cho vay dài hạn		4.000.000.000	4.000.000.000
216	3. Phải thu dài hạn khác	7	46.503.666.490	41.969.839.492
219	4. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	8	(17.472.127.344)	(12.000.000.000)
220	II. Tài sản cố định		5.462.593.961.444	5.854.864.117.634
221	1. Tài sản cố định hữu hình	13	4.478.036.884.064	4.843.868.582.223
222	Nguyên giá		9.163.284.050.415	9.001.467.079.128
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(4.685.247.166.351)	(4.157.598.496.905)
227	2. Tài sản cố định vô hình	14	984.557.077.380	1.010.995.535.411
228	Nguyên giá		1.098.567.100.615	1.113.838.027.652
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(114.010.023.235)	(102.842.492.241)
230	III. Bất động sản đầu tư	16	66.481.409.593	45.648.186.191
231	1. Nguyên giá		94.694.434.487	70.885.673.807
232	2. Giá trị hao mòn lũy kế		(28.213.024.894)	(25.237.487.616)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		76.788.901.460	80.875.751.437
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	15	76.788.901.460	80.875.751.437
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	17	1.938.640.880.750	2.220.151.475.157
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		1.602.030.153.562	1.895.601.442.249
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		763.251.332.167	759.464.745.367
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(447.509.484.884)	(462.783.592.364)
255	4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		20.868.879.905	27.868.879.905
260	VI. Tài sản dài hạn khác		895.665.332.145	1.575.937.332.206
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	756.355.605.445	626.304.930.215
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	34.3	121.282.629.367	921.325.127.652
263	3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn		18.027.097.333	28.228.654.428
268	4. Tài sản dài hạn khác		-	78.619.911
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		19.192.865.179.330	22.010.308.414.163

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

ngày 31 tháng 12 năm 2016

B01-DN/HN

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (đã được trình bày lại - Thuyết minh số 39)
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		6.759.685.108.734	9.920.583.668.202
310	I. Nợ ngắn hạn		6.473.888.596.700	9.173.056.802.574
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	18	1.876.185.779.562	1.559.694.153.515
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	19	490.295.652.849	381.635.895.798
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	20	803.768.788.712	4.261.381.333.594
314	4. Phải trả người lao động		265.148.741.919	217.025.547.432
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	22	375.961.711.691	357.981.763.636
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		800.000.000	1.720.977.778
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	23	1.288.893.414.226	1.042.860.443.900
320	8. Vay ngắn hạn	25	1.042.309.667.870	1.051.664.640.371
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	24	330.524.839.871	299.092.046.550
330	II. Nợ dài hạn		285.796.512.034	747.526.865.628
332	1. Người mua trả tiền trước dài hạn		22.183.449	-
336	2. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn		-	800.000.000
337	3. Phải trả dài hạn khác	23	52.776.316.000	65.182.716.000
338	4. Vay dài hạn	25	164.412.285.558	610.451.263.039
341	5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	34.3	13.747.487.771	15.183.406.087
342	6. Dự phòng phải trả dài hạn		567.585.833	629.038.959
343	7. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		54.270.653.423	55.280.441.543

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

ngày 31 tháng 12 năm 2016

B01-DN/HN

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (đã được trình bày lại - Thuyết minh số 39)
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		12.433.180.070.596	12.089.724.745.961
410	I. Vốn chủ sở hữu		12.433.142.670.596	12.089.687.345.961
411	1. Vốn cổ phần	26	6.412.811.860.000	6.412.811.860.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		6.412.811.860.000	6.412.811.860.000
414	2. Vốn khác của chủ sở hữu	26	3.208.666.226	3.208.666.226
415	3. Cổ phiếu quỹ	26	(23.450.000.000)	(25.550.000.000)
417	4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	26	17.006.600.079	14.239.683.180
418	5. Quỹ đầu tư phát triển	26	1.118.398.295.310	1.100.003.125.251
420	6. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	26	6.040.737.039	6.108.534.627
421	7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	26	3.852.925.251.055	3.583.247.906.219
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		2.229.887.250.407	266.507.414.640
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		1.623.038.000.648	3.316.740.491.579
429	8. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	27	1.046.201.260.887	995.617.570.458
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		37.400.000	37.400.000
431	1. Nguồn kinh phí		37.400.000	37.400.000
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		19.192.865.179.330	22.010.308.414.163


Hoàng Thanh Vân
Người lập


Nguyễn Tiến Dũng
Kế toán trưởng


Lê Hồng Xanh
Phụ trách Ban Điều hành
Ngày 09 tháng 03 năm 2017



BÁO CÁO KẾT QUẢ
HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

ngày 31 tháng 12 năm 2016

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (đã được trình bày lại - Thuyết minh số 39)
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	28.1	30.603.273.412.475	27.165.691.554.587
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	28.1	(34.595.644.700)	(21.389.967.243)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	28.1	30.568.677.767.775	27.144.301.587.344
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	29	(22.301.142.642.021)	(19.645.986.070.214)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		8.267.535.125.754	7.498.315.517.130
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	28.2	751.041.069.989	418.646.983.429
22	7. Chi phí tài chính	30	(68.664.200.785)	(121.795.134.306)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(82.182.081.908)	(76.591.492.301)
24	8. Phần lãi trong công ty liên doanh, liên kết	17.2	305.649.678.623	372.253.576.001
25	9. Chi phí bán hàng	31	(2.781.731.453.998)	(2.682.965.745.154)
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	31	(781.828.733.942)	(1.154.417.338.528)
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		5.692.001.485.641	4.330.037.858.572
31	12. Thu nhập khác	32	128.295.160.294	132.650.025.073
32	13. Chi phí khác	32	(112.898.420.059)	(96.617.766.822)
40	14. Lợi nhuận khác	32	15.396.740.235	36.032.258.251
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		5.707.398.225.876	4.366.070.116.823
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	34.1	(254.202.906.344)	(1.069.232.104.128)
52	17. (Chi phí) thu nhập thuế TNDN hoãn lại	34.3	(798.606.579.969)	209.702.819.639
60	18. Lợi nhuận sau thuế TNDN		4.654.588.739.563	3.506.540.832.334

BÁO CÁO KẾT QUẢ
HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (tiếp theo)

ngày 31 tháng 12 năm 2016

B02-DN/HN

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (đã được trình bày lại – Thuyết minh số 39)
61	19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		4.477.971.866.799	3.316.740.491.579
62	20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		176.616.872.764	189.800.340.755
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	35	6.442	4.693
71	22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	35	6.442	4.693

Hoàng Thanh Vân
Người lập

Nguyễn Tiến Dũng
Kế toán trưởng

Lê Hồng Xanh
Phụ trách Ban Điều hành

Ngày 09 tháng 03 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

B03-DN/HN

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (đã được trình bày lại – Thuyết minh số 39)
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	Lợi nhuận trước thuế		5.707.398.225.876	4.366.070.116.823
Điều chỉnh cho các khoản:				
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình và bất động sản đầu tư và hao mòn tài sản cố định vô hình	13,14, 16	633.843.505.732	635.241.633.774
03	Các khoản (hoàn nhập) trích lập dự phòng		(7.126.993.043)	22.840.437.585
04	Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		1.407.026	384.024.309
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(1.070.371.334.844)	(819.627.916.702)
06	Chi phí lãi vay	30	82.182.081.908	76.591.492.301
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		5.345.926.892.655	4.281.499.788.090
09	Tăng các khoản phải thu		(106.157.403.769)	(105.417.374.006)
10	Tăng hàng tồn kho		(210.519.271.008)	(84.932.768.024)
11	Giảm các khoản phải trả		(2.728.864.307.435)	(670.960.706.553)
12	(Tăng) giảm chi phí trả trước		(54.335.072.441)	273.630.377.756
14	Tiền lãi vay đã trả		(87.165.769.568)	(80.326.998.764)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(984.037.331.258)	(1.211.869.431.681)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(347.987.375.203)	(243.887.887.842)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		826.860.361.973	2.157.734.998.976
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(280.897.550.560)	(308.673.187.526)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán tài sản cố định		40.502.081.658	4.037.308.250
23	Chi gửi tiền ngân hàng kỳ hạn		(3.034.021.174.216)	(473.591.606.830)
24	Tất toán tài khoản tiền gửi kỳ hạn và nhận gốc trái phiếu		809.466.940.162	569.067.236.337
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(27.824.678.187)	(118.026.720.800)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		581.149.667.139	64.794.970.000
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		800.680.330.240	645.050.304.869
30	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động đầu tư		(1.110.944.383.764)	382.658.304.300

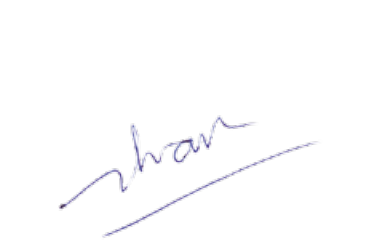
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

B03-DN/HN

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (đã được trình bày lại - Thuyết minh số 39)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		5.820.025.630	7.000.000.000
33	Tiền thu từ đi vay		3.880.680.269.651	2.905.342.309.369
34	Tiền trả nợ gốc vay		(4.336.074.219.633)	(2.592.838.754.496)
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả	26.3	(3.757.483.070.376)	(1.678.981.344.470)
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(4.207.056.994.728)	(1.359.477.789.597)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(4.491.141.016.519)	1.180.915.513.679
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		7.935.974.303.078	6.755.058.789.399
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(7.842.056)	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	3.444.825.444.503	7.935.974.303.078


Hoàng Thanh Vân
Người lập


Nguyễn Tiến Dũng
Kế toán trưởng


Lê Hồng Xanh
Phụ trách Ban Điều hành

Ngày 09 tháng 03 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

B09-DN/HN

1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải Khát Sài Gòn (“Công ty”) là một công ty được thành lập dưới hình thức Tổng Công ty Nhà nước theo Quyết định số 74/2003/QĐ-BCN do Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công Thương) ban hành ngày 06 tháng 05 năm 2003. Vào ngày 11 tháng 05 năm 2004, Bộ trưởng Bộ Công nghiệp ban hành Quyết định số 37/2004/QĐ-BCN tái cơ cấu lại Công ty theo mô hình công ty mẹ - công ty con. Hoạt động của Công ty được cấp phép theo Giấy phép kinh doanh số 4106000286 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 01 tháng 09 năm 2006.

Công ty được cổ phần hóa theo Quyết định số 1862/QĐ-TTg ngày 28 tháng 12 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ và được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh công ty cổ phần số 4103010027 vào ngày 17 tháng 04 năm 2008. Tại ngày này, Công ty dưới hình thức là công ty cổ phần mới thành lập đã nhận bàn giao toàn bộ tài sản và nợ phải trả từ Tổng Công ty Nhà nước.

Cổ phiếu của Tổng Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán “SAB” theo Quyết định niêm yết số 470/QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 25 tháng 11 năm 2016.

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh số:	Ngày
0300583659 – Lần thứ nhất	Ngày 29 tháng 02 năm 2012
0300583659 – Lần thứ hai	Ngày 07 tháng 06 năm 2012
0300583659 – Lần thứ ba	Ngày 28 tháng 11 năm 2012
0300583659 – Lần thứ tư	Ngày 29 tháng 01 năm 2016

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 Tổng Công ty bao gồm Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải Khát Sài Gòn, 23 công ty con, 14 công ty liên kết và 5 công ty liên doanh như được trình bày ở Thuyết minh số 17.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất và kinh doanh bia, rượu, nước giải khát và các sản phẩm liên quan, bao gồm nguyên vật liệu và bao bì.

Công ty có trụ sở chính tại Số 6 Đường Hai Bà Trưng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, Tổng Công ty có 7.685 nhân viên (ngày 31 tháng 12 năm 2015: 7.940 nhân viên).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (“Tổng Công ty”) được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VND”) phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

B09-DN/HN

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Tổng Công ty là Nhật ký chung.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Tổng Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”).

2.5 Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Tổng Công ty thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Công ty thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Các báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tổng Công ty, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tổng Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba (3) tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Tổng Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu	- chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.
Thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	- giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

B09-DN/HN

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.2 Hàng tồn kho (tiếp theo)

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Tổng Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên các báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi căn trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Tổng Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào tài khoản chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá, ngoại trừ các tài sản đã được đánh giá lại trong quá trình cổ phần hóa của Tổng Công ty Nhà nước theo Quyết định số 1862/QĐ-TTg của Thủ tướng chính phủ, trừ đi khấu hao lũy kế. Giá trị đánh giá lại được phản ánh vào khoản vốn góp nhận được.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.5 Tài sản cố định vô hình

Trong quá trình cổ phần hóa của Tổng Công ty Nhà nước, tài sản cố định vô hình đã được đánh giá lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2006 và sau đó tại ngày 30 tháng 04 năm 2008.

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá hoặc giá trị đánh giá lại trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

B09-DN/HN

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Tài sản cố định vô hình (tiếp theo)

Các quyền sử dụng đất

Các quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản cố định vô hình, bao gồm giá trị của các quyền sử dụng đất đã được Tổng Công ty mua hoặc thuê. Thời gian hữu dụng của các quyền sử dụng đất được đánh giá theo thời hạn sử dụng của các quyền sử dụng đất. Theo đó, quyền sử dụng đất có thời hạn là quyền sử dụng đất đã thuê và được khấu trừ theo thời hạn thuê, còn quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không được khấu trừ.

Tiền thuê đất trả trước cho các hợp đồng thuê đất có hiệu lực trước năm 2003 và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 04 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định (“Thông tư 45”).

3.6 Khấu hao và khấu trừ

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25 năm
Máy móc thiết bị	03 – 15 năm
Phương tiện vận tải	03 – 10 năm
Thiết bị văn phòng	03 – 8 năm
Phần mềm máy tính	03 – 10 năm
Quyền sử dụng đất	13 năm – lâu dài

3.7 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang xây dựng và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng nhà máy, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào hoạt động.

3.8 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Tổng Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao và hao mòn bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Quyền sử dụng đất	49 năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 30 năm

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm thanh lý.

Chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

B09-DN/HN

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.9 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó vào thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Trong trường hợp Tổng Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

Trong trường hợp Tổng Công ty là bên cho thuê

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là bất động sản đầu tư trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Chi phí trực tiếp ban đầu để thương thảo thỏa thuận cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Thu nhập từ tiền cho thuê được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời gian cho thuê.

3.10 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Tổng Công ty.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm.

3.11 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước trên bảng cân đối kế toán hợp nhất được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất :

- ▶ Vô chai, kết, bao bì sử dụng nhiều lần;
- ▶ Công cụ dụng cụ xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn;
- ▶ Chi phí thuê trả trước;
- ▶ Khác.

Kể từ ngày 10 tháng 06 năm 2013, theo quy định của Thông tư 45, khoản tiền thuê đất trả trước cho các hợp đồng thuê đất có hiệu lực sau năm 2003 không còn đủ tiêu chuẩn để được ghi nhận là tài sản cố định vô hình. Theo đó, các khoản tiền thuê đất trả trước theo hợp đồng thuê đất có hiệu lực sau năm 2003 chưa phân bổ hết được phân loại từ khoản mục tài sản cố định vô hình sang khoản mục chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê.

3.12 Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Sau khi ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng giá gốc trừ đi hao mòn lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là mười (10) năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

B09-DN/HN

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào các công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là các công ty mà trong đó Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng Công ty. Thông thường, Tổng Công ty được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tổng Công ty trong tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Tổng Công ty không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Tổng Công ty trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận (lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi mua của quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được từ công ty liên kết được căn trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Các báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với các báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tổng Công ty trong trường hợp cần thiết.

Đầu tư vào liên doanh

Khoản đầu tư của Tổng Công ty vào cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư của Tổng Công ty vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tổng Công ty trong tài sản thuần của cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát sau khi liên doanh. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Tổng Công ty trong kết quả hoạt động kinh doanh của cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát sau khi liên doanh.

Phần sở hữu của Tổng Công ty trong lợi nhuận (lỗ) của cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát được phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của Tổng Công ty trong thay đổi sau khi liên doanh của các quỹ của cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát được ghi nhận vào quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi liên doanh được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát. Cổ tức nhận được từ cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát được căn trừ vào giá trị khoản đầu tư vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát.

Báo cáo tài chính của cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Tổng Công ty. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tổng Công ty trong trường hợp cần thiết.

Đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác

Đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo giá mua thực tế ngoại trừ một số khoản đầu tư dài hạn được đánh giá lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2006 và tại ngày 30 tháng 04 năm 2008 cho mục đích cổ phần hóa theo Biên bản quyết toán cổ phần hóa ngày 06 tháng 03 năm 2010.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh sẽ được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

B09-DN/HN

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Dự phòng các khoản đầu tư

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư có thể chuyển nhượng được trên thị trường vào ngày kết thúc năm tài chính tương ứng với chênh lệch giữa giá gốc của cổ phiếu với giá trị thị trường tại ngày đó và các khoản đầu tư khác theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009, Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 6 năm 2013 và dựa trên nguyên tắc thận trọng của kế toán theo CMKTVN số 1 “Chuẩn mực chung”. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.14 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Tổng Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.15 Trợ cấp thôi việc phải trả

Theo hướng dẫn tại Công văn số 7228/BTC-TCĐN do Bộ tài chính ban hành ngày 7 tháng 6 năm 2010, trợ cấp thôi việc chi trả cho người lao động được ghi nhận vào chi phí trong năm khi thực tế phát sinh.

3.16 Các khoản dự phòng

Tổng Công ty ghi nhận dự phòng khi có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) là kết quả của một sự kiện đã xảy ra trong quá khứ. Việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và Tổng Công ty có thể đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì giá trị của một khoản dự phòng cần được chiết khấu về giá trị hiện tại sử dụng tỷ lệ chiết khấu là tỷ lệ trước thuế và phản ánh rõ những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khi giá trị của khoản dự phòng được chiết khấu, phần tăng lên theo thời gian của khoản dự phòng được ghi nhận là chi phí tài chính.

3.17 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau.

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty dự kiến giao dịch;
- Giao dịch góp vốn hoặc nhận vốn góp được hạch toán theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tổng Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư; và
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất theo nguyên tắc sau.

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT *(tiếp theo)*

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

B09-DN/HN

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU *(tiếp theo)*

3.18 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Tổng Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Tổng Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.19 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty mẹ (sau khi trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty mẹ (sau khi điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.20 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm các khoản lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Tổng Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Tổng Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên.

► *Quỹ đầu tư và phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Tổng Công ty.

► *Quỹ khen thưởng, phúc lợi*

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho cán bộ, công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất .

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT *(tiếp theo)*

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

B09-DN/HN

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU *(tiếp theo)*

3.21 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Tổng Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Tổng Công ty được xác lập.

3.22 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tổng Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Tổng Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính hợp nhất .

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

B09-DN/HN

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.22 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tổng Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- Tổng Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.23 Thông tin theo bộ phận

Hoạt động chính của Tổng Công ty là sản xuất và kinh doanh bia, rượu, nước giải khát và các sản phẩm liên quan, bao gồm nguyên vật liệu và bao bì. Đồng thời, hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Tổng Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm mà Tổng Công ty sản xuất ra hoặc do Tổng Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định là Tổng Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý. Theo đó, thông tin theo bộ phận sẽ không trình bày.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

B09-DN/HN

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	3.669.098.125	3.686.287.582
Tiền gửi ngân hàng	1.063.919.049.702	742.760.750.936
Các khoản tương đương tiền	2.377.237.296.676	7.189.527.264.560
TỔNG CỘNG	3.444.825.444.503	7.935.974.303.078

Các khoản tương đương tiền thể hiện khoản tiền gửi tại ngân hàng với kỳ hạn gốc dưới ba tháng và hưởng lãi suất dao động từ 3,5% đến 5,5% một năm.

5. ĐẦU TƯ NẮM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	3.174.321.174.216	3.174.321.174.216	692.766.940.162	692.766.940.162
Trái phiếu (**)	-	-	250.000.000.000	250.000.000.000
TỔNG CỘNG	3.174.321.174.216	3.174.321.174.216	942.766.940.162	942.766.940.162

(*) Tiền gửi có kỳ hạn thể hiện khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn trên 3 tháng, dưới 1 năm và có lãi suất từ 4,5 – 7,2%/năm.

(**) Trái phiếu Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam kỳ hạn 10 năm, tính từ ngày 10 tháng 10 năm 2006.

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

6.1 Phải thu ngắn hạn khách hàng

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm (đã được trình bày lại – Thuyết minh số 39)
Các bên liên quan (Thuyết minh số 36)	405.682.889.005	467.982.545.475
Các bên thứ ba	145.535.841.604	153.237.719.780
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hương Sen	26.069.471.834	54.166.338.772
Công ty khác	119.466.369.770	99.071.381.008
TỔNG CỘNG	551.218.730.609	621.220.265.255
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (Thuyết minh số 8)	(5.581.799.928)	(16.827.742.509)
GIÁ TRỊ THUẦN	545.636.930.681	604.392.522.746

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

B09-DN/HN

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN (tiếp theo)

6.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Các bên thứ ba	166.530.276.618	71.471.592.573
Công ty TNHH Cơ nhiệt Điện lạnh Bách Khoa	19.977.835.534	-
Công ty Cổ Phần Nước giải khát Khánh An	27.101.783.537	-
Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Bảo Huy	-	8.956.447.950
Công ty khác	119.450.657.547	62.515.144.623
Các bên liên quan (Thuyết minh số 36)	254.379.600	-
TỔNG CỘNG	166.784.656.218	71.471.592.573

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm (đã được trình bày lại – Thuyết minh số 39)
Ngắn hạn	401.803.944.623	420.538.479.038
Phải thu từ góp vốn bằng quyền sử dụng đất	277.230.733.543	277.230.733.543
Thu nhập lãi tiền gửi	48.097.432.891	24.207.046.400
Ký quỹ, ký cược	11.388.182.334	24.356.460.999
Phải thu cổ tức	597.182.327	21.247.967.138
Tạm ứng	8.030.727.986	9.370.911.356
Lãi từ trái phiếu và cho vay	9.914.063.927	21.251.380.746
Khác	46.545.621.615	42.873.978.856
Dài hạn	46.503.666.490	41.969.839.492
Ký quỹ, ký cược	38.474.901.490	34.013.522.491
Khác	8.028.765.000	7.956.317.001
TỔNG CỘNG	448.307.611.113	462.508.318.530
Trong đó:		
Bên liên quan (Thuyết minh số 36)	291.350.110.300	291.909.616.297
Bên khác	156.957.500.813	170.598.702.233

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

B09-DN/HN

8. CÁC KHOẢN DỰ PHÒNG NỢ PHẢI THU KHÓ ĐÒI

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm (đã được trình bày lại – Thuyết minh số 39)
Ngắn hạn	49.846.178.702	53.816.669.649
Dự phòng tài sản thiếu chờ xử lý	20.173.343.379	14.500.395.911
Dự phòng phải thu ngắn hạn	5.581.799.928	16.827.742.509
Dự phòng trả trước cho người bán	141.522.563	141.522.563
Dự phòng tạm ứng cho nhân viên	122.374.582	122.374.582
Dự phòng phải thu ngắn hạn khác	23.827.138.250	22.224.634.084
Dài hạn	17.472.127.344	12.000.000.000
Dự phòng phải thu khách hàng dài hạn	5.472.127.344	-
Dự phòng phải thu về cho vay dài hạn	4.000.000.000	4.000.000.000
Dự phòng phải thu dài hạn khác	8.000.000.000	8.000.000.000
TỔNG CỘNG	67.318.306.046	65.816.669.649

Chi tiết tình hình biến động dự phòng phải thu khó đòi:

VND

	Năm nay	Năm trước (đã được trình bày lại – Thuyết minh số 39)
Số đầu năm	65.816.669.649	47.822.309.805
Dự phòng tăng trong năm	3.521.558.334	19.684.570.888
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(2.019.921.937)	(1.690.211.044)
Số cuối năm	67.318.306.046	65.816.669.649

9. HÀNG TỒN KHO

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm (đã được trình bày lại – Thuyết minh số 39)
Hàng đang đi trên đường	145.580.119.137	324.492.757.769
Nguyên liệu, vật liệu	389.219.518.589	386.599.730.345
Công cụ, dụng cụ	105.780.575.256	52.704.100.832
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	193.437.246.471	212.091.731.577
Thành phẩm	1.320.913.738.470	957.396.888.892
Hàng hóa	16.059.997.992	27.186.715.492
Hàng gửi đi bán	54.073.339	54.073.339
TỔNG CỘNG	2.171.045.269.254	1.960.525.998.246
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(44.827.866.537)	(38.120.935.371)
GIÁ TRỊ THUẦN	2.126.217.402.717	1.922.405.062.875

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

B09-DN/HN

10. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN KHÁC PHẢI THU NHÀ NƯỚC

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm (đã được trình bày lại – Thuyết minh số 39)
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	664.808.325.180	115.466.432.700
Khác	12.848.811.175	3.008.877.582
TỔNG CỘNG	677.657.136.355	118.475.310.282

11. TÀI SẢN THIẾU CHỜ XỬ LÝ

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm (đã được trình bày lại – Thuyết minh số 39)
Hàng tồn kho	4.356.534.586	3.487.464.510
Phải thu thuế thu nhập cá nhân	6.830.212.392	-
Tài sản cố định	-	1.285.345.132
Tài sản khác	8.985.138.304	15.415.827.702
TỔNG CỘNG	20.171.885.282	20.188.637.344

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

B09-DN/HN

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	67.695.049.694	128.076.322.684
Chi phí quảng cáo	33.368.166.651	75.317.583.274
Công cụ, dụng cụ	12.586.932.949	7.050.022.440
Tiền thuê đất	7.023.851.235	10.663.812.475
Khác	14.716.098.859	35.044.904.495
Dài hạn	756.355.605.445	626.304.930.215
Bao bì sử dụng nhiều lần (i)	445.979.831.990	369.023.501.018
Tiền thuê đất	96.101.895.929	69.612.617.502
Tiền thuê nhà kho	92.980.611.907	20.992.011.611
Tài sản chờ mang đi góp vốn (ii)	51.602.316.000	51.602.316.000
Chi phí sửa chữa, phụ tùng thay thế	34.114.699.663	33.353.255.701
Công cụ, dụng cụ	14.681.959.031	9.545.792.243
Lợi thế kinh doanh	11.855.508.000	18.630.084.000
Khác	9.038.782.925	53.545.352.140
TỔNG CỘNG	824.050.655.139	754.381.252.899

- (i) Bao bì sử dụng nhiều lần bao gồm chai, kết. Nguyên giá của bao bì sử dụng nhiều lần được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng.
- (ii) Tài sản này phản ánh giá trị quyền sử dụng đất nhận được (Thuyết minh số 23).

Chi tiết tăng (giảm) chi phí trả trước dài hạn:

VND

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	626.304.930.215	968.809.437.861
Tăng trong năm	621.345.478.959	383.586.987.549
Phân loại từ công cụ dụng cụ	39.371.508.636	-
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản	-	27.552.261.708
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình	-	123.574.959
Phân bổ trong năm	(487.339.025.148)	(749.547.257.653)
Thanh lý	(42.243.688.739)	-
Phân loại sang chi phí trả trước ngắn hạn	(763.501.125)	(4.220.074.209)
Giảm khác	(320.097.353)	-
Số cuối năm	756.355.605.445	626.304.930.215



13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Khác	Tổng cộng
Nguyên giá:						
Số đầu năm	1.687.051.406.988	6.971.290.304.128	205.648.107.997	130.359.778.452	7.117.481.563	9.001.467.079.128
Mua mới	7.660.945.128	80.120.668.382	11.502.772.521	14.626.996.477	772.650.000	114.684.032.508
Xây dựng cơ bản dở dang hoàn thành	65.479.907.447	89.569.956.535	1.140.821.091	591.941.957	1.170.020.944	157.952.647.974
Tăng khác	204.583.840	234.407.892	-	-	-	438.991.732
Thanh lý, nhượng bán	(14.229.194.372)	(91.847.717.702)	(2.619.451.751)	(1.714.965.478)	-	(110.411.329.303)
Phân loại lại	-	(239.485.940)	(26.363.591)	-	-	(265.849.531)
Giảm khác	(304.137.468)	(269.384.625)	(8.000.000)	-	-	(581.522.093)
Số cuối năm	1.745.863.511.563	7.048.858.748.670	215.637.886.267	143.863.751.408	9.060.152.507	9.163.284.050.415
Trong đó:						
Đã khấu hao hết	41.673.283.641	203.396.356.312	36.852.395.210	18.360.735.664	-	300.282.770.827
Giá trị khấu hao:						
Số đầu năm	560.425.995.767	3.400.156.463.192	124.038.619.286	70.451.968.599	2.525.450.061	4.157.598.496.905
Khấu hao trong năm	105.601.323.640	475.523.571.271	21.223.110.019	13.005.331.510	3.599.961.324	618.953.297.764
Thanh lý, nhượng bán	(8.712.402.175)	(78.500.618.725)	(2.619.451.752)	(1.458.974.266)	-	(91.291.446.918)
Phân loại khấu hao	-	-	(6.590.700)	(6.590.700)	-	(13.181.400)
Số cuối năm	657.314.917.232	3.797.179.415.738	142.635.686.853	81.991.735.143	6.125.411.385	4.685.247.166.351
Giá trị còn lại:						
Số đầu năm	1.126.625.411.221	3.571.133.840.936	81.609.488.711	59.907.809.853	4.592.031.502	4.843.868.582.223
Số cuối năm	1.088.548.594.331	3.251.679.332.932	73.002.199.414	61.872.016.265	2.934.741.122	4.478.036.884.064
Trong đó:						
Tài sản sử dụng để thế chấp (Thuyết minh số 25)	127.095.085.134	515.376.885.334	3.198.893.581	113.324.091	2.916.261.084	648.700.449.224

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

14. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tài sản cố định vô hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá:				
Số đầu năm	1.057.728.680.050	55.785.047.602	324.300.000	1.113.838.027.652
Mua sắm mới	-	3.697.476.058	16.200.000	3.713.676.058
Phân loại lại từ bất động sản đầu tư	-	2.840.454.101	-	2.840.454.101
Thanh lý, nhượng bán	-	(747.139.696)	-	(747.139.696)
Phân loại lại sang bất động sản đầu tư	(21.077.917.500)	-	-	(21.077.917.500)
Số cuối năm	1.036.650.762.550	61.575.838.065	340.500.000	1.098.567.100.615
Trong đó:				
Đã hao mòn hết	-	412.981.710	-	412.981.710
Giá trị khấu trừ lũy kế:				
Số đầu năm	57.736.706.818	44.872.710.502	233.074.921	102.842.492.241
Hao mòn trong năm	7.260.255.043	4.620.057.234	34.358.413	11.914.670.690
Thanh lý, nhượng bán	-	(747.139.696)	-	(747.139.696)
Số cuối năm	64.996.961.861	48.745.628.040	267.433.334	114.010.023.235
Giá trị còn lại:				
Số đầu năm	999.991.973.232	10.912.337.100	91.225.079	1.010.995.535.411
Số cuối năm	971.653.800.689	12.830.210.025	73.066.666	984.557.077.380

14. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH (tiếp theo)

Quyền sử dụng đất chủ yếu bao gồm giá trị quyền sử dụng đất theo giá tạm tính tăng thêm vào giá trị doanh nghiệp khi cổ phần hóa theo Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp tại ngày 31 tháng 12 năm 2006 và Biên bản công tác quyết toán cổ phần hóa của Công ty do Ban Quyết toán cổ phần hóa gồm các đại diện từ Bộ Công Thương và Bộ Tài Chính thực hiện tại thời điểm ngày 30 tháng 04 năm 2008 và được lập vào ngày 06 tháng 03 năm 2010. Với số tiền đối ứng là phải trả ngắn hạn khác với số tiền là 735.379.872.700 VND (Thuyết minh số 23).

Chi tiết giá trị các quyền sử dụng đất này được trình bày như sau:

Số thứ tự	Địa chỉ	Diện tích (m ²)	Mục đích sử dụng	Tình trạng pháp lý	Giá trị định giá khi xác định giá trị doanh nghiệp (VND)
1	46 Bến Vân Đồn, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	3.872,5	Đất sản xuất kinh doanh	Giấy chứng nhận tạm thời. Không được tự ý chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê lại, góp vốn, thế chấp quyền sử dụng đất.	55.241.212.500
2	187 Nguyễn Chí Thanh, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	17.406,1	Đất sản xuất kinh doanh	Giấy chứng nhận tạm thời. Không được tự ý chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê lại, góp vốn, thế chấp quyền sử dụng đất.	418.634.111.100
3	474 Nguyễn Chí Thanh, Phường 6, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	7.729,0	Đất sản xuất kinh doanh	Giấy chứng nhận tạm thời. Không được tự ý chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê lại, góp vốn, thế chấp quyền sử dụng đất.	247.637.160.000
4	18/3B Phan Huy Ích, Phường 15, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	2.216,3	Đất sản xuất kinh doanh	Giấy chứng nhận tạm thời. Không được tự ý chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê lại, góp vốn, thế chấp quyền sử dụng đất.	13.867.389.100
TỔNG CỘNG					735.379.872.700

Tổng Công ty không trích khấu hao giá trị của các quyền sử dụng đất này do thời gian sử dụng và phân bổ chi phí tương ứng chưa được xác định chắc chắn tại ngày 31 tháng 12 năm 2016. Tuy nhiên, Công ty đã trích nộp chi phí sử dụng các quyền sử dụng đất nêu trên trong năm với số tiền là 20.718.137.655 VND (cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 82.647.952.645 VND) theo thông báo nộp thuế sử dụng đất của các cục thuế địa phương.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

B09-DN/HN

15. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

VND		
	Số cuối năm	Số đầu năm
Xây dựng cơ bản	18.227.648.777	10.747.945.973
Đầu tư mua sắm	24.847.827.912	7.653.148.241
Sửa chữa lớn tài sản cố định	33.713.424.771	62.474.657.223
TỔNG CỘNG	76.788.901.460	80.875.751.437

16. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

VND		
	Số cuối năm	Số đầu năm
Bất động sản đầu tư cho thuê (Thuyết minh 16.1)	58.529.260.616	37.696.037.214
Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá (Thuyết minh 16.2)	7.952.148.977	7.952.148.977
TỔNG CỘNG	66.481.409.593	45.648.186.191

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức tại ngày 31 tháng 12 năm 2016. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư lớn hơn giá trị còn lại trên sổ tại ngày kết thúc năm tài chính.

16.1 Bất động sản đầu tư cho thuê

VND			
	Quyền sử dụng đất	Nhà cửa vật tư kiến trúc	Tổng cộng
Nguyên giá:			
Số đầu năm	27.812.438.744	31.970.174.168	59.782.612.912
Kết chuyển từ tài sản cố định vô hình	21.077.917.500	-	21.077.917.500
Xây dựng cơ bản hoàn thành	2.730.843.180	-	2.730.843.180
Số cuối năm	51.621.199.424	31.970.174.168	83.591.373.592
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Số đầu năm	5.490.416.641	16.596.159.057	22.086.575.698
Hao mòn trong năm	604.618.236	2.370.919.042	2.975.537.278
Số cuối năm	6.095.034.877	18.967.078.099	25.062.112.976
Giá trị còn lại:			
Số đầu năm	22.322.022.103	15.374.015.111	37.696.037.214
Số cuối năm	45.526.164.547	13.003.096.069	58.529.260.616

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

B09-DN/HN

16. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ (tiếp theo)

16.2 Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá

VND

	Quyền sử dụng đất
Nguyên giá	
Số đầu năm và số cuối năm	11.103.060.895
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số đầu năm và số cuối năm	3.150.911.918
Giá trị còn lại	
Số đầu năm và số cuối năm	7.952.148.977

17. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Đầu tư vào các công ty liên kết, liên doanh (Thuyết minh số 17.2)	1.602.030.153.562	1.895.601.442.249
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (Thuyết minh số 17.3)	20.868.879.905	27.868.879.905
Đầu tư dài hạn khác (Thuyết minh số 17.4)	763.251.332.167	759.464.745.367
TỔNG CỘNG	2.386.150.365.634	2.682.935.067.521
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(447.509.484.884)	(462.783.592.364)
GIÁ TRỊ THUẦN	1.938.640.880.750	2.220.151.475.157

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

B09-DN/HN

17. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

17.1 Đầu tư trực tiếp và gián tiếp vào các công ty con

Tên công ty	Hoạt động chính	Số cuối năm		Số đầu năm		Địa điểm
		Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Tỷ lệ biểu quyết (%)	
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn Miền Tây	Sản xuất và kinh doanh bia	51,00	51,00	51,00	51,00	Cần Thơ
Công ty Cổ phần Nước giải khát Chương Dương	Sản xuất và kinh doanh nước giải khát, đồ hộp và phụ liệu, đầu tư bất động sản	62,06	62,06	62,06	62,06	Hồ Chí Minh
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Quảng Ngãi	Sản xuất và kinh doanh bia	66,56	66,56	66,56	66,56	Quảng Ngãi
Công ty Cổ phần Rượu Bình Tây	Sản xuất và kinh doanh bia, rượu, nước giải khát	93,32	93,47	93,32	93,47	Bình Dương
Công ty Cổ phần Bia Rượu Sài Gòn – Đồng Xuân	Sản xuất bia và nước giải khát có ga, cung cấp dịch vụ vận chuyển	55,90	56,24	55,90	56,24	Hà Nội
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Nghệ Tĩnh	Sản xuất và kinh doanh nước giải khát, đồ hộp và phụ liệu	54,73	54,73	54,73	54,73	Nghệ An
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Sông Lam	Sản xuất và kinh doanh bia và nước giải khát, xuất nhập khẩu các nguyên vật liệu liên quan	68,78	68,78	68,78	68,78	Nghệ An
Công ty cổ phần Bia Sài Gòn – Hà Nội	Sản xuất và kinh doanh bia và nước giải khát, xuất nhập khẩu các nguyên vật liệu liên quan	52,11	52,11	52,11	52,11	Hà Nội



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

B09-DN/HN

17. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)
- 17.1 Đầu tư trực tiếp và gián tiếp vào các công ty con (tiếp theo)

Tên công ty	Hoạt động chính	Số cuối năm		Số đầu năm		Địa điểm
		Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Tỷ lệ biểu quyết (%)	
Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Bía Sài Gòn	Kinh doanh bia, rượu và nước giải khát	100,00	100,00	100,00	100,00	Hồ Chí Minh
Công ty TNHH Một thành viên Cơ khí SABECO	Chế tạo máy móc dùng cho sản xuất thực phẩm, lắp đặt và bảo trì hệ thống máy móc thiết bị	100,00	100,00	100,00	100,00	Hồ Chí Minh
Công ty Cổ phần Thương mại Bía Sài Gòn - Miền Bắc	Mua bán rượu, bia, nước giải khát; kinh doanh nhà hàng ăn uống, khách sạn, vận chuyển hàng hóa và cho thuê kho bãi	94,72	94,72	94,72	94,72	Hà Nội
Công ty Cổ phần Thương mại Bía Sài Gòn - Bắc Trung Bộ	Mua bán rượu, bia, nước giải khát; kinh doanh dịch vụ nhà hàng, khách sạn, kho bãi và vận tải hàng hóa	94,92	94,92	94,92	94,92	Nghệ An
Công ty Cổ phần Thương mại Bía Sài Gòn - Trung Tâm	Bán buôn đồ uống có cồn; bán buôn đồ uống không có cồn; bán buôn hóa chất khác: cồn; mua bán bao bì; kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô; nhà hàng, khách sạn; tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	94,00	94,00	93,85	93,85	Hồ Chí Minh
Công ty Cổ phần Thương mại Bía Sài Gòn - Miền Trung	Mua bán rượu, bia, nước giải khát; kinh doanh khách sạn, nhà hàng, kho bãi; kinh doanh vận tải hàng hóa	91,24	91,24	91,04	91,04	Đà Nẵng
Công ty Cổ phần Thương mại Bía Sài Gòn - Tây Nguyên	Mua bán rượu, bia, nước giải khát; kinh doanh dịch vụ khách sạn, nhà hàng, kho bãi và vận chuyển	90,00	90,00	90,00	90,00	Đắk Lắk

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

B09-DN/HN

17. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)
- 17.1 Đầu tư trực tiếp và gián tiếp vào các công ty con (tiếp theo)

Tên công ty	Hoạt động chính	Số cuối năm		Số đầu năm		Địa điểm
		Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Tỷ lệ biểu quyết (%)	
Công ty Cổ phần Thương mại Bía Sài Gòn - Nam Trung Bộ	Mua bán rượu, bia, nước giải khát; kinh doanh dịch vụ khách sạn, nhà hàng ăn uống; vận chuyển hàng hóa và cho thuê kho bãi	90,14	90,14	90,14	90,14	Khánh Hòa
Công ty Cổ phần Thương mại SABECO Miền Đông	Mua bán rượu, bia, nước giải khát; vận chuyển hàng hóa đường bộ và cho thuê kho bãi	90,68	90,68	90,61	90,61	Bình Dương
Công ty Cổ phần Thương mại SABECO Sông Tiền	Mua bán rượu, bia, nước giải khát; kinh doanh dịch vụ nhà hàng, khách sạn; cho thuê kho bãi; vận tải hàng hóa đường bộ	90,00	90,00	90,00	90,00	Vĩnh Long
Công ty Cổ phần Thương mại SABECO Sông Hậu	Mua bán rượu, bia, nước giải khát; vận chuyển hàng hóa đường bộ và đường thủy	90,00	90,00	90,00	90,00	Cần Thơ
Công ty TNHH Một thành viên Bía Sài Gòn - Sóc Trăng	Sản xuất và kinh doanh bia, mạch nha ủ men bia, nước khoáng, nước tinh khiết đóng chai, đồ uống không cồn, các loại rượu mạnh	51,00	100,00	51,00	100,00	Sóc Trăng
Công ty Cổ phần Thương mại SABECO Đông Bắc	Mua bán rượu, bia, nước giải khát; kinh doanh dịch vụ kho bãi và vận tải hàng hóa	90,45	90,45	90,23	90,23	Quảng Ninh
Công ty TNHH Một thành viên Bía Sài Gòn - Hà Tĩnh	Sản xuất và kinh doanh bia, mạch nha ủ men bia, nước khoáng, nước tinh khiết đóng chai, đồ uống không cồn, các loại rượu mạnh	100,00	100,00	100,00	100,00	Hà Tĩnh
Công ty Cổ phần Bao Bì Bía Sài Gòn	Sản xuất và mua bán nắp khoén thiếc và bao bì kim loại	76,81	76,81	76,81	76,81	Bình Dương



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

B09-DN/HN

17. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

17.2 Đầu tư vào các công ty liên kết, liên doanh

Giá trị khoản đầu tư vào công ty liên kết và liên doanh này tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 như sau:

VND

	Năm nay	Năm trước
Giá trị đầu tư		
Số đầu năm	1.148.983.527.630	1.059.770.933.966
Tăng trong năm	3.000.000.000	173.149.305.302
Giảm trong năm	(336.840.550.000)	(29.085.727.925)
Số cuối năm	815.142.977.630	1.203.834.511.343
Phần lũy kế lợi nhuận sau khi đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		
Số đầu năm	746.617.914.619	576.250.442.828
Lợi nhuận từ các công ty liên kết, liên doanh	305.649.678.623	372.253.576.001
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	2.766.918.286	6.642.733.546
Thanh lý	(17.580.422.437)	(14.701.597.713)
Thu nhập cổ tức	(250.566.913.159)	(248.678.223.756)
Số cuối năm	786.887.175.932	691.766.930.906
Giá trị đầu tư còn lại		
Số đầu năm	1.895.601.442.249	1.636.021.376.794
Số cuối năm	1.602.030.153.562	1.895.601.442.249

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

B09-DN/HN

17. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

17.2 Đầu tư vào các công ty liên kết, liên doanh (tiếp theo)

Tên công ty	Hoạt động chính	Số cuối năm		Số đầu năm		Địa điểm
		% sở hữu	Giá trị (VND)	% sở hữu	Giá trị (VND)	
Công ty TNHH Crown Sài Gòn	Sản xuất lon nhôm	30	297.743.316.779	30	263.999.973.567	Hồ Chí Minh
Công ty Cổ phần Bía Sài Gòn - Bình Tây	Sản xuất, gia công và kinh doanh thực phẩm, nước giải khát, bia và nước uống có cồn, sản xuất vật liệu xây dựng, xây dựng dân dụng và công nghiệp	22	297.268.121.703	22	298.281.440.378	Hồ Chí Minh
Công ty Cổ phần Bía Sài Gòn - Miền Trung	Sản xuất và kinh doanh bia, rượu, cồn, nước giải khát và phụ tùng thay thế	32	140.520.888.952	32	130.740.638.200	Đắk Lắk
Công ty TNHH Thủy tinh Malaya Việt Nam	Sản xuất các sản phẩm thủy tinh	30	135.587.617.270	30	85.429.336.328	Hồ Chí Minh
Công ty Cổ phần Bía Sài Gòn - Phú Lý	Sản xuất bia, nước khoáng; dịch vụ khách sạn và vận chuyển	30	123.605.999.939	30	118.387.784.158	Hà Nam
Công ty TNHH Trung Tâm Mê Linh	Cho thuê và quản lý cao ốc văn phòng	35	114.547.277.713	35	112.094.157.119	Hồ Chí Minh
Công ty Cổ phần Bía - Nước giải khát Sài Gòn - Tây Đô	Sản xuất và kinh doanh rượu, bia, nước giải khát, sữa đậu nành, nước ép trái cây	31	92.727.830.044	31	88.164.541.947	Cần Thơ
Công ty Cổ phần Bía Sài Gòn - Phú Thọ	Sản xuất bia, rượu và nước giải khát	31	74.457.738.231	27	76.280.315.657	Phú Thọ
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Tân Thành	Xây dựng và kinh doanh bất động sản	29	69.918.088.079	29	69.918.088.079	Hồ Chí Minh
Công ty TNHH Bao bì San Miguel Phú Thọ	Sản xuất và bán các sản phẩm bao bì đóng gói bằng kim loại	35	51.436.277.377	35	43.612.994.183	Hồ Chí Minh
Công ty Cổ phần Bía Sài Gòn - Vĩnh Long	Sản xuất bia, rượu và nước giải khát	20	42.519.174.538	20	45.877.839.367	Vĩnh Long
Công ty Cổ phần Bía Sài Gòn - Ninh Thuận	Sản xuất bia, rượu và nước giải khát	20	41.354.195.103	20	36.456.263.601	Ninh Thuận
Công ty Cổ phần Bía Sài Gòn - Bạc Liêu	Sản xuất bia, rượu và nước giải khát	10	39.205.674.673	10	40.198.013.024	Bạc Liêu

17. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)
- 17.2 Đầu tư vào các công ty liên kết, liên doanh (tiếp theo)

Tên công ty	Hoạt động chính	Số cuối năm		Số đầu năm		Địa điểm
		% sở hữu	Giá trị (VND)	% sở hữu	Giá trị (VND)	
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Khánh Hòa	Sản xuất và kinh doanh bia, rượu, cồn, nước giải khát	26	26.219.499.384	26	26.000.000.000	Khánh Hòa
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn Kiên Giang (i)	Sản xuất và kinh doanh bia, rượu, cồn, nước giải khát và phụ tùng thay thế	20	25.650.998.140	20	29.727.871.151	Kiên Giang
Công ty TNHH Rượu và Cồn Việt Nam	Sản xuất và kinh doanh rượu và các sản phẩm nước uống có cồn	45	12.834.663.750	45	18.561.232.370	Hồ Chí Minh
Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp Công Nghiệp	Sản xuất, lắp đặt các sản phẩm máy móc, cầu đường và xây dựng công nghiệp	26	10.832.720.482	26	10.832.720.481	Hồ Chí Minh
Công ty cổ phần lương thực – Thực phẩm SABECO	Sản xuất lương thực – thực phẩm	39	5.270.417.859	20	3.286.278.696	Hồ Chí Minh
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Chuyển giao Công nghệ Thành Nam	Tư vấn xây dựng, thiết kế	29	329.653.546	29	454.267.265	Hồ Chí Minh
Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam (ii)	Xây dựng và vận hành nhà máy thủy điện	-	-	20	250.148.381.377	Hồ Chí Minh
Công ty Cổ phần Đầu tư Sabeco Pearl (iii)	Kinh doanh bất động sản	-	-	26	147.149.305.301	Hồ Chí Minh
TỔNG CỘNG			1.602.030.153.562		1.895.601.442.249	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

B09-DN/HN

17. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

17.2 Đầu tư vào các công ty liên kết, liên doanh (tiếp theo)

- (i) Vào ngày 21 tháng 06 năm 2016, Tổng Công ty tiếp tục góp vốn vào Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Kiên Giang 3.000.000.000 VND theo Nghị Quyết 22A/2016/NQ-HĐQT thông qua việc góp vốn tăng vốn điều lệ ngày 23 tháng 05 năm 2016.
- (ii) Vào ngày 21 tháng 09 năm 2016, Tổng Công ty đã thanh lý toàn bộ cổ phần sở hữu trong Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam theo phương thức giao dịch khớp lệnh qua Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với giá thực hiện giao dịch từ 19.000 VND/cổ phiếu đến 19.750 VND/cổ phiếu. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, Tổng Công ty đã thu được toàn bộ số tiền bán cổ phiếu này.
- (iii) Trong năm, Tổng Công ty đã thanh lý toàn bộ cổ phần sở hữu trong Công ty Cổ phần Đầu tư Sabeco Pearl cho Công ty Cổ phần Attland theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 01/HĐ-SABECO/2016 ngày 29 tháng 09 năm 2016 với giá bán 13.347 VND/cổ phiếu. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, Tổng Công ty đã thu được toàn bộ số tiền bán cổ phiếu này.

17.3 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Giá trị của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 như sau:

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trái phiếu Tập đoàn kinh tế Vinashin	20.868.879.905	20.868.879.905
Tiền gửi ngân hàng	-	7.000.000.000
TỔNG CỘNG	20.868.879.905	27.868.879.905
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	(20.868.879.905)	(20.868.879.905)
GIÁ TRỊ THUẦN	-	7.000.000.000



17. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

17.4 Đầu tư dài hạn khác

Chi tiết các khoản đầu tư dài hạn khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	% sở hữu	Giá trị khoản đầu tư (VND)	Dự phòng (VND)	% sở hữu
				Giá trị khoản đầu tư (VND)
				Dự phòng (VND)
Ngân hàng TMCP Phương Đông	2,75	216.579.320.000	(154.139.135.264)	216.579.320.000
Ngân hàng TMCP Đông Á	0,95	136.265.460.000	(126.798.368.000)	136.265.460.000
Công ty PVI Sài Gòn	0,21	51.475.140.000	(39.385.841.400)	51.475.140.000
Quỹ Đầu tư chứng khoán Sài Gòn A2	10,00	51.107.720.722	(33.731.120.722)	51.107.720.722
Công ty Cổ phần Bao bì SABECO Sông Lam	15,33	50.000.000.000	-	50.000.000.000
Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Việt	7,20	45.000.000.000	(15.958.630.635)	45.000.000.000
Quỹ Đầu tư Việt Nam	7,97	42.337.214.481	(24.851.604.453)	62.977.214.481
Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam	0,46	36.603.803.243	-	36.603.803.243
Công ty Cổ phần Du lịch Dầu khí Phương Đông	9,80	30.700.950.000	(23.938.950.000)	30.700.950.000
Công ty Cổ phần Vận tải và Giao nhận Bìà Sài Gòn	16,71	26.588.267.394	-	26.588.267.394
Công ty TNHH Đầu tư Sabeco HP	8,00	24.426.586.800	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Không gian ngầm	5,29	23.085.000.000	(1.721.774.409)	23.085.000.000
Công ty Cổ phần Du lịch - Thương mại DIC	8,35	14.992.108.200	-	14.992.108.200
Công ty Cổ phần Du lịch Sài Gòn - Đồng Hà	3,64	5.600.000.000	(361.013.016)	5.600.000.000
Công ty Cổ phần Bìà Sài Gòn - Đồng Nai	10,08	3.954.000.000	(3.327.377.203)	3.954.000.000
Công ty Cổ phần Du lịch và Thương mại Nha Trang	1,89	1.161.147.000	-	1.161.147.000
Công ty Cổ phần Cồn - Rượu Bình Tây - Việt Nam	6,00	300.000.000	-	300.000.000
Khác	-	3.074.614.327	(2.344.275.907)	3.074.614.327
TỔNG CỘNG		763.251.332.167	(426.558.091.009)	759.464.745.367
				(441.914.712.459)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

B09-DN/HN

18. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Các bên thứ ba	869.167.248.894	1.001.291.576.267
Công ty TNHH Asia Packaging Industries (Việt Nam)	71.121.875.267	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hanaka	51.080.263.953	73.535.489.306
Công ty khác	746.965.109.674	927.756.086.961
Các bên liên quan (Thuyết minh số 36)	1.007.018.530.668	558.402.577.248
TỔNG CỘNG	1.876.185.779.562	1.559.694.153.515

19. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Các bên thứ ba	490.164.100.893	381.635.895.798
Các bên liên quan (Thuyết minh số 36)	131.551.956	-
TỔNG CỘNG	490.295.652.849	381.635.895.798

20. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm (đã được trình bày lại - Thuyết minh số 39)
Thuế giá trị gia tăng	146.584.161.036	62.878.373.510
Thuế thu nhập doanh nghiệp	63.987.424.002	244.449.581.436
Thuế tiêu thụ đặc biệt	565.959.046.606	3.861.269.388.802
Thuế đất	5.765.253.985	77.181.113.261
Thuế khác	21.472.903.083	15.602.876.585
TỔNG CỘNG	803.768.788.712	4.261.381.333.594

21. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm(đã được trình bày lại - Thuyết minh số 39)	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế giá trị gia tăng	(8.068.432.535)	1.537.758.642.107	(1.516.753.825.769)	12.936.383.803
Thuế tiêu thụ đặc biệt	3.861.269.388.802	6.802.624.828.268	(10.097.935.170.464)	565.959.046.606
Thuế xuất, nhập khẩu	(2.600.733)	26.199.243.138	(26.200.464.398)	(3.821.993)
Thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuyết minh số 34.1)	129.013.523.736	254.202.906.344	(984.037.331.258)	(600.820.901.178)
Thuế thu nhập cá nhân	11.675.854.315	118.304.645.934	(110.143.581.437)	19.836.918.812
Thuế đất	75.993.571.509	37.962.700.247	(120.020.382.576)	(6.064.110.820)
Các loại thuế khác	2.045.149.814	5.089.930.555	(6.363.695.369)	771.385.000
TỔNG CỘNG	4.071.926.454.908	8.782.142.896.593	(12.861.454.451.271)	(7.385.099.770)

VND

22. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm (đã được trình bày lại - Thuyết minh số 39)
Chi phí hỗ trợ bán hàng, hoạt động khuyến mãi	253.666.860.813	203.657.809.824
Chi phí lãi vay	15.834.742.881	20.818.430.541
Chi phí phải trả mua sắm tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang	6.150.864.833	20.140.530.914
Chi phí phải trả mua nguyên vật liệu	5.735.836.630	6.090.523.368
Chi phí vận chuyển và bốc dỡ	5.203.280.049	57.027.807.316
Chi phí thuê kho	903.935.413	11.452.336.090
Các khoản khác	88.466.191.072	38.794.325.583
TỔNG CỘNG	375.961.711.691	357.981.763.636

VND

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

B09-DN/HN

23. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm (đã được trình bày lại - Thuyết minh số 39)
Ngắn hạn	1.288.893.414.226	1.042.860.443.900
Cổ tức phải trả	221.970.200.071	34.814.482.652
Phải trả Nhà nước cho phần đánh giá quyền sử dụng đất khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa (Thuyết minh số 14)	735.379.872.700	735.379.872.700
Ký quỹ, ký cược nhận được	242.200.647.385	175.294.752.259
Quỹ công tác xã hội	37.233.839.078	41.355.808.098
Tạm ứng từ việc thanh lý giải thể quỹ đầu tư chứng khoán Sài Gòn A2 (*)	17.995.095.645	15.350.000.000
Khác	34.113.759.347	40.665.528.191
Dài hạn	52.776.316.000	65.182.716.000
Phải trả tiền thuê đất (**)	51.602.316.000	51.602.316.000
Ký quỹ, ký cược nhận được	822.000.000	3.473.000.000
Khác	352.000.000	10.107.400.000
TỔNG CỘNG	1.341.669.730.226	1.108.043.159.900

- (*) Quỹ đầu tư Chứng khoán Sài Gòn A2 (SFA2) đang trong quá trình giải thể. Căn cứ vào Nghị quyết Đại hội Thành viên Thường niên 2011 ngày 16 tháng 12 năm 2011 của SFA2 và Biên bản họp Ban đại diện Quỹ SFA2 số 01/2012/SFA2-BĐĐQ ngày 19 tháng 04 năm 2013, Quỹ SFA2 đã chuyển trả 15.350.000.000 VND từ việc thanh lý tài sản của Quỹ này cho Tổng Công ty. Khoản tiền này sẽ được quyết toán và ghi nhận giảm giá trị đầu tư khi quỹ này chính thức giải thể.
- (**) Phải trả khác dài hạn này thể hiện khoản tiền thuê đất phải trả cho Nhà nước. Lô đất này đang được chờ bàn giao để góp vốn vào công ty khác (Thuyết minh số 12).

24. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	299.092.046.550	226.469.149.208
Trích lập từ lợi nhuận sau thuế (Thuyết minh số 26.1 và 27)	335.640.766.431	314.204.776.891
Chi trả	(304.207.973.110)	(241.581.879.549)
Số cuối năm	330.524.839.871	299.092.046.550

VND

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

B09-DN/HN

25. VAY

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn	1.042.309.667.870	1.051.664.640.371
Vay ngắn hạn từ ngân hàng	1.030.103.966.113	757.245.520.097
Vay dài hạn đến hạn trả	12.205.701.757	294.419.120.274
Vay dài hạn	164.412.285.558	610.451.263.039
Vay dài hạn từ ngân hàng	164.412.285.558	610.451.263.039

Tình hình tăng (giảm) các khoản vay như sau:

VND

	Vay ngắn hạn	Vay dài hạn
Số đầu năm	1.051.664.640.371	610.451.263.039
Tiền thu từ đi vay	3.758.125.293.991	122.554.975.660
Kết chuyển vay dài hạn đến hạn trả	10.797.154.709	(10.797.154.709)
Tiền chi trả nợ gốc vay	(3.778.277.421.201)	(557.796.798.432)
Số cuối năm	1.042.309.667.870	164.412.285.558

Chi tiết của các khoản vay ngắn hạn ngân hàng như sau:

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	575.471.744.046	475.835.215.358
Ngân hàng TMCP Quốc Tế	253.978.739.460	105.076.465.989
Ngân hàng TMCP Quân Đội Việt Nam	23.900.000.000	71.053.456.576
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	140.695.605.119	28.957.633.115
Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam	36.057.877.488	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	-	76.322.749.059
	1.030.103.966.113	757.245.520.097

Các khoản vay ngắn hạn tại các ngân hàng là các khoản vay bằng VND có thời hạn dưới một năm, có lãi suất biến động từ 4,1% đến 5,2%. Các khoản vay này được đảm bảo bằng các khoản tiền gửi tiết kiệm, hàng tồn kho luân chuyển, các khoản phải thu, máy móc thiết bị và nhà cửa vật kiến trúc.

Chi tiết của các khoản vay dài hạn ngân hàng như sau:

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngân hàng TMCP Quốc Tế	112.025.142.404	175.007.848.009
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	61.210.000.000	699.554.877.336
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	-	28.731.428.014
Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt	3.382.844.911	1.576.229.954
	176.617.987.315	904.870.383.313
Trong đó:		
Nợ dài hạn đến hạn trả	12.205.701.757	294.419.120.274
Nợ dài hạn	164.412.285.558	610.451.263.039

Các khoản vay dài hạn tại các ngân hàng là các khoản vay bằng VND có thời gian đáo hạn từ năm 2017 đến 2020. Các khoản vay này có lãi suất khác nhau theo điều khoản của từng hợp đồng vay và thay đổi theo lãi suất cơ bản cộng với một biên độ hợp lý. Các khoản vay này được đảm bảo bằng các khoản tiền gửi tiết kiệm, quyền sử dụng đất và các tài sản được hình thành từ nguồn vốn vay.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

B09-DN/HN

26. VỐN CHỦ SỞ HỮU

26.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Vốn khác thuộc vốn chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư và phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015								
Số đầu năm (đã được trình bày trước đây)	6.412.811.860.000	3.208.666.226	(32.550.000.000)	7.596.949.634	1.066.404.283.731	4.901.500.279	4.741.509.148.405	12.203.882.408.275
Trình bày lại – Thuyết minh số 39	-	-	-	-	-	-	(2.513.156.245.915)	(2.513.156.245.915)
Số đầu năm (được trình bày lại)	6.412.811.860.000	3.208.666.226	(32.550.000.000)	7.596.949.634	1.066.404.283.731	4.901.500.279	2.228.352.902.490	9.690.726.162.360
Lợi nhuận thuần trong năm (được trình bày lại)	-	-	-	-	-	-	3.316.740.491.579	3.316.740.491.579
Cổ tức công bố	-	-	-	-	-	-	(1.603.205.465.000)	(1.603.205.465.000)
Trích lập quỹ	-	-	-	-	33.244.011.572	1.207.034.348	(34.451.045.920)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(285.474.301.704)	(285.474.301.704)
Sử dụng quỹ	-	-	-	-	-	-	(32.011.514.308)	(32.011.514.308)
Chênh lệch tỷ giá	-	-	-	6.642.733.546	-	-	-	6.642.733.546
Tăng (giảm) khác	-	-	7.000.000.000	-	354.829.948	-	(6.703.160.918)	651.669.030
Số cuối năm	6.412.811.860.000	3.208.666.226	(25.550.000.000)	14.239.683.180	1.100.003.125.251	6.108.534.627	3.583.247.906.219	11.094.069.775.503

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

B09-DN/HN

26. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

26.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

	Vốn cổ phần	Vốn khác thuộc vốn chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư và phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016								
Số đầu năm (đã được trình bày lại)	6.412.811.860.000	3.208.666.226	(25.550.000.000)	14.239.683.180	1.100.003.125.251	6.108.534.627	3.583.247.906.219	11.094.069.775.503
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	4.477.971.866.799	4.477.971.866.799
Bán cổ phiếu quỹ	-	-	2.100.000.000	-	-	-	-	2.100.000.000
Cổ tức công bố	-	-	-	-	-	-	(3.846.349.230.840)	(3.846.349.230.840)
Trích quỹ	-	-	-	-	18.278.639.620	1.000.000.000	(19.278.639.620)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(307.716.580.255)	(307.716.580.255)
Trích lập quỹ công tác xã hội	-	-	-	-	-	-	(33.998.999.999)	(33.998.999.999)
Sử dụng quỹ	-	-	-	-	-	(1.067.797.588)	(4.755.309.475)	(5.823.107.063)
Chênh lệch tỷ giá	-	-	-	2.766.916.899	-	-	-	2.766.916.899
Thay đổi tỷ lệ sở hữu của cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	116.530.439	-	84.211.209	200.741.648
Tăng khác	-	-	-	-	-	-	3.720.027.017	3.720.027.017
Số cuối năm	6.412.811.860.000	3.208.666.226	(23.450.000.000)	17.006.600.079	1.118.398.295.310	6.040.737.039	3.852.925.251.055	11.386.941.409.709

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

B09-DN/HN

26. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

26.2 Vốn cổ phần

Vào ngày 17 tháng 04 năm 2008, Tổng Công ty thực hiện cổ phần hóa và phát hành 641.281.186 cổ phiếu phổ thông với mệnh giá 10.000 VND. Nhà nước bán ra công chúng 66.762.052 cổ phiếu vào ngày này.

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Tất cả các cổ phiếu có cùng các quyền, kể cả về quyền biểu quyết, hưởng cổ tức, hoàn vốn.

Các cổ đông của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 gồm:

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Tổng số	Cổ phiếu thưởng	Cổ phiếu ưu đãi	Tổng số	Cổ phiếu thưởng	Cổ phiếu ưu đãi
Số lượng cổ phiếu đăng kí	641.281.186	641.281.186	-	641.281.186	641.281.186	-
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	641.281.186	641.281.186	-	641.281.186	641.281.186	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	641.281.186	641.281.186	-	641.281.186	641.281.186	-

26.3 Cổ tức

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	34.814.482.652	35.820.782.350
Cổ tức phải trả trong năm	3.944.638.787.795	1.677.975.044.772
Cổ tức đã chi trả bằng tiền	(3.757.483.070.376)	(1.678.981.344.470)
Số cuối năm	221.970.200.071	34.814.482.652

27. LỢI ÍCH CỦA CÁC CỔ ĐÔNG KHÔNG KIỂM SOÁT

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	995.617.570.458	915.431.435.170
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(27.924.186.176)	(28.730.475.187)
Chia cổ tức	(97.479.390.440)	(74.769.579.772)
Thay đổi trong tỷ lệ sở hữu của các cổ đông không kiểm soát	(598.831.647)	(4.961.251.747)
Chi quỹ Công tác xã hội	(30.774.072)	(1.152.898.761)
Lợi nhuận thuần trong năm	176.616.872.764	189.800.340.755
Số cuối năm	1.046.201.260.887	995.617.570.458

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

B09-DN/HN

28. DOANH THU

28.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

VND

	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	30.603.273.412.475	27.165.691.554.587
Trong đó:		
Doanh thu bia	26.169.206.173.886	23.674.701.803.634
Doanh thu bao bì vật tư	3.815.794.413.249	2.936.146.219.276
Doanh thu nước giải khát	448.745.801.188	373.353.790.592
Doanh thu cồn	44.234.574.247	46.468.001.299
Doanh thu rượu	24.803.435.392	30.103.115.434
Doanh thu khác	100.489.014.513	104.918.624.352
Các khoản giảm trừ doanh thu	(34.595.644.700)	(21.389.967.243)
Trong đó:		
Chiết khấu thương mại	(33.458.195.100)	(19.682.476.899)
Giảm giá hàng bán	-	(1.534.490.753)
Hàng bán bị trả lại	(1.137.449.600)	(172.999.591)
Doanh thu thuần	30.568.677.767.775	27.144.301.587.344

28.2 Doanh thu hoạt động tài chính

VND

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	469.858.298.854	387.152.789.335
Lãi thanh lý khoản đầu tư tài chính dài hạn	198.590.996.720	-
Thu nhập cổ tức	55.393.932.322	836.962.600
Lãi đầu tư trái phiếu, cho vay	17.063.470.766	25.925.000.004
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	5.244.111.551	1.682.064.142
Khác	4.890.259.776	3.050.167.348
TỔNG CỘNG	751.041.069.989	418.646.983.429

29. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

VND

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn bia	18.238.702.494.179	16.373.015.951.999
Giá vốn bao bì vật tư	3.641.004.141.684	2.868.520.764.309
Giá vốn nước giải khát	293.051.027.288	248.732.290.754
Giá vốn cồn	42.095.708.465	45.836.863.572
Giá vốn rượu	25.265.568.474	26.224.299.402
Khác	61.023.701.931	83.655.900.178
TỔNG CỘNG	22.301.142.642.021	19.645.986.070.214

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

B09-DN/HN

30. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

VND

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền vay	82.182.081.908	76.591.492.301
(Hoàn nhập) trích lập dự phòng giảm giá đầu tư	(15.357.034.990)	22.721.125.802
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.409.348.052	3.015.965.034
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư	-	16.526.150.403
Lỗ do đánh giá lại các khoản có gốc ngoại tệ cuối năm	1.405.639	398.598.149
Khác	428.400.176	2.541.802.617
TỔNG CỘNG	68.664.200.785	121.795.134.306

31. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

VND

	Năm nay	Năm trước (đã được trình bày lại – Thuyết minh số 39)
Chi phí bán hàng	2.781.731.453.998	2.682.965.745.154
Chi phí quảng cáo tiếp thị	1.400.813.712.172	1.269.108.033.294
Chi phí nhân công	585.136.328.177	497.385.223.327
Chi phí bao bì, vật liệu	314.743.401.156	442.409.259.975
Chi phí thuê	149.388.381.079	147.158.499.736
Chi phí vận chuyển, khâu vác	118.124.051.291	124.351.559.021
Chi phí khấu hao và hao mòn	24.623.933.631	23.006.833.797
Khác	188.901.646.492	179.546.336.004
Chi phí quản lý doanh nghiệp	781.828.733.942	1.154.417.338.528
Chi phí nhân công	355.127.609.643	292.107.649.345
Chi phí thuê	37.129.611.352	35.446.142.259
Chi phí khấu hao và hao mòn	32.404.267.235	35.621.613.960
Chi phí nguyên vật liệu	12.349.220.976	18.931.289.723
Lợi thế kinh doanh	-	150.175.616.584
Dự phòng thuế tiêu thụ đặc biệt	-	375.067.849.931
Khác	344.818.024.736	247.067.176.726
TỔNG CỘNG	3.563.560.187.940	3.837.383.083.682

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

B09-DN/HN

32. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

VND

	Năm nay	Năm trước
Thu nhập khác	128.295.160.294	132.650.025.073
Thu từ thanh lý phế liệu và bồi thường vỏ chai bể	68.391.050.691	33.049.633.634
Lợi thế thương mại phát sinh trong quá trình đầu tư thành lập công ty liên kết	26.754.870.177	-
Thanh lý tài sản cố định	20.635.059.577	1.887.225.497
Khác	12.514.179.849	97.713.165.942
Chi phí khác	(112.898.420.059)	(96.617.766.822)
Giá vốn thanh lý phế liệu, chai bể	(82.675.001.544)	(55.510.237.579)
Khác	(30.223.418.515)	(41.107.529.243)
GIÁ TRỊ THUẦN	15.396.740.235	36.032.258.251

33. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

VND

	Năm nay	Năm trước (đã được trình bày lại – Thuyết minh số 39)
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	19.389.038.176.140	19.150.495.220.238
Chi phí nhân công	1.440.162.367.017	1.201.698.092.798
Chi phí khấu hao	633.843.505.732	635.241.633.774
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.294.642.444.456	1.716.855.391.781
Chi phí khác	2.440.751.983.587	1.102.473.298.507
TỔNG CỘNG	26.198.438.476.932	23.806.763.637.098

34. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp (“thuế TNDN”) áp dụng cho Tổng Công ty là 20% thu nhập chịu thuế (năm 2015: 22%).

Các công ty con của Tổng Công ty được hưởng ưu đãi, miễn, giảm thuế TNDN theo các GCNĐKKD, Giấy phép Đầu tư tương ứng và các luật thuế hiện hành.

Các báo cáo thuế của Tổng Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

B09-DN/HN

34. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

34.1 Chi phí thuế TNDN

VND

	Năm nay	Năm trước (đã được trình bày lại – Thuyết minh số 39)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	253.242.622.101	1.069.232.104.128
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN trích thiếu trong những năm trước	960.284.243	-
Chi phí (thu nhập) thuế TNDN hoãn lại	798.606.579.969	(209.702.819.639)
TỔNG CỘNG	1.052.809.486.313	859.529.284.489

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế TNDN:

VND

	Năm nay	Năm trước (đã được trình bày lại – Thuyết minh số 39)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	5.707.398.225.876	4.366.070.116.823
Thuế TNDN theo thuế áp dụng cho các công ty trong Tập đoàn	1.141.479.645.176	960.535.425.701
Ưu đãi thuế	(23.832.078.484)	(37.061.903.123)
Chênh lệch thuế suất giữa các công ty	5.916.222.092	(3.155.095.448)
Các điều chỉnh:		
Thu nhập chưa thực hiện và không chịu thuế	(81.739.526.356)	(76.298.983.089)
Các chi phí không được khấu trừ	9.407.320.095	13.077.912.946
Điều chỉnh thuế TNDN trích thừa trong những năm trước	960.284.243	-
Lỗi năm trước chuyển sang	(481.010.731)	-
Điều chỉnh khác	1.098.630.279	2.431.927.502
Chi phí thuế TNDN	1.052.809.486.313	859.529.284.489

34.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện hành. Thu nhập chịu thuế của Tổng Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Tổng Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

34. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

34.3 Thuế TNDN hoãn lại

Tổng Công ty đã ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả với các biến động trong năm báo cáo và năm trước như sau:

	Bảng cân đối kế toán hợp nhất		Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	
	Số cuối năm (đã được trình bày lại – Thuyết minh số 39)	Số đầu năm (đã được trình bày lại – Thuyết minh số 39)	Năm nay	Năm trước (đã được trình bày lại – Thuyết minh số 39)
			(808.126.246.476)	128.954.750.634
Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	808.126.246.476		
Lợi nhuận chưa thực hiện	98.414.042.920	76.329.117.152	22.084.925.768	19.256.939.345
Lợi thế thương mại	11.820.807.358	20.896.412.881	(9.075.605.523)	20.896.412.881
Dự phòng các khoản đầu tư tài chính	7.719.581.849	12.384.880.850	(4.665.299.001)	12.384.880.850
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	2.526.524.534	1.822.212.867	704.311.667	1.600.000.000
Lỗ có thể sử dụng để bù trừ với thu nhập chịu thuế trong tương lai	801.672.706	1.275.549.636	(473.876.930)	(1.358.117.487)
Các khoản khác	-	490.707.790	(490.707.790)	2.592
Tài sản thuế TNDN hoãn lại	121.282.629.367	921.325.127.652		
Dự phòng các khoản đầu tư tài chính	(8.584.452.175)	(9.952.674.140)	1.368.221.965	28.666.905.400
Chênh lệch chi phí khấu hao	(3.983.035.596)	(3.932.731.947)	(50.303.649)	599.045.424
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	(1.180.000.000)	(1.298.000.000)	118.000.000	(1.298.000.000)
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	(13.747.487.771)	(15.183.406.087)		
Tổng (chi phí) thu nhập thuế TNDN hoãn lại			(798.606.579.969)	209.702.819.639

VND

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

B09-DN/HN

35. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tổng Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

	Năm nay	Năm trước (đã được trình bày lại – Thuyết minh số 39)
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty mẹ (VND)	4.477.971.866.799	3.316.740.491.579
Điều chỉnh giảm do trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND) (*)	(349.121.224.754)	(309.538.350.604)
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân	640.916.186	640.816.186
Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND) (mệnh giá: 10.000 VND/cổ phiếu)	6.442	4.693

(*) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trước đây trong báo cáo tài chính cho giai đoạn này để phản ánh khoản thực trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận để lại của năm 2015 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 được điều chỉnh giảm cho khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi dự kiến từ lợi nhuận của năm 2016 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Tổng Công ty không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày hoàn thành các báo cáo tài chính.



36. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Tổng Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Bía Sài Gòn - Bình Tây	Công ty liên kết	Mua thành phẩm	2.275.264.260.690	2.065.096.592.610
		Bán vật tư, bao bì	661.577.735.653	596.944.829.505
		Thu nhập cổ tức	18.150.064.000	15.000.000.000
		Doanh thu khác	-	4.079.982.514
Công ty Cổ phần Vận tải và Giao nhận Bía Sài Gòn	Công ty liên quan	Phí sử dụng vỏ chai	-	3.673.028.197
		Phí dịch vụ vận chuyển	14.254.208.916	-
		Thu nhập từ cổ tức, lợi nhuận được chia	8.000.000.000	-
		Doanh thu khác	100.617.176	-
Công ty TNHH Crown Sài Gòn	Công ty liên doanh	Doanh thu bán nguyên vật liệu	4.908.790	-
		Mua bao bì	1.412.992.733.830	1.245.312.845.978
		Thu nhập cổ tức	108.231.096.319	98.149.623.776
		Doanh thu khác	608.734.568	-
Công ty Cổ phần Bía Sài Gòn - Phú Lý	Công ty liên kết	Doanh thu bán nguyên vật liệu	246.928.557	-
		Mua thành phẩm	949.900.735.220	816.922.655.600
		Bán vật tư, bao bì	378.279.534.950	329.709.514.594
		Thu nhập cổ tức	9.784.600.000	17.123.050.000
Công ty Cổ phần Bía Sài Gòn - Miền Trung	Công ty liên kết	Doanh thu khác	-	80.361.818
		Mua thành phẩm	639.327.969.388	978.209.879.740
		Doanh thu bán nguyên vật liệu	111.863.060.890	204.783.024.557
		Thu nhập cổ tức	15.387.780.800	14.426.044.500
		Doanh thu khác	134.933.198	110.200.000
		Phí sử dụng vỏ chai	-	3.355.890.754

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

36. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Tổng Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Bía Sài Gòn - Phú Thọ	Công ty liên kết	Mua thành phẩm	786.467.044.879	704.137.305.300
		Bán vật tư, bao bì	298.144.919.288	290.847.232.073
		Thu nhập cổ tức	10.971.875.000	6.757.500.000
		Doanh thu khác	558.142.918	-
Công ty Cổ phần Nước giải khát Tây Đô	Công ty liên kết	Mua thành phẩm	878.149.676.756	660.326.340.550
		Bán vật tư, bao bì	285.023.319.714	219.339.202.530
		Thu nhập cổ tức	2.542.500.000	5.932.500.000
		Doanh thu khác	1.804.000	1.212.649.506
Công ty Cổ phần Bía Sài Gòn - Bạc Liêu	Công ty liên kết	Phí sử dụng vỏ chai	-	709.234.644
		Mua thành phẩm	624.941.031.340	491.376.024.000
		Bán vật tư, bao bì	107.968.370.275	103.905.759.220
		Thu nhập cổ tức	-	-
Cho thuê hệ thống chiết bia		Doanh thu khác	2.402.070.391	2.166.304.800
		Phí sử dụng vỏ chai	-	2.179.944.800
		Mua thành phẩm	1.065.835.361.517	1.470.364.506
		Bán vật tư, bao bì	417.305.672.478	918.695.618.760
Công ty Cổ phần Bía Sài Gòn – Ninh Thuận	Công ty liên kết	Thu nhập cổ tức	2.970.000.000	368.354.665.355
		Mua vật tư, bao bì	-	8.910.000.000
				352.466.725
Công ty Cổ phần Bía Sài Gòn – Vĩnh Long	Công ty liên kết	Mua thành phẩm	1.004.725.647.050	983.121.050.350
		Bán vật tư, bao bì	265.027.999.771	307.681.848.812
		Thu nhập khác	3.201.716.196	4.398.527.251
		Thu nhập cổ tức	6.000.000.000	6.000.000.000
		Mua vật tư, bao bì	-	348.804.000
		Phí sử dụng vỏ chai	-	951.412.327

36. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Tổng Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (“SCIC”)	Công ty liên kết	Cổ tức đã trả	3.447.114.804.000	1.436.297.835.000
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Kiên Giang	Công ty liên kết	Mua thành phẩm	732.924.109.440	358.380.552.700
		Bán vật tư, bao bì	155.416.871.305	-
		Thu nhập cổ tức	5.000.000.000	-
		Góp vốn bằng tiền	3.000.000.000	-
		Doanh thu khác	4.400.000	2.169.533.045
		Phí sử dụng vỏ chai	-	928.347.786
Công ty TNHH Bao bì San Miguel Phú Thọ	Công ty liên doanh	Mua bao bì	162.247.328.000	-
		Thu nhập cổ tức	3.893.750.000	3.820.250.000
		Doanh thu khác	1.112.320.000	119.040.000
		Mua thành phẩm	-	172.865.104.400
Công ty TNHH Trung tâm Mê Linh	Công ty liên doanh	Chia lợi nhuận	23.198.045.240	21.575.883.051
Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam	Công ty liên kết	Thu nhập cổ tức	30.321.140.800	28.426.069.500
Công ty Cổ phần Lương thực – Thực phẩm SABECO	Công ty liên kết	Thu nhập từ cổ tức, lợi nhuận được chia	30.321.140.800	-
Công ty TNHH Đầu Tư SABECO HP	Bên liên quan	Góp vốn bằng lợi thế thương mại	24.426.586.800	-
		Góp vốn bằng tiền	54.959.820.300	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

36. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc năm tài chính, các khoản phải thu với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu khách hàng ngắn hạn (Thuyết minh số 6)				
Công ty Cổ phần Bia Nước giải khát Sài Gòn - Tây Đô	Công ty liên kết	Bán vật tư, bao bì	119.517.097.392	116.462.134.555
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bình Tây	Công ty liên kết	Bán vật tư, bao bì	59.678.523.859	86.058.826.137
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Lý	Công ty liên kết	Bán vật tư, bao bì	41.023.814.802	48.292.173.492
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ	Công ty liên kết	Bán vật tư, bao bì	36.840.775.892	45.347.678.475
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Vĩnh Long	Công ty liên kết	Bán vật tư, bao bì	36.297.384.678	38.109.306.166
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Ninh Thuận	Công ty liên kết	Bán vật tư, bao bì	33.177.905.304	36.099.328.735
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang	Công ty liên kết	Bán vật tư, bao bì	28.820.242.068	37.369.545.064
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Khánh Hòa	Công ty liên kết	Bán vật tư, bao bì	28.318.206.689	-
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung	Công ty liên kết	Bán vật tư, bao bì	12.733.083.100	24.952.788.635
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu	Công ty liên kết	Bán vật tư, bao bì	7.283.525.880	34.186.509.528
Công ty TNHH Sản xuất Rượu Cồn Việt Nam	Công ty liên kết	Bán vật tư, bao bì	1.855.700.000	-
Công ty TNHH Bao Bì Samiguel Phú Thọ	Công ty liên kết	Bán vật tư, bao bì	107.008.000	-
Công ty Cổ phần Vận tải & Giao nhận Bia Sài Gòn	Bên liên quan	Bán vật tư, bao bì	27.806.341	-
Các công ty khác	Bên liên quan	Bán vật tư, bao bì	1,815,000	1,104,254,688
TỔNG CỘNG			405.682.889.005	467.982.545.475

36. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc năm tài chính, các khoản phải thu với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan		Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
VND					
Trả trước cho người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 6)					
Công ty Cổ phần Bao Bì Kho bãi Bình Tây	Bên liên quan		Trả trước tiền mua vật tư	252.720.400	-
Công ty Cổ phần Vận tải & Giao nhận Bia Sài Gòn	Bên liên quan		Trả trước tiền mua dịch vụ	1.659.200	-
				254.379.600	-
Phải thu khác ngắn hạn (Thuyết minh số 7)					
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Tân Thành	Công ty liên kết		Góp vốn bằng quyền sử dụng đất	277.230.733.543	277.230.733.543
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang	Công ty liên kết		Thu chi hộ	10.657.771.029	9.688.882.754
Công ty Cổ phần Bía Sài Gòn - Miền Trung	Công ty liên kết		Phí sử dụng vỏ chai	1.114.686.039	-
Công ty Cổ phần Bía Sài Gòn - Vĩnh Long	Công ty liên kết		Phí sử dụng vỏ chai	930.696.260	-
Công ty Cổ phần Vận tải & Giao nhận Bia Sài Gòn	Bên liên quan		Phải thu khác	325.000.000	-
			Phí sử dụng vỏ chai	348.526.333	-
			Phải thu khác	162.062.575	-
Công ty Cổ phần Bía - Nước Giải khát Sài Gòn - Tây Đô	Công ty liên kết		Phí sử dụng vỏ chai	496.718.521	2.020.000.000
Công ty Cổ phần Bía Sài Gòn - Ninh Thuận	Công ty liên kết		Cổ tức	-	2.970.000.000
Công ty Cổ phần Bía Sài Gòn - Khánh Hòa	Bên liên quan		Cổ tức	83.916.000	-
				291.350.110.300	291.909.616.297

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

36. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc năm tài chính, các khoản phải trả với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

Bên liên quan		Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
VND					
Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 18)					
Công ty Cổ phần Vận tải & Giao nhận Bía Sài Gòn	Bên liên quan		Mua hàng	299.088.828.871	-
Công ty TNHH Crown Sài Gòn	Công ty liên doanh		Mua bao bì	236.759.057.331	136.093.910.040
Công ty Cổ phần Bía Sài Gòn - Bình Tây	Công ty liên kết		Mua hàng	134.379.078.637	78.559.726.642
Công ty Cổ phần Bía Nước giải khát Sài Gòn - Tây Đô	Công ty liên kết		Mua hàng	109.676.927.840	120.703.290.635
Công ty Cổ phần Bía Sài Gòn - Phú Lý	Công ty liên kết		Mua hàng	45.929.503.334	38.097.378.660
Công ty Cổ phần Bía Sài Gòn - Miền Trung	Công ty liên kết		Mua hàng	36.631.119.635	41.568.338.350
Công ty Cổ phần Bía Sài Gòn - Kiên Giang	Công ty liên kết		Mua hàng	25.921.757.290	24.178.669.900
Công ty TNHH Thủy Tinh Malaysia Việt Nam	Công ty liên doanh		Mua bao bì	23.422.863.420	8.280.144.180
Công ty Cổ phần Bía Sài Gòn Khánh Hòa	Công ty liên kết		Mua hàng	22.027.600.100	-
Công ty Cổ phần Bía Sài Gòn - Ninh Thuận	Công ty liên kết		Mua hàng	19.889.645.500	14.106.620.000
Công ty Cổ phần Bía Sài Gòn - Phú Thọ	Công ty liên kết		Mua bao bì	16.276.994.800	36.178.496.221
Công ty TNHH Bao bì Samiguel Phú Thọ	Công ty liên doanh		Mua hàng	15.290.440.000	14.831.850.000
Công ty Cổ phần Bía Sài Gòn - Bạc Liêu	Công ty liên kết		Mua hàng	10.899.273.770	20.050.858.680
Công ty Cổ phần Bía Sài Gòn - Vĩnh Long	Công ty liên kết		Mua hàng	10.055.674.640	25.753.293.940
Công ty Cổ phần lương thực - Thực phẩm SABECO	Công ty liên kết		Mua hàng	769.765.500	-
				1.007.018.530.668	558.402.577.248

36. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc năm tài chính, các khoản phải trả với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
VND				
<i>Người mua ứng tiền trước</i>				
Công ty Cổ phần Bía Sài Gòn - Miền Trung	Công ty liên kết	Tạm ứng tiền mua hàng	73.831.956	-
Công ty Cổ phần Bía Sài Gòn - Vĩnh Long	Công ty liên kết	Tạm ứng tiền mua hàng	57.720.000	-
TỔNG CỘNG			131.551.956	-
<i>Phải trả khác ngắn hạn</i>				
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Chuyển giao Công nghệ Thành Nam	Công ty liên kết	Phải trả khác	340.000.000	340.000.000
Công ty Cổ phần Bía Sài Gòn - Bình Tây	Công ty liên kết	Phải trả khác	287.780.949	-
Công ty Cổ phần Vận tải & Giao nhận Bía Sài Gòn	Bên liên quan	Phải trả khác	195.251.930	-
Công ty TNHH Bao bì Kho bãi Bình Tây	Công ty liên kết	Phải trả khác	-	1.226.708.799
TỔNG CỘNG			823.032.879	1.566.708.799
<i>Phải trả khác dài hạn</i>				
Công ty TNHH Bao bì Samiguel Phú Thọ	Công ty liên doanh	Tiền thuê đất phải trả cho nhà nước	51.602.316.000	51.602.316.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

36. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát trong năm như sau:

VND		
	Năm nay	Năm trước
Lương và các lợi ích khác	11.756.235.903	4.678.800.000

37. CÁC CAM KẾT

Cam kết thuê hoạt động

Tổng Công ty đã có cam kết theo hợp đồng thuê văn phòng và thuê đất theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo các hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

VND		
	Số cuối năm	Số đầu năm
Dưới 1 năm	209.349.783.071	150.854.166.528
Từ 1 đến 5 năm	540.541.563.562	358.352.114.322
Trên 5 năm	618.231.178.448	422.481.219.693
TỔNG CỘNG	1.368.122.525.081	931.687.500.543

Các cam kết liên quan đến chi phí đầu tư

Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2016, Tổng Công ty có khoản cam kết 70.443.335.200 VND (Ngày 31 tháng 12 năm 2015: 56.076.362.488 VND) chủ yếu liên quan đến việc mua sắm các máy móc mới phục vụ hoạt động của Tổng Công ty.

38. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Đơn vị	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ			
Đô la Mỹ (USD)	USD	5.113.215	1.081.791
Đồng Euro (EUR)	EUR	40.868	60.313
Hàng hoá nhận giữ hộ		98.318.328.104	69.435.208.915

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

B09-DN/HN

39.

TRÌNH BÀY VÀ PHÂN LOẠI LẠI BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM TRƯỚC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã quyết định điều chỉnh hồi tố và phân loại lại các số liệu năm trước nhằm phản ánh hợp lý hơn tình hình tài chính của Tổng Công ty như sau:

Điều chỉnh chi phí thuế tiêu thụ đặc biệt (“TTĐB”) từ năm 2007 đến năm 2015

Căn cứ Thông báo của Kiểm toán Nhà nước (“KTNN”) số 119/TB-KTNN ngày 04 tháng 02 năm 2015 về kết quả kiểm toán báo cáo tài chính năm 2013; Kết luận Thanh tra số 18234/BTC-Tr ngày 08 tháng 12 năm 2015 của Bộ Tài chính về thông tin tài chính năm 2014 và 9 tháng đầu năm 2015 và Quyết định số 2422/QĐ-TCT ngày 06 tháng 12 năm 2016 của Cục Thuế Thành phố Hồ Chí Minh về việc kiểm tra thuế tại Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước giải khát Sài Gòn, số thuế TTĐB phải nộp tăng thêm do thay đổi giá tính thuế TTĐB từ Công ty TNHH MTV Thương mại Bia Sài Gòn sang Công ty cổ phần Thương mại khu vực của công ty con, công ty liên kết, và Tổng Công ty giai đoạn 2007 – 2015 là 4.769.074.207.459 VND. Ngoài ra, theo Công văn số 16168/BTC-TCT ngày 11 tháng 11 năm 2016 về việc nộp thuế TTĐB theo kiến nghị của Thanh tra Chính phủ, Tổng Công ty có trách nhiệm nộp toàn bộ số thuế TTĐB truy thu nói trên vào Ngân sách Nhà nước (“NSNN”). Theo đó, Ban Tổng Giám đốc đã quyết định trình bày lại một số khoản mục trên báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 như sau:

- (i) Trích chi phí thuế TTĐB phải nộp bổ sung từ 2007 đến 2015 là 2.341.603.559.776 VND do số thuế TTĐB truy thu từ 2013 đến 2015 của Tổng Công ty là 728.447.975.077 VND đã được ghi nhận và nộp vào NSNN, và Tổng Công ty cũng đã trích lập dự phòng thuế TTĐB phải nộp cho công ty con và công ty liên kết cho giai đoạn 2013 – 2015 với số tiền là 1.699.022.672.604 VND trong năm 2015. Khoản thuế này đã được điều chỉnh hồi tố bằng cách ghi tăng chi phí quản lý doanh nghiệp với số tiền 30.132.268.149 VND cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015, ghi giảm lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm trước là 2.311.471.291.627 VND và ghi tăng khoản phải nộp Nhà nước tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 với tổng số tiền nói trên.
- (ii) Phân loại lại thuế TTĐB phải nộp vào NSNN cho giai đoạn 2013 – 2015 của công ty con và công ty liên kết với số tiền là VND 1.699.022.672.604 từ Dự phòng phải trả ngắn hạn đã trích lập sang Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước.
- (iii) Hoàn nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại liên quan đến khoản trích dự phòng thuế TTĐB cho giai đoạn 2013-2015 của các công ty con và công ty liên kết bằng cách ghi giảm khoản chi phí thuế TNDN hoãn lại cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 135.321.126.705 VND, ghi giảm lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm trước là 238.563.861.244 VND và ghi giảm tài sản thuế TNDN hoãn lại với tổng số tiền nói trên.

Theo đó, Tổng Công ty ghi nhận và đánh giá lại ảnh hưởng của thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại có liên quan.

Liên quan đến việc kê khai và nộp thuế này và các nghĩa vụ liên quan, Bộ Công Thương đã gửi công văn xin ý kiến và chờ phê duyệt cuối cùng của Thủ tướng Chính phủ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

B09-DN/HN

Điều chỉnh chi phí nộp bổ sung tiền thuế đất từ năm 1996 đến năm 2015

Vào ngày 30 tháng 12 năm 2015, ngày 19 tháng 01 năm 2016 và ngày 02 tháng 02 năm 2016, Tổng Công ty đã nhận được các Thông báo cập nhật về đơn giá thuê đất từ Cục Thuế Thành phố Hồ Chí Minh. Theo đó, các khoản thuế đất phải nộp bổ sung vào Ngân sách Nhà nước tại khu đất số 187 Nguyễn Chí Thanh, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh (từ năm 1996 đến năm 2015), khu đất số 474 Nguyễn Chí Thanh, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh (từ năm 1996 đến năm 2015) và khu đất số 2-4-6 Hai Bà Trưng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh (từ năm 1996 đến ngày 29 tháng 06 năm 2015). Ban Tổng Giám đốc đã quyết định điều chỉnh hồi tố các khoản chi phí liên quan đến tiền thuế đất bằng cách ghi tăng giá vốn hàng bán và chi phí quản lý doanh nghiệp với số tiền lần lượt là 62.942.308.104 VND và 12.741.415.969 VND cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015, và ghi tăng các khoản phải nộp Nhà nước tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 với số tiền 75.683.724.109 VND.

Theo đó, Tổng Công ty ghi nhận và đánh giá lại ảnh hưởng của thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại có liên quan.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

B09-DN/HN

39. TRÌNH BÀY VÀ PHÂN LOẠI LẠI BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM TRƯỚC (tiếp theo)

Các điều chỉnh khác

Tổng Công ty cũng đã thực hiện điều chỉnh hồi tố các khoản sai sót không trọng yếu khác làm tăng chi phí phải trả là 1.418.632.552 VND, giảm thuế và các khoản phải thu Nhà nước là 6.438.917.426 VND, và giảm lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm trước tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 với tổng số tiền là 7.857.549.978 VND.

Bên cạnh đó, Công ty Cổ phần Rượu Bình Tây, một công ty con của Tổng Công ty, cũng đã thực hiện điều chỉnh hồi tố các sai sót không trọng yếu khác làm giảm lợi nhuận chưa phân phối năm trước tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 với tổng số tiền là 2.520.173.679 VND.

Ngoài ra, Căn cứ vào Kết luận Thanh tra số 18234/BTC-Tr ngày 8 tháng 12 năm 2015 của Thanh tra Bộ Tài chính, Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Sông Lam, một công ty con của Tổng Công ty, đã quyết định điều chỉnh hồi tố khoản chi phí hỗ trợ thị trường năm 2014 tăng lợi nhuận sau thuế chưa phân phối với số tiền là 1.726.230.835 VND.

Tổng hợp ảnh hưởng của các điều chỉnh hồi tố và phân loại lại phát sinh từ những vấn đề đã đề cập được tóm tắt như sau:

VND

	Ngày 31 tháng 12 năm 2015 (đã được trình bày trước đây)	Điều chỉnh lại	Ngày 31 tháng 12 năm 2015 (được trình bày lại)
--	---	----------------	--

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Phải thu ngắn hạn của khách hàng	621.407.975.286	(187.710.031)	621.220.265.255
Phải thu ngắn hạn khác	420.238.479.038	300.000.000	420.538.479.038
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(48.316.328.202)	(5.500.341.447)	(53.816.669.649)
Tài sản thiếu chờ xử lý	20.224.849.131	(36.211.787)	20.188.637.344
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(35.622.407.181)	(2.498.528.190)	(38.120.935.371)
Phải trả người bán ngắn hạn	1.558.016.252.962	1.677.900.553	1.559.694.153.515
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	857.038.445.950	3.404.342.887.644	4.261.381.333.594
Chi phí phải trả ngắn hạn	358.289.361.919	(307.598.283)	357.981.763.636
Phải trả ngắn hạn khác	1.042.998.143.900	(137.700.000)	1.042.860.443.900
Dự phòng phải trả ngắn hạn	992.213.790.731	(992.213.790.731)	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	5.558.226.879.589	(1.974.978.973.370)	3.583.247.906.219
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế	2.147.931.094.165	(1.881.423.679.525)	266.507.414.640
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	3.410.295.785.424	(93.555.293.845)	3.316.740.491.579

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

B09-DN/HN

39. TRÌNH BÀY VÀ PHÂN LOẠI BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM TRƯỚC (tiếp theo)

Ảnh hưởng của các điều chỉnh hồi tố này phát sinh từ những vấn đề đã đề cập được tóm tắt như sau: (tiếp theo)

VND

	Ngày 31 tháng 12 năm 2015 (đã được trình bày trước đây)	Điều chỉnh lại	Ngày 31 tháng 12 năm 2015 (được trình bày lại)
--	---	----------------	--

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

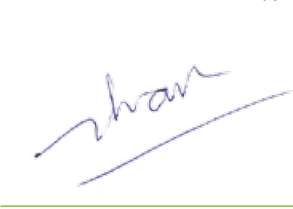
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	(19.586.557.965.165)	(59.428.105.049)	(19.645.986.070.214)
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	7.557.743.622.179	(59.428.105.049)	7.498.315.517.130
Phần lãi trong công ty liên doanh, liên kết	371.953.576.001	300.000.000	372.253.576.001
Chi phí bán hàng	(2.682.881.800.251)	(83.944.903)	(2.682.965.745.154)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	(1.110.422.928.996)	(43.994.409.532)	(1.154.417.338.528)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	4.433.244.318.056	(103.206.459.484)	4.330.037.858.572
Chi phí khác	(95.884.889.205)	(732.877.617)	(96.617.766.822)
Lợi nhuận khác	36.765.135.868	(732.877.617)	36.032.258.251
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	4.470.009.453.924	(103.939.337.101)	4.366.070.116.823
Chi phí thuế TNDN hiện hành	(1.085.882.523.432)	16.650.419.304	(1.069.232.104.128)
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	215.969.195.687	(6.266.376.048)	209.702.819.639
Lợi nhuận sau thuế TNDN	3.600.096.126.179	(93.555.293.845)	3.506.540.832.334
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	3.410.295.785.424	(93.555.293.845)	3.316.740.491.579
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.864	(171)	4.693
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	4.864	(171)	4.693

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Lợi nhuận kế toán trước thuế	4.470.009.453.924	(103.939.337.101)	4.366.070.116.823
Tăng (giảm) các khoản phải trả	(774.900.043.654)	103.939.337.101	(670.960.706.553)

40. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có các sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động của Tổng Công ty cần thiết phải được trình bày hay điều chỉnh trong báo cáo tài chính hợp nhất này.



Hoàng Thanh Vân
Người lập



Nguyễn Tiến Dũng
Kế toán trưởng



Lê Hồng Xanh
Phụ trách Ban Điều hành
Ngày 09 tháng 03 năm 2017